

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vùng chuyên canh cây điều tập trung nhiều ở

A. Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long

C. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

D. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Câu 2. Xu hướng phát triển du lịch được chú trọng ở nước ta hiện nay là

A. du lịch bền vững, du lịch thông minh.

B. đa dạng loại hình, chuyển đổi số.

C. phát triển ổn định, tăng trưởng xanh.

D. mở rộng thị trường, du lịch ảo.

Câu 3. Nhân tố chủ yếu làm thay đổi cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta theo hướng tích cực là

A. tăng trưởng kinh tế, đa dạng hoá sản xuất.

B. đô thị hoá và thu hút đầu tư nước ngoài

C. quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

D. sự hội nhập nền kinh tế quốc tế, khu vực.

Câu 4. Vịnh Vân Phong thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ được quy hoạch thành cảng trung chuyển lớn nhất nước ta dựa trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

A. Cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng, vịnh biển sâu rộng, kín gió.

B. Cơ sở hạ tầng tương đối tốt, cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng.

C. Gần các tuyến hàng hải quốc tế, cơ sở hạ tầng tương đối tốt.

D. Vịnh biển sâu rộng và kín gió, gần các tuyến hàng hải quốc tế.

Câu 5. Loại năng lượng nào sau đây ở nước ta thuộc năng lượng hoá thạch?

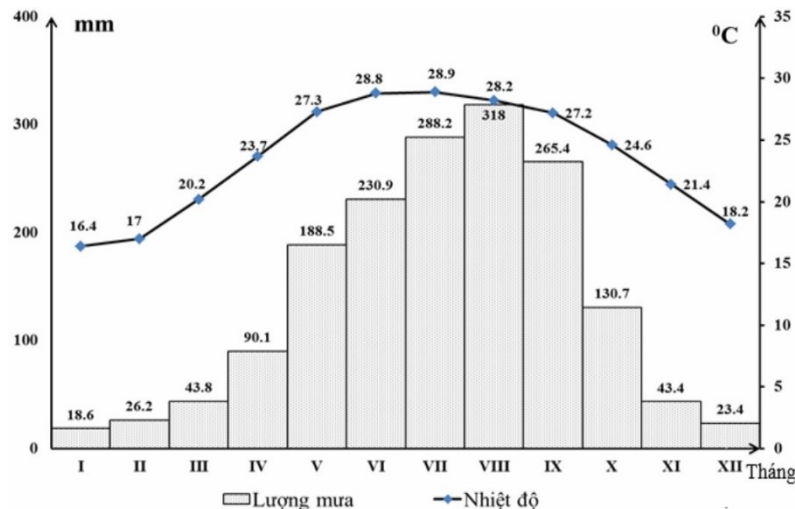
A. Điện mặt trời.

B. Điện gió.

C. Điện sinh khối.

D. Dầu thô.

Câu 6. Cho biểu đồ sau:



BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở HÀ NỘI

(Số liệu theo SGK Địa lí Nâng cao, trang 48)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội?

A. Biên độ nhiệt năm lớn, có 2 - 3 tháng mùa đông lạnh.

B. Biên độ nhiệt năm lớn, mưa chủ yếu vào mùa đông.

C. Biên độ nhiệt năm nhỏ, có 2 - 3 tháng mùa đông lạnh.

D. Biên độ nhiệt năm nhỏ, mưa chủ yếu vào mùa hạ.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển và phân bố của ngành ngoại thương ở nước ta hiện nay?

A. Thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu là các quốc gia Đông Nam Á.

B. Khoáng sản là mặt hàng xuất khẩu chủ lực ở nước ta hiện nay.

C. Chú trọng vào việc xuất khẩu các mặt hàng có giá thành cao.

D. Máy móc, thiết bị là nhóm hàng nhập khẩu chính hiện nay.

Câu 8. Vùng Đồng bằng sông Hồng có khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa đứng đầu cả nước là nhờ chủ yếu vào

A. dân số đông nhu cầu vận tải lớn.

B. nhiều sân bay, hải cảng lớn nhất cả nước.

C. nền kinh tế phát triển nhất cả nước

D. mạng lưới giao thông khá toàn diện.

Câu 9. Quốc lộ 1 bắt đầu và kết thúc ở những địa phương nào?

A. Cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn), mũi Cà Mau.

B. Cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh), mũi Cà Mau.

C. Cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn), cửa khẩu Xà Xía (Hà Tiên).

D. Cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh), cửa khẩu Xà Xía (Hà Tiên).

Câu 10. Sản xuất nông nghiệp hàng hoá ở Trung du và miền núi Bắc Bộ còn gặp khó khăn chủ yếu do

A. thiếu quy hoạch, chưa mở rộng thị trường.

B. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.

C. thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.

D. thiếu nguồn nước tưới, nhất là vào mùa khô.

Câu 11. Việc mở rộng diện tích nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long cần chú ý tới vấn đề chủ yếu nào sau đây?

A. Bảo vệ rừng ngập mặn, mở rộng thị trường tiêu thụ

B. Phát triển công nghiệp chế biến, bổ sung lao động.

C. Tăng cường giống mới, phổ biến kỹ thuật nuôi trồng.

D. Bổ sung nguồn lao động, tăng cường cơ sở thức ăn.

Câu 12. Mục đích chủ yếu của việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ là

A. tăng cường hợp tác, chuyển dịch cơ cấu ngành, thúc đẩy sự phân công lao động.

B. thu hút các nguồn vốn, phát triển kinh tế biên giới, hình thành nhiều đô thị mới.

C. mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế.

D. đẩy mạnh xuất khẩu, phân bố lại dân cư, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện cảnh quan xa van nguyên sinh ở nước ta là

A. đất nhiễm phèn, lượng mưa rất thấp, nhiều nắng, bốc hơi rất mạnh.

B. đất cát pha, số giờ nắng cao, mùa khô kéo dài, lượng mưa thấp.

C. đất khô, nghèo dinh dưỡng, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều, mưa ít.

D. đất cát biển, nhiệt độ trung bình năm cao, bốc hơi mạnh, mưa nhỏ.

Câu 14. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở nước ta chủ yếu do hoạt động của

A. giao thông vận tải, trồng rừng, xây dựng, chăn nuôi.

B. nuôi trồng thủy sản, công nghiệp, trồng trọt, du lịch.

C. đánh bắt thủy sản, thương mại, xây dựng, làng nghề.

D. giao thông vận tải, công nghiệp, xây dựng, làng nghề.

Câu 15. Mùa mưa ở Tây Nguyên bắt đầu do tác động chủ yếu của gió

A. Mậu dịch ở chí tuyến bán cầu Bắc thổi đến.

B. Đông Bắc có nguồn gốc từ cao áp Xi-bia.

C. Tây Nam từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương đến.

D. Tây Nam từ áp cao chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 16. Việc phân chia thành các đô thị trực thuộc Trung ương và trực thuộc tỉnh ở nước ta là dựa vào

A. cấp quản lý.

B. tỉ lệ lao động.

C. mật độ dân số.

D. chức năng đô thị.

Câu 17. Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta nằm ở vị trí nào sau đây?

A. Cách đường bờ biển trên 24 hải lý.

B. Cách đường bờ 12 hải lý về phía đông.

C. ở ranh giới giữa vùng nội thủy và lãnh hải.

D. Nằm rìa đông của vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 18. Vùng ven biển Đông Nam Bộ có thế mạnh về

A. Khai thác dầu khí.

B. nuôi gia súc lớn.

C. Trồng cây cao su.

D. phát triển du lịch.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tín phong ở Việt Nam là loại gió thổi thường xuyên quanh năm. Tuy nhiên, hoạt động của gió mùa đã lấn át làm cho Tín phong tác động không rõ vào mùa đông và mùa hạ. Trong thời gian chuyển tiếp giữa hai mùa gió, tác động của Tín phong trở nên rõ rệt.

- a) Tín phong bán cầu Bắc kết hợp bức chắn địa hình là nhân tố gây mưa cho ven biển Trung Bộ.
- b) Tín phong hoạt động trên lãnh thổ nước ta chỉ có nguồn gốc từ áp cao chí tuyến bán cầu Bắc.
- c) Kiểu thời tiết ẩm áp, hanh khô trong mùa đông ở miền Bắc do nguyên nhân chính là Tín phong.
- d) Tín phong bán cầu Nam là nhân tố chính tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Đọc bờ biển nước ta có nhiều vũng, vịnh, đầm phá và các cánh rừng ngập mặn, có nhiều hệ thống sông, cửa sông ra biển, tạo thuận lợi để hình thành các bãi tôm, cá và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ và nước ngọt.

- a) Môi trường rạn san hô ở vùng biển nước ta là nơi thuận lợi cho sự trú ngụ và sinh sống của nhiều loại thủy sản.
- b) Đọc bờ biển nước ta có nhiều bãi triều, đầm, phá, các cánh rừng ngập mặn là môi trường thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước ngọt.
- c) Nguồn lợi thủy sản phong phú và đa dạng là điều kiện chủ yếu để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở nước ta.
- d) Nghề cá nội địa ở nước ta có điều kiện thuận lợi là nguồn thủy sinh phong phú, đa dạng từ hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều ao hồ, vùng trũng ở đồng bằng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, địa hình thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác. Vùng có ba loại đất chính: Đất phù sa sông có diện tích khoảng hơn 1 triệu ha, phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu, là loại đất tốt, màu mỡ, thích hợp trồng lúa và các loại cây trồng khác.

- a) Để cải tạo đất ở Đồng bằng sông Cửu Long cần sử dụng các loại phân bón thích hợp, bổ sung dinh dưỡng cho đất.
- b) Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là đất phù sa.
- c) Diện tích đất phèn, đất mặn lớn gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.
- d) Để đáp ứng nhu cầu sản xuất của ngành trồng trọt, giải pháp quan trọng nhất là cải tạo đất cho Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4. Cho bảng số liệu: **TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2022**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Nhập khẩu	84,8	165,7	261,8	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- a) Trị giá xuất khẩu có tốc độ tăng chậm hơn trị giá nhập khẩu trong giai đoạn 2010 - 2022.
- b) Giá trị nhập khẩu tăng khá mạnh do nhu cầu lớn về nguyên, nhiên liệu, máy móc phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.
- c) Tổng trị giá xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022 liên tục tăng.
- d) Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là sản xuất số lượng lớn, nhiều ngành tham gia.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Biết trên đỉnh núi Pu-xai-lai-leng cao 2 711 m đang có nhiệt độ là 14,5 °C thì trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1111 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2. Cho bảng số liệu: Tình hình xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2022
Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỉ đồng)	5 917	6 563	6 787	8 941
Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu (%)	51,27	51,71	51,69	50,61

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Hãy cho biết, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Câu 3. Theo niên giám thống kê năm 2023, Duyên hải Nam Trung Bộ có tổng sản lượng hải sản là 1181,3 nghìn tấn, trong đó cá biển chiếm tới 90,4%. Tính sản lượng cá biển của vùng DHNTB năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tấn).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở CÁC VÙNG CỦA NƯỚC TA, NĂM 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Cho biết năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long gấp bao nhiêu lần Trung du và miền núi Bắc Bộ? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG DÒNG CHAY THÁNG TẠI TRẠM CỬNG SƠN TRÊN SÔNG ĐÀ RẰNG

(Đơn vị: m³)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	129	77	47	45	85	170	155	250	366	682	935	332

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch tổng lưu lượng nước mùa lũ cao hơn tổng lưu lượng nước mùa cạn là bao nhiêu m³? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³)

Câu 6. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, dân số Việt Nam ước tính là 99 186 471 người, có 1 418 890 trẻ được sinh ra, 681 157 người chết. Vậy tỉ suất gia tăng dân số Việt Nam năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai).

---HẾT---

ĐỀ 2**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026****MÔN: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút*

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Nước ta có vị trí địa lí

- A. ở gần với trung tâm châu Á. B. giáp với Biển Đông rộng lớn.
C. phía tây bán đảo Đông Dương. D. trên các vành đai sinh khoáng.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự phân hóa của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc - Nam là do

- A. gió Tây Nam và dãy Trường Sơn. B. vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ.
C. gió mùa kết hợp với địa hình. D. Tín phong bán cầu Bắc.

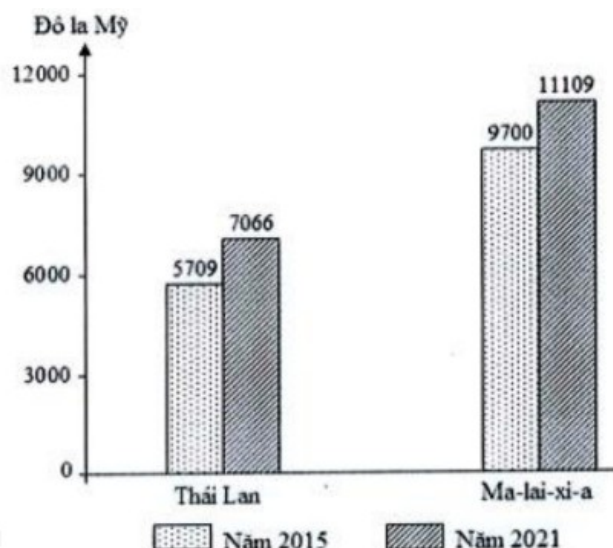
Câu 3: Tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

- A. Việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.
B. Việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.
C. Thanh niên nông thôn đã ra thành thị tìm việc làm.
D. Chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với gió mùa hạ ở nước ta?

- A. Có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương và áp cao chí tuyến bán cầu Nam.
B. Mang lại thời tiết khác nhau giữa đầu mùa hạ với giữa và cuối mùa hạ.
C. Mang đến thời tiết nóng, khô và mưa rất ít trên phạm vi cả nước.
D. Thường hoạt động từ tháng 5 đến tháng 10 và có hướng tây nam là chủ yếu.

Câu 5: Cho biểu đồ:



GDP/NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2015 VÀ NĂM 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP/người năm 2021 so với năm 2015 của Thái Lan và Ma-lai-xi-a?

- A. Thái Lan tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a tăng và Thái Lan giảm.

C. Ma-lai-xi-a tăng gấp hai lần Thái Lan.

D. Thái Lan tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 6: Trong nội bộ ngành công nghiệp nước ta **không** có sự chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

A. Phát triển các ngành đem lại giá trị gia tăng cao.

B. Chú trọng ngành ứng dụng công nghệ cao.

C. Tăng nhanh tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng.

D. Tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.

Câu 7: Xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của nước ta hiện nay là

A. giảm các sản phẩm của ngành chăn nuôi không qua giết thịt.

B. phát triển nông nghiệp xanh gắn với du lịch nông nghiệp.

C. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt trong cơ cấu sản xuất.

D. tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp hàng năm.

Câu 8: Cơ cấu ngành kinh tế nước ta chuyển dịch chủ yếu do tác động của

A. xu hướng khu vực hóa và toàn cầu hóa, phát triển nền kinh tế thị trường.

B. công cuộc đổi mới, các chính sách phát triển và khoa học - công nghệ.

C. phát huy tốt các nguồn lực, phát triển công nghiệp và kinh tế hàng hóa.

D. nâng cao chất lượng lao động, thu hút đầu tư và ứng dụng kỹ thuật mới.

Câu 9: Vấn đề sản xuất lương thực được Nhà nước ta quan tâm thường xuyên chủ yếu do

A. diện tích đất canh tác nhỏ hẹp, thiên tai xảy ra quanh năm.

B. điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nhu cầu lương thực lớn.

C. đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân cư và xuất khẩu.

D. nhu cầu xuất khẩu ngày càng tăng, lực lượng lao động trẻ.

Câu 10: Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do tác động của

A. vĩ độ địa lý, gió mùa Tây Nam, địa hình. B. vị trí địa lý, địa hình đồi núi, Tín phong.

C. vĩ độ địa lý, gió tây nam, áp thấp nhiệt đới. D. vị trí địa lý, gió mùa Đông Bắc, địa hình.

Câu 11: Mật độ dân số nước ta

A. ngày càng tăng và ít có sự phân hoá giữa các vùng.

B. phụ thuộc chủ yếu vào vị trí và điều kiện tự nhiên.

C. cao hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới.

D. có xu hướng giảm do luồng xuất cư ngày càng lớn.

Câu 12: Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hoá tới nền kinh tế nước ta là

A. tạo ra thị trường có sức mua lớn và mở rộng liên tục.

B. tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.

C. thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

D. lan toả rộng rãi lối sống thành thị tới khu vực nông thôn.

Câu 13: Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là

A. khai hoang mở rộng diện tích.

B. cải tạo đất bạc màu, đất mặn.

C. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

D. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

Câu 14: Biện pháp chủ yếu để khắc phục sự mất cân đối về nguồn điện giữa các vùng nước ta là

A. xây dựng thêm nhiều nhà máy điện có công suất lớn.

B. đổi mới công nghệ các nhà máy điện đang vận hành.

C. hình thành và phát triển mạng lưới điện quốc gia.

D. phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo.

Câu 15: Ý nghĩa về mặt xã hội của việc hình thành các vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta là

A. tạo điều kiện chuyên môn hoá lao động cho các vùng nông thôn.

B. khai thác tối đa các điều kiện sinh thái nông nghiệp ở mỗi vùng.

C. đảm bảo sản lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

D. tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho phát triển công nghiệp chế biến.

Câu 16: Biểu hiện của suy giảm tài nguyên đất ở nước ta là

A. hoang mạc hóa, mặn hóa, độ phì nhiêu suy giảm, xói mòn đất.

B. khai thác rừng, chất thải sản xuất, sinh hoạt làm ô nhiễm đất.

C. canh tác đất không hợp lí, xói mòn, suy giảm độ phì ở đồi núi.

D. suy giảm tài nguyên rừng, biến đổi khí hậu, tăng xói mòn, sạt lở.

Câu 17: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam thể hiện trực tiếp và rõ nét nhất qua thành phần tự nhiên nào sau đây?

A. Khí hậu.

B. Sông ngòi.

C. Thực vật.

D. Địa hình.

Câu 18: Sự khác nhau về loài thực vật ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ, chủ yếu do

A. gió mùa, địa hình, sự di cư của các loài sinh vật.

B. vị trí địa lí, khí hậu, sự di cư của các loài sinh vật.

C. hoàn lưu khí quyển, đặc điểm lãnh thổ, địa hình.

D. hoàn lưu khí quyển, vị trí địa lí, nhiệt độ trong năm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam bị chi phối bởi những nhân tố chủ đạo bao gồm: sự tranh chấp hoạt động của các hoàn lưu gió, lãnh thổ hẹp ngang nhưng kéo dài trên nhiều vĩ độ, vị trí tiếp giáp với biển, địa hình nhiều đồi núi và bị chia cắt mạnh....

a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc kết hợp với địa hình là nhân tố chủ yếu làm cho sự phân hóa khí hậu theo vĩ độ ở nước ta được tăng cường rõ nét hơn.

b) Cơ chế hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc đã góp phần làm tăng sự ổn định về nhiệt độ trên cả nước đồng thời làm giảm sự khắc nghiệt của khí hậu.

c) Khí hậu nước ta có sự phân hóa về không gian và thời gian.

d) Sự tranh chấp giữa gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chủ yếu tạo nên tình thất thường của khí hậu ở miền Bắc và sự phân hóa theo mùa của khí hậu trên phạm vi cả nước.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Việc làm có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống mỗi cá nhân, mỗi gia đình và toàn xã hội. Hầu hết lao động nước ta có việc làm, tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm khá thấp. Khu vực thành thị thường có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn khu vực nông thôn. Năm 2021, thành thị có tỉ lệ thất nghiệp là 4,33%, tỉ lệ thiếu việc làm là 3,33%; nông thôn có tỉ lệ thất nghiệp là 2,5% và tỉ lệ thiếu việc làm là 2,96%.

a) Để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay, giải pháp chủ yếu là mở rộng quy mô làng nghề và đẩy mạnh nghề thủ công truyền thống.

b) Việc làm đang là vấn đề kinh tế - xã hội lớn cần quan tâm ở nước ta hiện nay.

c) Thành thị có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn nông thôn chủ yếu do ở đây có mức tập trung dân cư cao, hoạt động kinh tế chính là công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

d) Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm giữa các vùng, các khu vực ở nước ta có sự khác biệt hoàn toàn do sự khác biệt về trình độ học vấn.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trồng trọt chiếm 60,8% giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước (năm 2020). Cơ cấu ngành trồng trọt khá đa dạng, lúa là cây trồng chính trong sản xuất lương thực. Hiện nay việc đẩy mạnh sản xuất cây lương thực, công nghiệp lâu năm đã đưa nước ta trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về một số nông sản.

a) Nước ta trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về một số nông sản do đẩy mạnh sản xuất hàng hoá và tìm kiếm thị trường.

b) Sản lượng lúa tăng do sử dụng giống lúa mới, áp dụng tiến bộ khoa học trong canh tác.

c) Trồng trọt là ngành chính trong sản xuất nông nghiệp nước ta.

d) Cơ cấu ngành trồng trọt khá đa dạng do đất feralit có diện tích lớn và nguồn nhiệt cao.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

**TỶ LỆ THẤT NGHIỆP VÀ TỶ LỆ THIẾU VIỆC LÀM Ở NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

(Đơn vị: %)

chỉ Năm	Tiêu	Tỉ lệ thất nghiệp		Tỉ lệ thiếu việc làm	
		Cả nước	Thành thị	Cả nước	Nông thôn
2010		2,9	4,3	3,6	4,3
2015		2,3	3,4	2,3	2,3
2021		3,2	4,3	3,1	3,0

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, 2022)

a) Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn giảm liên tục.

b) Tỉ lệ thất nghiệp giống nhau ở các khu vực nước ta.

c) Tỉ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm của cả nước giảm liên tục.

d) Tỉ lệ thất nghiệp chịu tác động của sự phát triển kinh tế và đặc điểm nguồn lao động.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6**Câu 1:** Cho bảng số liệu:**SỐ LƯỢT KHÁCH TẠI CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015 – 2022***(Đơn vị: Nghìn lượt khách)*

	2015	2017	2021	2022
Khách trong nước	102200	132837,9	60453,24	124641,15
Khách quốc tế	11811	13747,3	3149,47	10791,18

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, <https://www.gso.gov.vn>)

Cho biết tốc độ tăng trưởng của khách trong nước nhiều hơn khách quốc tế đến Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2022 là bao nhiêu (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 2: Biết năm 2021 ở nước ta, tổng số dân là 98,5 triệu người, sản lượng điện là 244,9 tỉ kWh. Tính sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 (đơn vị tính: kWh/người, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Cho bảng số liệu:**Diện tích cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021***(Đơn vị: Nghìn ha)*

Năm	2010	2015	2020	2021
Tiêu chí				
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	676,8	457,8	425,9
Cây công nghiệp lâu năm	2 015,5	2 150,5	2 185,8	2 200,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, năm 2022)

Diện tích cây công nghiệp hàng năm năm 2021 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 5: Cho bảng số liệu:**Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2010 và năm 2021**

Năm	2010	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,5	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	40,0	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 5: Năm 2022, tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta là 730,2 tỉ USD, cán cân thương mại 12,4 tỉ USD. Vậy, giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 6: Năm 2022, dân thành thị nước ta là 37,09 triệu người chiếm 37,3% dân số (Niên giám thống kê năm 2022). Vậy dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----

ĐỀ 3

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Vùng có tỉ lệ dân thành thị lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Đông Nam Bộ. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2: Biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta là

- A. kết von. B. xói mòn. C. nhiễm phèn. D. rửa trôi.

Câu 3: Loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất phù sa. B. Đất phèn. C. Đất feralit. D. Đất mặn.

Câu 4: Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. có một số nguồn nước khoáng. B. rừng tự nhiên có diện tích lớn.
C. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi. D. có mật độ sông ngòi khá cao.

Câu 5: Ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. cơ sở hạ tầng phát triển, nhu cầu du khách, có nhiều di tích.
B. chính sách, chất lượng cuộc sống tăng, tài nguyên đa dạng.
C. vị trí thuận lợi, dân cư tập trung đông, mức sống dân cao.
D. tài nguyên đa dạng, hiện đại sân bay, hợp tác với quốc tế.

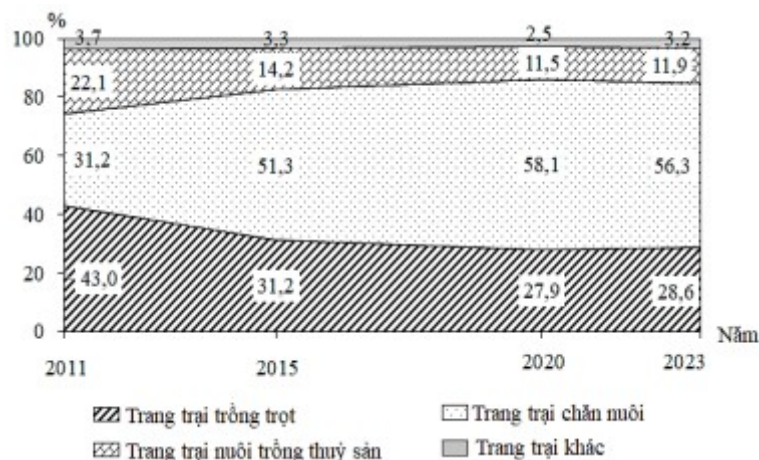
Câu 6: Cây công nghiệp lâu năm ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu có nguồn gốc

- A. xích đạo và nhiệt đới. B. ôn đới và xích đạo. C. nhiệt đới và ôn đới. D. cận nhiệt và ôn đới.

Câu 7: Cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới ở nước ta là

- A. cà phê, điều. B. cà phê, hồ. C. chè, tiêu. D. chè, quế.

Câu 8: Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại trồng trọt tăng không ổn định.
B. Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại chăn nuôi giảm mạnh liên tục.
C. Trang trại chăn nuôi và trang trại nuôi trồng thủy sản có tỉ trọng giảm.

D. Tỷ trọng trang trại trồng trọt lớn hơn trang trại nuôi trồng thủy sản.

Câu 9: Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về trồng trọt ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ là

A. sử dụng giống mới, đẩy mạnh sản xuất hợp tác xã.

B. đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển cây hàng năm.

C. thu hút đầu tư, đẩy mạnh sản xuất trang trại lớn.

D. chuyên canh các cây lâu năm, gắn với chế biến.

Câu 10: Điều kiện chủ yếu về mặt tự nhiên để Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè là

A. khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.

B. khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.

C. địa hình phân bậc, nhiều loại đất.

D. nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tính chất nhiệt đới tăng dần so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động của

A. vị trí gần xích đạo, Tín phong bán cầu Bắc ưu thế, núi thấp hơn.

B. gió hướng đông bắc tăng cường, độ cao của địa hình, vị trí địa lý.

C. vĩ độ địa lý, hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc giảm sút.

D. gió Tây hoạt động mạnh, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới tồn tại lâu.

Câu 12: Loại hình giao thông ở nước ta ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics là

A. đường ô tô.

B. đường biển.

C. đường hàng không.

D. đường sắt.

Câu 13: Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là

A. mặt trời.

B. than nâu.

C. than đá.

D. dầu mỏ.

Câu 14: Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

A. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô.

B. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.

C. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.

Câu 15: Ngoại thương nước ta hiện nay

A. tỷ trọng nhóm hàng sơ chế, nguyên liệu thô tăng.

B. chủ yếu nhập khẩu máy móc và thiết bị hiện đại.

C. chỉ xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản, da giày.

D. thị trường xuất khẩu và nhập khẩu kém đa dạng.

Câu 16: Trung tâm du lịch cấp quốc gia ở nước ta là

A. Quảng Ninh.

B. Hải Phòng.

C. Nha Trang.

D. Huế.

Câu 17: Tỉnh nào sau đây ở nước ta tiếp giáp với hai quốc gia trên đất liền?

A. Đắk Lắk.

B. Quảng Nam.

C. Kon Tum.

D. Gia Lai.

Câu 18: Đô thị nước ta hiện nay

A. chỉ có lao động công nghiệp.

B. có sức hút ít đối với đầu tư.

C. có trình độ phát triển hiện đại.

D. đóng góp lớn vào tổng GDP.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. *Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai*

Câu 1: Cho bảng số liệu:

GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số quốc gia giai đoạn 2019 – 2022

(Đơn vị: nghìn đô la)

Quốc gia	2019	2020	2021	2022
In – đô – nê – xi -a	30,7	27,2	31,4	37,1
Ma – lai – xi- a	11,1	10,1	11,1	12,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

- a) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.
- b) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a tăng liên tục.
- c) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a có sự chênh lệch chủ yếu do sự khác biệt về quy mô nền kinh tế và tổng số dân.
- d) Biểu đồ tròn là biểu đồ thích hợp nhất để so sánh GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a năm 2019 và 2022.

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau: Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của nước ta, nhất là các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. Tiêu biểu là cây chè, chiếm hơn 3/4 diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng. Cà phê được trồng ở khu vực Tây Bắc chủ yếu ở Sơn La và Điện Biên.

- a) Cà phê được trồng chủ yếu ở vùng núi cao Tây Bắc.
- b) Giải pháp để phát triển cây công nghiệp theo hướng hàng hóa là đẩy mạnh quảng canh, sử dụng tiến bộ kỹ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.
- c) Cây chè được trồng theo hướng tập trung chủ yếu do sản xuất theo hướng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
- d) Chè là cây công nghiệp quan trọng nhất của trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Các dịch vụ viễn thông nước ta đang phát triển theo hướng chuyển đổi số và liên quan chặt chẽ đến các hoạt động dịch vụ khác. Mạng lưới viễn thông được mở rộng và phát triển nhanh. Các dịch vụ viễn thông bao gồm: dịch vụ điện thoại, internet, dịch vụ mạng và các dịch vụ khai thác công nghệ. Số thuê bao điện thoại khá ổn định và số thuê bao internet tăng nhanh. Nước ta là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh trên thế giới.

- a) Dịch vụ viễn thông đa dạng, số thuê bao điện thoại tăng nhanh trong những năm gần đây.
- b) Nước ta có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh nhất thế giới.
- c) Ngành viễn thông nước ta có sự phát triển vượt bậc chủ yếu do vốn đầu tư, nhu cầu tăng cao và ứng dụng khoa học - công nghệ.
- d) Mạng lưới viễn thông nước ta đang phát triển nhanh theo hướng chuyển đổi số.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Ở miền Bắc, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi bắt đầu từ độ cao khoảng 600 – 700 m đến 2600 m, ở miền Nam từ khoảng 900 – 1000 m đến 2600 m. Khí hậu mát mẻ, tổng nhiệt độ dao động từ 4500°C đến 7500°C, mùa hè mát, mưa nhiều, độ ẩm cao. Do nhiệt độ giảm làm hạn chế quá trình phân hủy chất hữu cơ nên hình thành các loại đất feralit mùn, đất xám mùn trên núi.

- a) Đây là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông - tây.
- b) Khí hậu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi mát mẻ, mùa hè nóng và khô.
- c) Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc có độ cao thấp hơn ở miền Nam chủ yếu do ảnh hưởng của vị trí xa xích đạo, gió mùa Đông Bắc.
- d) Tổng nhiệt độ và nhiệt độ trung bình năm ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi thấp hơn đai cận nhiệt đới gió mùa.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng của Hà Nội tại trạm Hà Đông năm 2023

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	28,4	21,5	48,4	79,3	187,0	220,8	275,6	318,6	226,7	181,4	84,9	51,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, tháng mưa nhiều nhất của Hà Nội tại trạm Hà Đông gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị lần).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 – 2023

Năm	2010	2023
Diện tích (nghìn ha)	3 085,9	2 992,3
Sản lượng (nghìn tấn)	19 216,6	19 976,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

Cho biết năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2023 tăng lên bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha)

Câu 3: Năm 2021, dân số nước ta là 98,5 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số là 0,94%. Nếu tỉ lệ gia tăng dân số không đổi, hãy cho biết năm 2026, dân số của nước ta đạt bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người).

Câu 4: Biên độ nhiệt trung bình của Hà Nội năm 2023 là 13,3°C, biên độ nhiệt trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh thấp hơn Hà Nội 8,8°C, tính biên độ nhiệt năm của TP. Hồ Chí Minh năm 2023 (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị °C).

Câu 5: Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta là 683 tỉ USD, trong đó Đồng bằng sông Hồng chiếm 32%. Tính giá trị xuất nhập khẩu của Đồng bằng Sông Hồng năm 2023? (làm tròn đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Tỉ suất sinh thô và tỉ suất chết thô của nước ta năm 2020 và năm 2023

(Đơn vị: %)

Năm	2020	2023
Tỉ suất sinh thô	16,3	14,2
Tỉ suất chết thô	6,1	5,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2023 giảm bao nhiêu % so với năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng thập phân thứ 2 của đơn vị %).

----- HẾT -----

ĐỀ 4	ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ Thời gian làm bài: 50 phút
-------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Tỉnh nào sau đây giáp cả Lào và Trung Quốc?

- A.** Sơn La. **B.** Lai Châu. **C.** Lào Cai. **D.** Điện Biên.

Câu 2: Đất trồng ở đồng bằng nước ta bị bạc màu do

- A.** khai thác quá mức. **B.** bón phân hữu cơ. **C.** sản xuất luân canh. **D.** trồng trọt xen canh.

Câu 3: Đô thị nước ta có

- A.** số lượng tăng nhanh ở vùng biển. **B.** sự phân bố đều khắp ở các vùng.

C. tỉ lệ dân cư nhỏ hơn ở nông thôn.

D. các thành phố rất lớn và cực lớn.

Câu 4: Tỉ lệ lao động ở đô thị nước ta hiện nay còn thấp chủ yếu do

A. lao động nông thôn đông, qua đào tạo ít.

B. dân số ở các đô thị còn ít hơn nông thôn.

C. cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chậm.

D. trình độ đô thị hoá còn thấp, sức hút yếu.

Câu 5: Cây công nghiệp nhiệt đới ở nước ta là

A. lúa.

B. sắn riềng.

C. chè.

D. cà phê.

Câu 6: Khó khăn chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở miền núi nước ta là

A. tài nguyên nhỏ bé.

B. có nhiều thiên tai.

C. thiếu nhiều lao động.

D. giao thông trở ngại.

Câu 7: Ngành bưu chính nước ta hiện nay

A. chỉ tập trung cho hoạt động công ích.

B. có mạng lưới rộng khắp ở các vùng.

C. đã tự động tắt cả các khâu hoạt động.

D. có phần lớn là lao động trình độ cao.

Câu 8: Hoạt động du lịch biển - đảo của nước ta hiện nay

A. khách du lịch tăng nhanh.

B. chỉ diễn ra trong mùa hè.

C. phân bố đều khắp cả nước.

D. tập trung chủ yếu ở miền Bắc.

Câu 9: Cây rau thực phẩm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

A. là cây thế mạnh của vùng, diện tích ngày càng tăng.

B. phát triển mạnh chỉ sau Đồng bằng sông Cửu Long.

C. có diện tích lớn, mở rộng nhiều ở vùng quanh đô thị.

D. phát triển vùng chuyên canh rộng khắp tại các tỉnh.

Câu 10: Loại đất chiếm tỉ lệ diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. đất cát biển.

B. đất xám trên phù sa cổ.

C. đất feralit trên đá vôi.

D. đất phù sa sông.

Câu 11: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Môi trường ô nhiễm, chất lượng nước kém.

B. Thị trường không ổn định, bị cạnh tranh.

C. Biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng lên.

D. Nguồn vốn đầu tư nhỏ, kĩ thuật ít cải tiến.

Câu 12: Địa điểm du lịch nào sau đây ở Thành phố Hồ Chí Minh?

A. Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài.

B. Khu rừng Sác Cần Giờ.

C. Biển Long Hải.

D. Núi Bà Đen.

Câu 13: Nước ta trong năm có hai mùa mưa và khô chủ yếu do

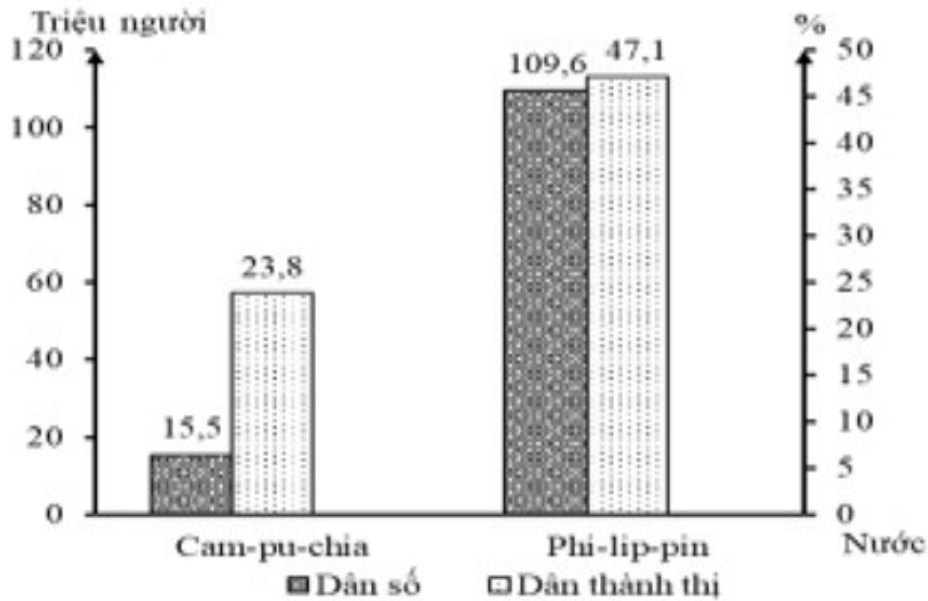
A. nằm trong khu vực gió mùa châu Á.

B. vị trí địa lí tiếp giáp với Biển Đông.

C. hoạt động của các loại gió mùa hạ.

D. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 14: Cho biểu đồ:



SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA CAM-PU-CHIA VÀ PHI-LIP-PIN NĂM 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Nhận xét nào đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ lệ dân thành thị năm 2020 của Cam-pu-chia gấp đôi Phi-líp-pin.
- B. Năm 2020, số dân của Phi-líp-pin ít hơn Cam-pu-chia.
- C. Tỉ lệ dân thành thị năm 2020 của Phi-líp-pin thấp hơn Cam-pu-chia.
- D. Số dân của Cam-pu-chia ít hơn Phi-líp-pin năm 2020.

Câu 15: Hoạt động thương mại ở nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu là do

- A. kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng sống nâng cao.
- B. đẩy mạnh liên kết nước ngoài, nhu cầu tiêu dùng tăng.
- C. thị trường được mở rộng, nhiều thành phần tham gia.
- D. hội nhập quốc tế sâu rộng, đất nước có nhiều đổi mới.

Câu 16: Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển lâm nghiệp là

- A. có mật độ sông ngòi khá cao.
- B. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.
- C. có một số nguồn nước khoáng.
- D. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

Câu 17: Sông ngòi ở Tây Nguyên có lưu lượng dòng chảy trong mùa cạn rất nhỏ do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Địa hình bằng phẳng, sông chảy ra biển bằng nhiều chi lưu.
- B. Phần lớn sông ngòi nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.
- C. Phần lớn sông ngòi của khu vực đều ngắn, độ dốc lớn.
- D. Ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.

Câu 18: Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long là điều kiện thuận

lợi chủ yếu để

- A. phát triển nhiều ngành sản xuất, nhất là trồng trọt.
- B. xây dựng các vùng quy hoạch sản xuất thực phẩm.
- C. cung cấp nước cho nông nghiệp và nuôi thủy sản.
- D. mở rộng chăn nuôi gia cầm, đặc biệt là đàn gà, vịt.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Địa hình đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng của các dãy núi theo hướng vòng cung, cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam. Đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. Địa hình caxto khá phổ biến, tiêu biểu ở Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn... Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo như vùng biển tỉnh Quảng Ninh.

- a) Địa hình của miền có nhiều thuận lợi cho phát triển ngành du lịch.
- b) Đây là đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở nước ta.
- c) Địa hình thấp, hướng núi vòng cung là điều kiện khiến cho gió mùa Đông Bắc lấn sâu vào lãnh thổ nước ta.
- d) Các cánh cung tạo bức chắn địa hình với gió mùa Đông Nam gây nên khô hạn kéo dài cho các vùng khuất gió.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngành dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Ngành này không chỉ tạo ra nhiều việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Hơn nữa, các dịch vụ thân thiện với môi trường giúp tối ưu hóa tài nguyên, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

- a) Sự phát triển ngành dịch vụ tác động tích cực đến việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- b) Sự phát triển ngành dịch vụ góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn.
- c) Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP cả nước.
- d) Ngành dịch vụ góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Tài nguyên du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) rất phong phú và độc đáo, thu hút khách du lịch cả trong và ngoài nước. Vùng này nổi bật với hệ thống sông ngòi chằng chịt, các chợ nổi, và phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Ngoài ra, ĐBSCL còn có nền văn hóa đa dạng với các lễ hội truyền thống, ẩm thực đặc sắc và di sản văn hóa dân gian phong phú. Những trải nghiệm này tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho du khách, giúp họ khám phá vẻ đẹp và bản sắc văn hóa của vùng đất này.

- a) Giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn sản lượng thủy sản khai thác.
- b) Hệ thống kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo.
- c) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010-2021.
- d) Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Câu 4: Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM,
PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2021**

(Đơn vị: %)

Khu vực	2000	2010	2015	2021
Nông thôn	76,9	71,7	68,8	63,3
Thành thị	23,1	28,3	31,2	36,7

(Nguồn: Niên giám thống kê các năm 2001, 2011, 2016, 2022)

- a) Để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm, phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 - 2021, biểu đồ đường là thích hợp nhất.
- b) Tỷ lệ lao động khu vực thành thị tăng và chiếm tỷ trọng nhỏ.
- c) Giai đoạn 2000 – 2021, tỷ lệ khu vực thành thị tăng nhanh do quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.
- d) Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn tăng liên tục.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Vũng Tàu, năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại Hà Nội

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7
Hà Nội	16,6	29,4

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng - QCVN 02-2021/BXD)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của °C)

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Tổng số dân và số dân thành thị của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2018	2019	2020	2021
Tổng số dân	95385,2	96484,0	97582,7	98506,2
Số dân thành thị	32636,9	33816,6	35867,2	36564,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ trọng dân thành thị của nước ta năm 2021 ít hơn tỉ lệ dân nông thôn bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 4: Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA
NĂM 2010 VÀ 2021**

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 đã giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng các vụ lúa ở nước ta, năm 2021

Vụ lúa	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
Đông xuân	3 006,84	20 628,76
Hè thu và thu đông	2 673,49	15 163,48
Mùa	1 585,8	8 055,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết năng suất lúa vụ hè thu và thu đông năm 2021 của nước ta thấp hơn vụ đông xuân bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 6: Tính đến năm 2021, tổng diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta là 3 835,4 ha. Khu công nghệ cao Hòa Lạc có diện tích là 1 586 ha. Cho biết Khu công nghệ cao Hòa Lạc chiếm bao nhiêu % diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

----- HẾT -----

ĐỀ 5

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lao động nước ta?

- A. Số lượng đông, tăng thêm. B. Cần cù, sáng tạo, chịu khó.
C. Chủ yếu là có kỹ thuật cao. D. Chất lượng được nâng lên.

Câu 2: Việc chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay

- A. đã hình thành các khu chế xuất. B. làm tăng cao tỉ trọng công nghiệp.
C. làm hạ thấp tỉ trọng nông nghiệp. D. đang diễn ra với tốc độ rất nhanh.

Câu 3: Loại hình vận tải có số lượt vận chuyển hành khách lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. đường hàng không. B. đường biển. C. đường sắt. D. đường bộ.

Câu 4: Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. khí hậu có mùa đông lạnh, đất feralit. B. có vùng đồi thấp rộng, đất phù sa cổ.
C. nhiều đồi núi và có các cao nguyên. D. giống cây tốt, nguồn nước mặt nhiều.

Câu 5: Đồng bằng sông Hồng có các cảng hàng không quốc tế nào sau đây?

- A. Vinh, Phú Bài, Chu Lai. B. Nội Bài, Phú Quốc, Cần Thơ.
C. Nội Bài, Vân Đồn, Cát Bi. D. Liên Khương, Nha Trang, Chu Lai.

Câu 6: Nửa sau mùa đông, miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. nóng khô. B. lạnh khô. C. lạnh ẩm. D. nóng ẩm.

Câu 7: Trung tâm du lịch nào sau đây ở nước ta có ý nghĩa quốc gia

- A. Vinh. B. Hải Phòng. C. Nha Trang. D. Đà Nẵng.

Câu 8: Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi tự nhiên để phát triển

- A. chăn nuôi các loại gia cầm và bò. B. vùng chuyên canh lớn cây lúa gạo.
C. khai thác dầu thô và khí tự nhiên. D. cây dược liệu, rau quả cận nhiệt.

Câu 9: Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển sản xuất lâm nghiệp là

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá.
- B. kéo dài, chiều ngang hẹp và có đủ đồi, núi; đồng bằng; biển đảo.
- C. khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ, đất feralit khả màu mỡ.
- D. dải đồng bằng ven biển hẹp ngang, kéo dài, chủ yếu là đất cát pha.

Câu 10: Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. khí hậu ổn định, ít ảnh hưởng của bão.
- B. nhiều vũng, vịnh; thủy sản phong phú.
- C. vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn.
- D. bờ biển dài, biển nóng ẩm quanh năm.

Câu 11: Cây trồng nào sau đây thuộc cây công nghiệp hàng năm ở nước ta?

- A. Cà phê.
- B. Cao su.
- C. Hồ tiêu.
- D. Dâu tằm.

Câu 12: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Cát bay.
- B. Lũ quét.
- C. Lụt úng.
- D. Ngập mặn.

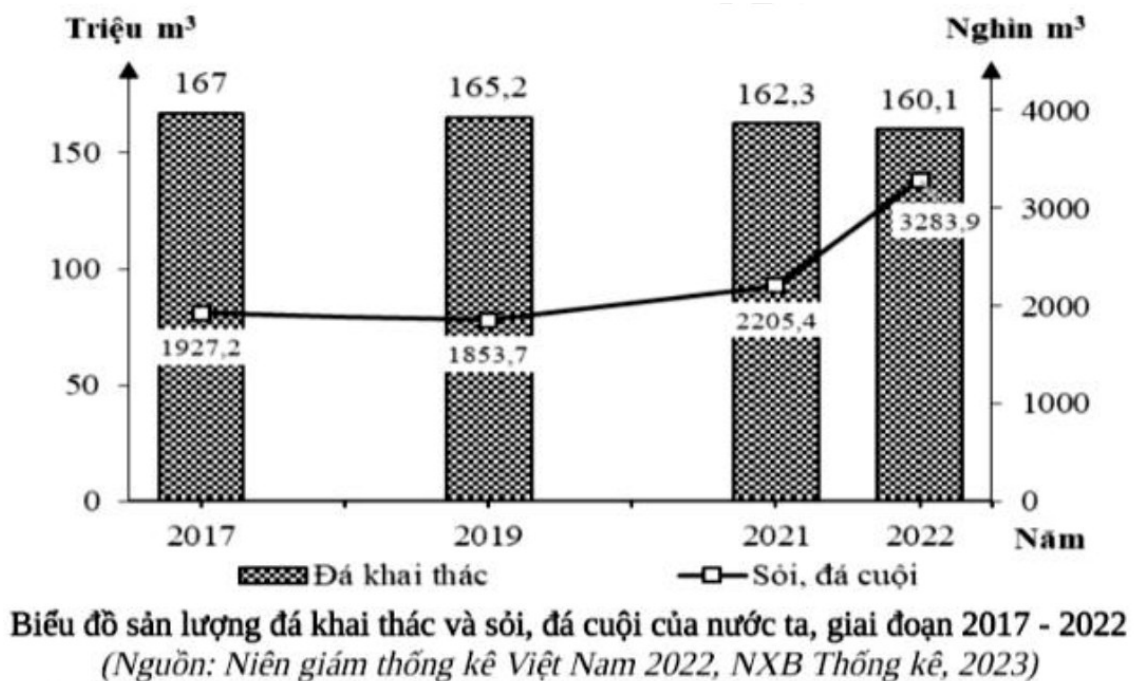
Câu 13: Địa hình là nhân tố chủ yếu làm cho sông ngòi nước ta

- A. chủ yếu là nhỏ, lâm ghềnh thác, có nhiều sông từ nước ngoài chảy vào.
- B. giàu phù sa, chế độ nước theo mùa, phần lớn các sông với độ dốc lớn.
- C. có các sông hướng vòng cung, lưu lượng nước lớn, hai mùa lũ và kiệt.
- D. có hướng tây bắc - đông nam, nhiều thác ghềnh, có lưu vực khác nhau.

Câu 14: Nguồn năng lượng tái tạo ở nước ta **không phải** là

- A. dầu thô.
- B. gió.
- C. mặt trời.
- D. sinh khối.

Câu 15: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng sỏi, đá cuội tăng không liên tục.
- B. Sản lượng đá khai thác giảm 8,1 triệu m³.

C. Sản lượng sỏi, đá cuội tăng liên tục.

D. Sản lượng đá khai thác tăng không liên tục.

Câu 16: Phần đất liền của lãnh thổ nước ta **không** tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

A. Lào.

B. Phi-lip-pin.

C. Trung Quốc.

D. Campuchia.

Câu 17: Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn vùng khí hậu Tây Nguyên chủ yếu do

A. địa hình cao, chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, gần ngoại chí tuyến.

B. vùng biển rộng, xa xích đạo, chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc.

C. gió đông bắc ảnh hưởng rất mạnh, đồng bằng rộng, có nhiều vùng trũng.

D. ảnh hưởng của các dãy núi theo hướng Bắc - Nam, gió đông bắc mạnh.

Câu 18: Đô thị nào sau đây ở nước ta là thành phố trực thuộc tỉnh?

A. Hạ Long.

B. Cần Thơ.

C. Đà Nẵng.

D. Hà Nội.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Khí hậu của miền mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, nên nhiệt độ của miền thấp hơn các miền khác, biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. Mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều; mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước, với 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C. Đặc điểm khí hậu của miền đã ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và đời sống.

a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta.

b) Khí hậu của miền thuận lợi trồng cây cận nhiệt và ôn đới.

c) Miền có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của độ cao địa hình và gió mùa.

d) Biên độ nhiệt độ trung bình năm của miền cao do vị trí xa xích đạo và tác động của Tín phong Bắc bán cầu.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng của nền kinh tế. Trong tất cả các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu hiện nay, dệt may là ngành có kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng cao và là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực, giữ vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế, chiếm 12-16% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

a) Công nghiệp dệt may là ngành non trẻ nhưng có đóng góp quan trọng vào kinh tế nước ta.

b) Công nghiệp dệt may ở nước ta phát triển trên cơ sở nguồn lao động trình độ cao đông đảo, thị trường tiêu thụ trong nước rộng.

c) Công nghiệp dệt may phân bố rộng rãi, phát triển mạnh ở các đô thị lớn.

d) Định hướng phát triển công nghiệp dệt may là nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng ở trung tâm Bắc Bộ, giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, vịnh Bắc Bộ và Trung Quốc. Vùng có diện tích nhỏ nhưng mật độ dân số cao nhất cả nước. Vùng có địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh. Sông ngòi ở đây có giá trị nhiều mặt, tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất là than.

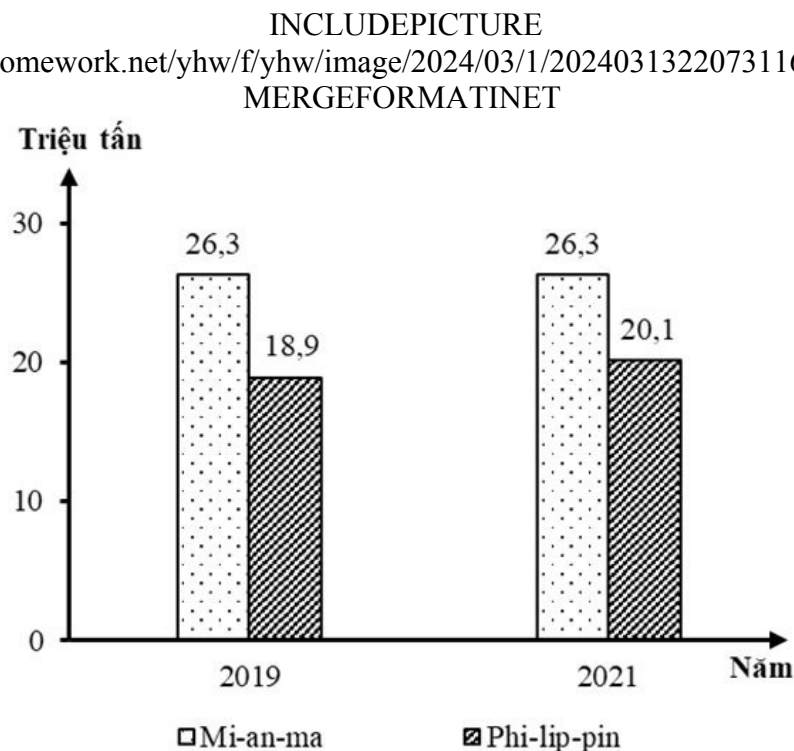
a) Đồng bằng sông Hồng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, đường bờ biển dài, nhiều đảo và quần đảo.

b) Để giảm sức ép dân số ở Đồng bằng sông Hồng cần xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí, đẩy mạnh quá trình đô thị hoá.

c) Biện pháp quan trọng nhất để phát triển một số ngành công nghiệp mới ở Đồng bằng sông Hồng là khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ và phát huy ưu thế về vị trí chiến lược quan trọng.

d) Khai thác lợi thế về đất đai, khí hậu, thị trường tiêu thụ là giải pháp chủ yếu giúp Đồng bằng sông Hồng phát triển trồng cây ưa lạnh trong vụ đông.

Câu 4: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG LÚA CỦA MI-AN-MA VÀ PHI-LIP-PIN, NĂM 2019 VÀ 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

a) Sản lượng lúa của Mi-an-ma và Phi-líp-pin đều có sự biến động trong giai đoạn 2019 - 2021.

b) Từ năm 2019 đến năm 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng 1,2 triệu tấn.

c) Giai đoạn 2019 – 2021, sản lượng lúa của Mi-an-ma tăng nhanh hơn Phi-líp-pin.

d) Giai đoạn 2019 - 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng, Mi-an-ma không có sự thay đổi.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6**Câu 1:** Cho bảng số liệu:**LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG Ở VINH VÀ HUẾ NĂM 2022**

(Đơn vị : mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Vinh	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	166,7	352,0	718,6	47,2
Huế	296,5	234,2	2,3	44,6	142,5	92,3	10,6	41,8	681,7	1613,3	1005,5	785,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch lượng mưa trung bình năm của Huế và Vinh là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu:**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA MỘT SỐ TỈNH, NĂM 2022**

Tỉnh	An Giang	Kiên Giang
Diện tích lương thực có hạt (Nghìn ha)	610,5	700,1
Sản lượng lương thực có hạt (Nghìn tấn)	3943,8	4405,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, hãy cho biết năng suất lương thực có hạt năm 2022 của tỉnh An Giang cao hơn năng suất của tỉnh Kiên Giang bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 3: Năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 355,5 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 327,5 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu trong tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt của nước ta là 47,9 triệu tấn; số dân là 100,3 triệu người. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5: Năm 2023, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có dân số là 17463,3 nghìn người, diện tích của vùng là 40921,7 km². Hãy cho biết mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:**DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN NĂM 2010 VÀ NĂM 2023**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2023
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	416,5
Cây công nghiệp lâu năm	2015,5	2165,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích cây công nghiệp hàng năm trong tổng diện tích cây công nghiệp năm 2010 so với năm 2023 giảm đi bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐỀ 6

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Nước ta nằm ở

- A. khu vực phía tây Ấn Độ Dương.
- B. phía đông của Thái Bình Dương.
- C. rìa phía nam của vùng xích đạo.
- D. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 2: Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có

- A. mưa lớn vào đầu mùa hạ.
- B. lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
- C. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- D. mưa nhiều vào thu đông.

Câu 3: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Làm ruộng bậc thang.
- B. Chống nhiễm mặn.
- C. Trồng cây theo băng.
- D. Đào hồ kiểu vậ cá.

Câu 4: Nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do nguyên nhân

- A. Càng vào Nam thời tiết càng ổn định, gió mùa Đông Bắc suy giảm, Tây Nam mạnh.
- B. Càng vào Nam góc nhập xạ càng nhỏ, ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam tăng cường.
- C. Càng vào Nam vị trí càng gần xích đạo, ảnh hưởng gió Tín phong được tăng cường.
- D. Càng vào Nam góc nhập xạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

Câu 5: Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là

- A. tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dần ổn định.
- B. cơ cấu giới tính thay đổi, nguồn lao động tăng, tuổi thọ tăng.
- C. quy mô dân số tăng, nguồn lao động giảm đi, dân số trẻ hóa.
- D. chất lượng lao động cao, quy mô dân số giảm, thiếu lao động.

Câu 6: Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. khôi phục nghề truyền thống.
- B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.
- C. phát triển kinh tế hộ gia đình.
- D. khai hoang mở rộng diện tích.

Câu 7: Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là

- A. ôn đới.
- B. nhiệt đới.
- C. cận nhiệt.
- D. xích đạo.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng với khu công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- 2 **A.** Chỉ sản xuất hàng xuất khẩu. **B.** Ranh giới không xác định.
C. Gắn với quá trình công nghiệp hóa. **D.** Chỉ thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hoạt động vận tải biển nước ta hiện nay?

- A.** Chuyên chở nhiều hàng hóa xuất khẩu. **B.** Có các tuyến ven bờ hướng bắc - nam.
C. Có nhiều cảng hàng hóa năng lực tốt. **D.** Chỉ tập trung vận chuyển hành khách.

Câu 10: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A.** cung cấp sản lượng điện lớn cho cả nước sử dụng.
B. phát triển việc nuôi trồng thủy sản, ngành du lịch.
C. điều hòa nước lũ trong mùa mưa ở hạ lưu con sông.
D. tạo động lực mới cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 11: Nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng có thể mạnh nổi bật là

- A.** lực lượng lao động đông và trình độ cao. **B.** nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
C. cần cù và chịu khó, trình độ quản lý cao. **D.** lao động đông, có tác phong công nghiệp.

Câu 12: Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ là

- A.** ứng dụng công nghệ cao, mở rộng thị trường.
B. hiện đại hóa chuồng trại, phát triển chế biến.
C. đảm bảo cơ sở thức ăn, dùng các giống mới.
D. sản xuất quy mô lớn, thúc đẩy việc xuất khẩu.

Câu 13: Biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng hệ số sử dụng đất ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A.** xây dựng hồ chứa nước, bảo vệ rừng đầu nguồn.
B. bảo vệ rừng đầu nguồn, phòng chống thiên tai.
C. xây dựng các hồ chứa nước, trồng cây chịu hạn.
D. đẩy mạnh thâm canh, phòng chống thiên tai.

Câu 14: Ý nghĩa lớn nhất của các hồ thủy điện đối với kinh tế của vùng Tây Nguyên là

- A.** cung cấp nước tưới cho các vườn cây công nghiệp trong mùa khô.
B. điều tiết nước cho các sông, cung cấp nước cho các ngành sản xuất.
C. tạo ra nguồn điện dồi dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
D. thúc đẩy hoạt động du lịch sinh thái và cung cấp nước cho sinh hoạt.

Câu 15: Ngành công nghiệp mũi nhọn của vùng Đông Nam Bộ là

- A.** khai thác và chế biến dầu khí. **B.** sản xuất điện tử, máy vi tính.
C. sản xuất và chế biến thực phẩm. **D.** dệt và sản xuất trang phục.

Câu 16: Ý nghĩa chủ yếu của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A.** tăng hiệu quả sử dụng đất, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

- B. nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, giải quyết tốt vấn đề lương thực cả nước.
- C. phân bố lại dân cư, xóa đói giảm nghèo và tạo thêm nguồn hàng cho xuất khẩu.
- D. tăng sản lượng lương thực, thực phẩm, giải quyết việc làm và phát triển kinh tế.

Câu 17: Vùng kinh tế trọng điểm nào ở nước ta có nhiều tỉnh, thành phố nhất?

- A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18: Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để

- A. đánh bắt cá và hoạt động du lịch.
- B. khai thác khoáng sản và vận tải.
- C. được ưu tiên phát triển.
- D. nuôi các gia súc lớn và gia cầm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

“Nhìn trên bản đồ sông ngòi, ta thấy ngay một mạng lưới dày đặc, cắt xẻ địa hình đồi núi trùng điệp và chảy ra Biển Đông. Tất cả có đến 2360 con sông dài từ 10 km trở lên nhưng sông dài trên 100 km chỉ hơn 2%. Hai nhân tố chính chi phối mạng lưới sông ngòi ở nước ta là lượng mưa và cấu trúc địa hình.”

(Theo: Vũ Tự Lập, Địa lí tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, 2012, tr.159)

- a) Mật độ sông ngòi trên lãnh thổ nước ta rất thưa thớt.
- b) Chế độ mưa thất thường nhưng chế độ dòng chảy khá ổn định.
- c) Chế độ nước sông phân mùa lũ - cạn theo sát nhịp điệu mùa mưa - khô.
- d) Sông ngòi ở nước ta chủ yếu là sông ngòi nhỏ và ngắn, nguồn nước cung cấp chủ yếu là nước mưa và nước từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Đông Nam Bộ là vùng có diện tích trồng lúa thấp hơn Tây Nguyên.
- b) Sản lượng lúa phân theo vùng năm 2021 ở nước ta có sự khác nhau.
- c) Năm 2021, Đồng bằng sông Hồng là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số liệu trên.

Câu 3: Cho thông tin sau:

"Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2023 do Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/12 nhận định: "... hoạt động du lịch năm 2023 diễn ra sôi động". Tính chung cả năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách. Tuy vậy, Tổng cục Thống kê đánh giá, số lượng này mới chỉ bằng 70% năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch COVID-19."

(Nguồn: Báo Nhân dân, ngày 29/12/2023)

- a) Ngành du lịch Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b) Năm 2023, ngành du lịch Việt Nam tăng trưởng bằng 70% so với năm 2019.
- c) Giai đoạn 2020 - 2021, du lịch phát triển chậm lại do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.
- d) Hoạt động du lịch biến phát triển đều nhau ở tất cả các vùng trong cả nước.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 95,4 tỷ USD, tăng 6,8%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 275,9 tỷ USD, tăng 11,8%, chiếm 74,3%.

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a) Khu vực kinh tế trong nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
- b) Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu nước ta năm 2022 giảm so với năm 2021.
- c) Sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, chất lượng hàng hóa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.
- d). Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất do quá trình hội nhập và thu hút đầu tư.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Biết trên đỉnh núi Pu-xai-lai-leng cao 2711 m đang có nhiệt độ là 16,5 °C thì trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1 200 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho số liệu năm 2021 của nước ta về diện tích rừng là 148 nghìn km² và diện tích tự nhiên là 331 nghìn km². Hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %? (kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 3: Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010-2022

(Đơn vị : ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %).

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2021
Xuất khẩu	72,2	162,0	336,1
Nhập khẩu	84,8	165,7	332,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2006, 2011, 2016 và 2022)

Cho biết tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa nước ta trong giai đoạn 2010 - 2021 thấp nhất vào năm nào?

Câu 6: Sản lượng điện nước ta tăng liên tục do nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ngày càng tăng. Sản lượng điện từ 157 949 triệu kWh năm 2015 lên 258 790,9 triệu kWh năm 2022. Hãy tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2022 so với năm 2015 (lấy năm 2015 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của phần trăm).

----- HẾT -----

ĐỀ 7

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Lãnh thổ nước ta

- A. tiếp giáp với nhiều đại dương.
- B. có các loại gió thổi theo mùa.
- C. tiếp giáp vùng biển ở phía tây.
- D. có vùng đất rộng hơn vùng biển.

Câu 2: Đô thị ở nước ta hiện nay

- A. có lực lượng lao động dồi dào.
- B. đều có cùng một cấp phân loại.
- C. chất lượng cuộc sống còn thấp.
- D. tập trung chủ yếu ở miền núi.

Câu 3: Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

- A. Cây lương thực.
- B. Cây ăn quả.
- C. Cây công nghiệp.
- D. Cây rau đậu.

Câu 4: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta gồm

- A. sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính.
- B. sản xuất các máy cơ khí, sản xuất máy vi tính.
- C. sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy kéo.
- D. sản xuất máy móc điện tử, sản xuất máy kéo.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta hiện nay?

- A. Vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng cao trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá.
- B. Mạng lưới đường thuỷ nội địa phát triển và phân bố rộng khắp ở các vùng.
- C. Ngành vận tải đường biển có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất.
- D. Hàng không là ngành có khối lượng vận chuyển hàng hoá rất lớn và tăng nhanh.

Câu 6: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. chủ yếu phát triển ở miền núi
- B. chưa sử dụng hệ thống vệ tinh.
- C. phát triển theo hướng hiện đại.
- D. gồm nhiều bưu điện văn hoá xã.

Câu 7: Than an-tra-xít ở Đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở tỉnh

- A. Quảng Ninh.
- B. Nam Định.
- C. Ninh Bình.
- D. Hà Nam

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay?

- A. Thu hút các nguồn đầu tư.
- B. Tạo nhiều cơ hội việc làm.
- C. Được phát triển từ rất sớm.
- D. Có cơ sở hạ tầng đảm bảo.

Câu 9: Cơ sở quan trọng nhất để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp kinh tế biển là

- A. ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc, bãi tắm đẹp.
- B. giáp vùng biển rộng, tài nguyên biển phong phú.

C. có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, đầm phá.

D. nhiều bãi tắm đẹp, nhiều vịnh nước sâu kín gió.

Câu 10: Ô nhiễm không khí xảy ra chủ yếu ở khu vực nào sau đây của nước ta?

A. Khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển.

B. Khu vực đô thị có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển.

C. Khu vực miền núi, trung du có trồng nhiều cây công nghiệp.

D. Khu vực đồng bằng có trồng nhiều cây hương thực, thực phẩm.

Câu 11: Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của

A. gió Tây, gió mùa Đông Bắc, độ cao các dãy núi và hình dáng lãnh thổ.

B. vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

C. bão, dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió thổi hướng tây nam và đông bắc.

D. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

Câu 12: Năng suất lao động của nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

A. tăng cường sử dụng máy móc, thay đổi thời thời gian sản xuất

B. đẩy mạnh đào tạo nghề, tăng giờ làm và trẻ hóa lao động.

C. hiện đại hóa sản xuất, chú trọng phát triển y tế và giáo dục.

D. áp dụng nhiều kĩ thuật hiện đại, nâng cao độ tuổi lao động

Câu 13: Sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Tây Nguyên là du lịch

A. sinh thái, văn hoá, tìm hiểu các giá trị độc đáo của văn hoá cộng chiêng.

B. biển đảo, sinh thái gắn với tìm hiểu bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số.

C. đô thị, MICE, tìm hiểu lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng và sinh thái biển, đảo.

D. nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với di sản, tìm hiểu văn hoá biển, ẩm thực biển.

Câu 14: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. tạo động lực cho vùng phát triển, giải quyết tốt việc làm.

B. giải quyết nhu cầu về điện cho vùng, phát triển thủy lợi.

C. khai thác hiệu quả tiềm năng vùng, thúc đẩy công nghiệp.

D. điều tiết lũ cho đồng bằng, nâng cao đời sống người dân.

Câu 15: Trung Bộ nước ta có mùa mưa vào thu đông chủ yếu do

A. địa hình đón gió, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới và bão.

B. frông, Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và hướng địa hình.

C. hướng các dãy núi, Tín phong Nam bán cầu và áp thấp nhiệt đới.

D. vị trí tiếp giáp biển, các gió hướng tây nam và áp thấp nhiệt đới.

Câu 16: Đối tượng nuôi trồng thủy sản của Bắc Trung Bộ ngày càng đa dạng chủ yếu do

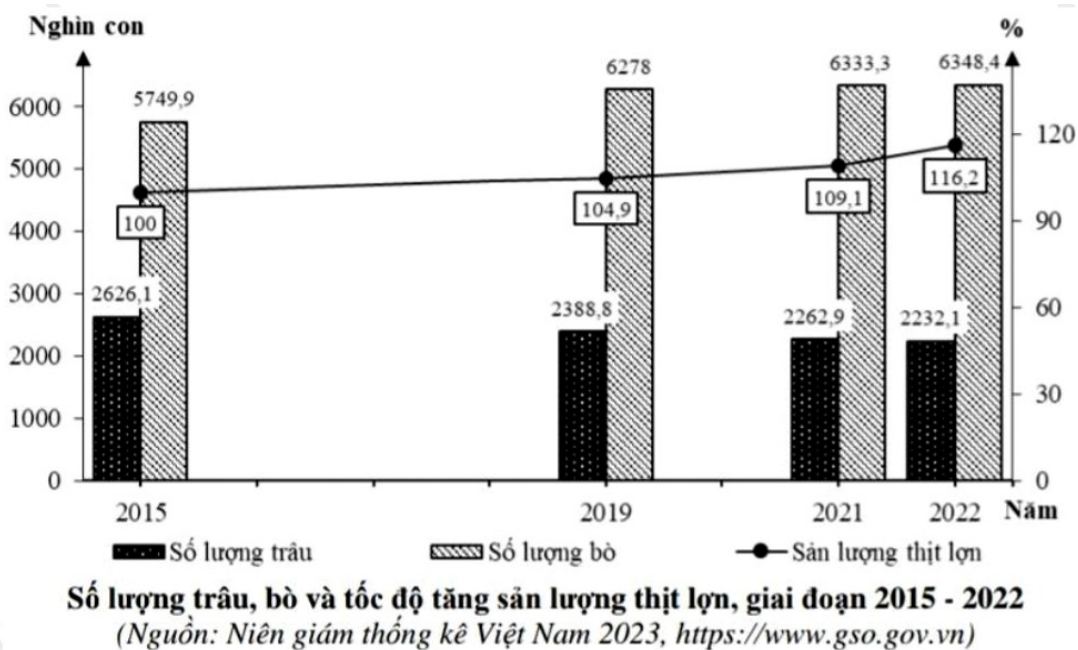
A. đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại giá trị kinh tế cao.

- B. đường bờ biển kéo dài, có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. nhiều vùng trũng đồng bằng, trình độ lao động nâng cao.
- D. lao động giàu kinh nghiệm, tài nguyên sinh vật đa dạng.

Câu 17: Thế mạnh nổi bật về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để phát triển trồng cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới chính là

- A. địa hình phần lớn đồi núi, xen kẽ các cao nguyên.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng nước lớn.
- C. khu vực đồi núi thấp có đất feralit diện tích lớn.
- D. khí hậu có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao.

Câu 18: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Số lượng trâu có xu hướng tăng, số lượng bò có xu hướng giảm.
- B. Sản lượng thịt lợn và số lượng trâu đều có xu hướng tăng liên tục.
- C. Tỷ trọng đàn bò năm 2021 chiếm 73,9% tổng đàn trâu bò cả nước.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thịt lợn giai đoạn 2015 - 2022 đạt 116,2%.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, hoạt động du lịch của Việt Nam trên đà phát triển. Lượng khách quốc tế đến, khách nội địa và doanh thu du lịch không ngừng tăng. Du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến nhiều hơn, trở thành một nhu cầu trong đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Tài nguyên du lịch phong phú là cơ sở tạo nên các sản phẩm du lịch khác nhau giữa các vùng.

- a) Hoạt động du lịch nước ta trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b) Các loại hình du lịch sinh thái chỉ tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- c) Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do tài nguyên du lịch tự nhiên rất đa dạng.
- d) Xu hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch xanh, du lịch cộng đồng diễn ra ở nhiều vùng kinh tế của nước ta hiện nay.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong báo cáo năm 2020 của Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch Việt Nam có đưa ra khái niệm: Du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

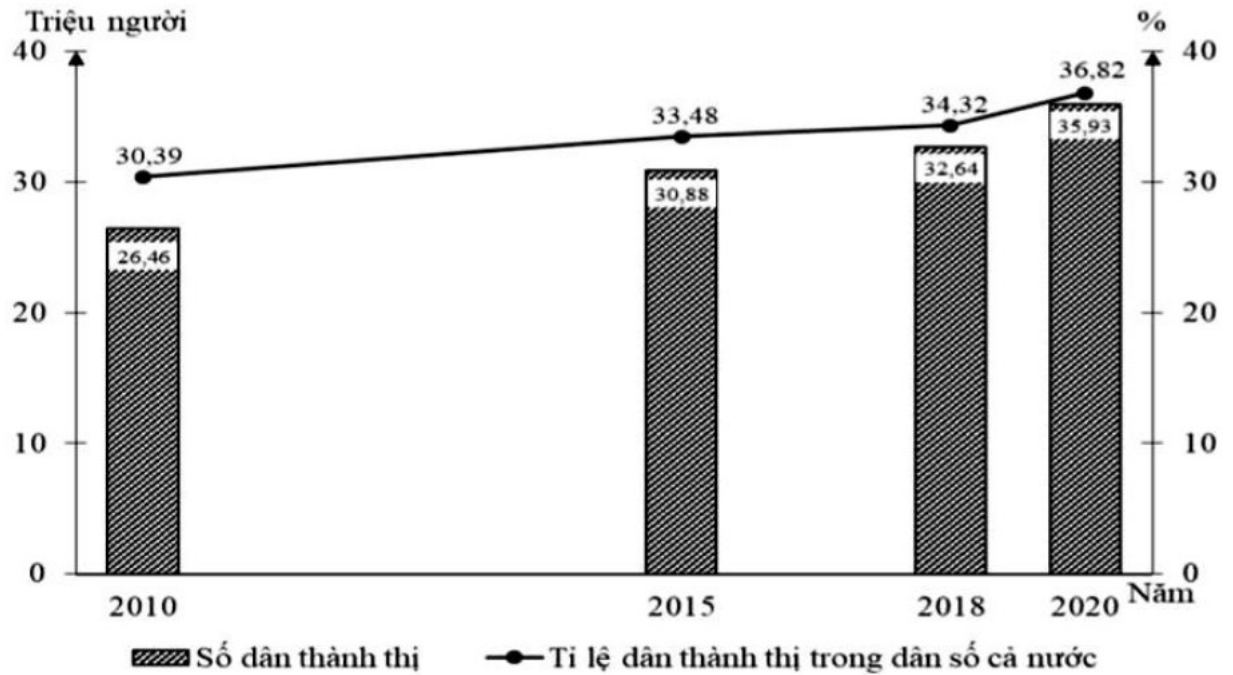
- a) Phát triển du lịch xanh giúp khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.
- b) Du lịch xanh chịu sự tác động rất lớn của tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa - nhân văn.
- c) Những nơi kinh tế phát triển, đô thị hoá mạnh, đông dân sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch xanh hơn.
- d) Du lịch xanh là hình thức phát triển cao nhất, hiệu quả và toàn diện nhất so với các hình thức phát triển du lịch hiện nay.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích rừng tự nhiên chiếm 70% tổng diện tích rừng, tỉ lệ che phủ rừng cao hơn mức trung bình của cả nước. Đặc biệt, khu vực rừng ở Bắc Trung Bộ có nhiều loại gỗ, lâm sản, các loài động vật quý nằm trong Sách đỏ Việt Nam. Ở đây có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia như Pù Mát, Phong Nha - Kẻ Bàng....

- a) Bắc Trung Bộ có diện tích rừng lớn trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- b) Rừng ở Bắc Trung Bộ vừa có giá trị kinh tế - xã hội, vừa có giá trị về môi trường sinh thái.
- c) Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng ở Bắc Trung Bộ là cung cấp gỗ và các loại lâm sản, chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt.
- d) Rừng giàu tập trung chủ yếu ở vùng đồi trước núi, có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ tính đa dạng sinh học.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2010 - 2020

5 (Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

- a) Tỉ lệ dân nông thôn luôn cao hơn tỉ lệ dân thành thị.
- b) Dân số thành thị tăng liên tục, tăng thêm 6,43 triệu người.
- c) Số dân nông thôn tăng 1,14 triệu người trong giai đoạn 2010 - 2020.
- d) Tỉ lệ dân nông thôn giảm chủ yếu do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển của mạng lưới đô thị.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội năm 2022

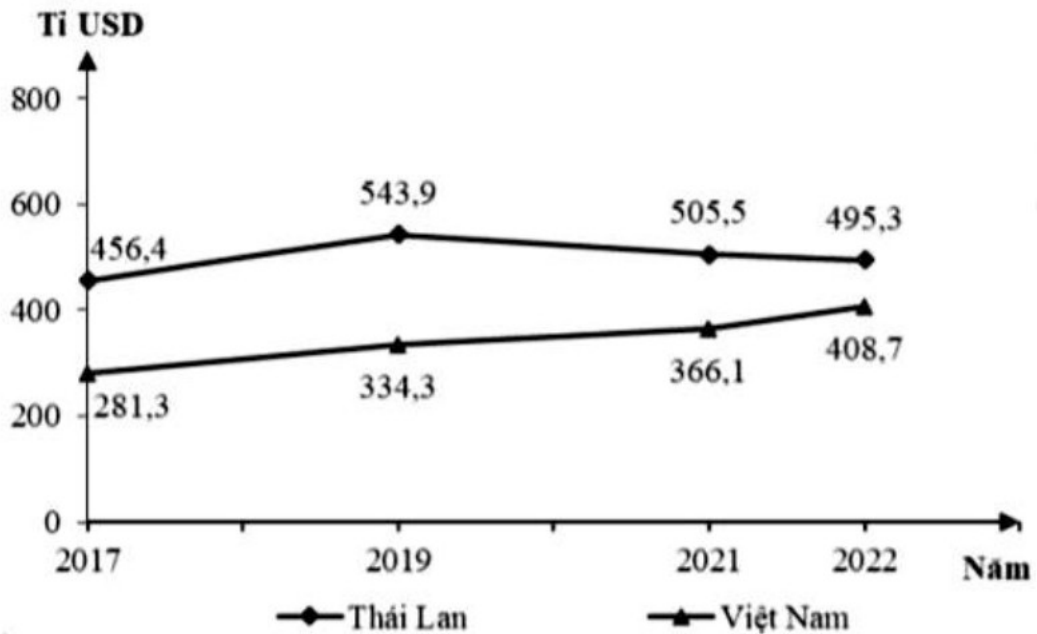
(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022 là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho biểu đồ:



6

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2023)

Cho biết trong giai đoạn 2017 - 2022, cho biết năm nào tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan có mức chênh lệch cao nhất?

Câu 3: Năm 2023, vùng Đồng bằng sông Hồng có số dân là 23372,4 nghìn người, diện tích của vùng là 21278,6 km². Tính mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP GIAI ĐOẠN 2018 – 2021

Năm	2018	2021
Số dự án (dự án)	3147	1818
Tổng vốn đăng kí (Triệu đô la Mỹ)	36368,6	38854,3

(Nguồn: Niên giám thống kê 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính chênh lệch bình quân số vốn đăng kí số dự án giữa năm 2021 với 2018 (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị của Triệu đô la Mỹ/dự án).

Câu 5: Vận tải hành khách năm 2022 của nước ta đạt 4025 triệu lượt khách vận chuyển, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 3694,4 triệu lượt khách vận chuyển. Tính tỉ trọng vận chuyển hành khách của đường bộ so với toàn ngành vận tải của cả nước năm 2022. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lương thực có hạt của một số tỉnh nước ta năm 2022

Tỉnh	Bắc Ninh	Thái Bình	Nam Định
Diện tích (nghìn ha)	61,1	160,7	146,0
Sản lượng (nghìn tấn)	397,2	1045,6	889,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lương thực có hạt của tỉnh thấp nhất là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐỀ 8	ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian làm bài: 50 phút</i>
-------------	--

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

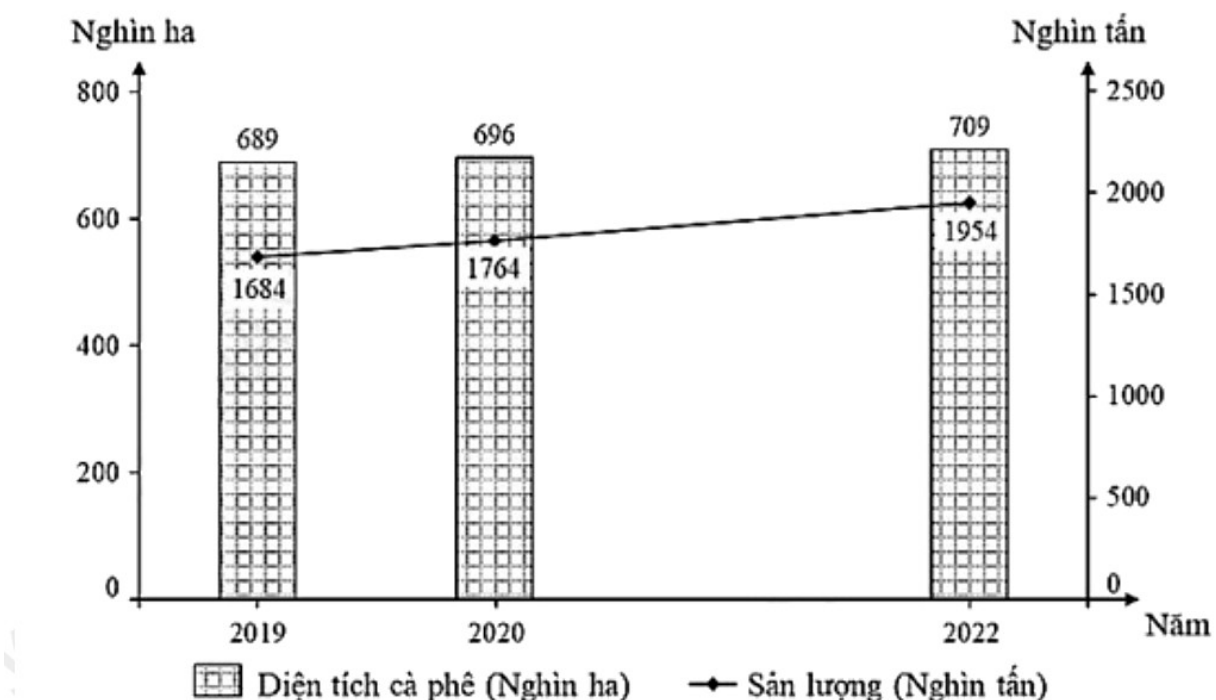
Câu 1: Quần đảo nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Thổ Chu. B. Cô Tô. C. Nam Du. D. Côn Sơn.

Câu 2: Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

- A. Điều. B. Đậu tương. C. Chè. D. Hồ tiêu.

Câu 3: Cho biểu đồ sau:



DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2019 - 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng cà phê tăng, năng suất giảm. B. Năng suất cà phê có xu hướng tăng.
C. Diện tích cà phê tăng nhanh hơn sản lượng. D. Diện tích tăng nhanh, năng suất giảm.

Câu 4: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta trong mùa mưa?

- A. Rét hại. B. Sương muối. C. Sạt lở đất. D. Xâm nhập mặn.

Câu 5: Dân số nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở

- A. thành thị. B. nông thôn. C. trung du. D. miền núi.

Câu 6: Hiệu quả kinh tế của việc phát triển cây dược liệu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng lên chủ yếu do

- A. lập vùng chuyên canh, tăng năng suất, ứng dụng khoa học kỹ thuật.
B. tăng sự liên kết, mở rộng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh thâm canh.
C. sản xuất tập trung, gắn với chế biến và dịch vụ, áp dụng kỹ thuật mới.
D. đẩy mạnh chuyên môn hóa, nâng cao sản lượng, tăng cường chế biến.

Câu 7: Điểm du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Phố cổ Hội An. B. Phong Nha - Kẻ Bàng.
C. Di tích Mỹ Sơn. D. Cố đô Huế.

Câu 8: Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hoá lớn nhất?

- A. Đường bộ. B. Đường biển. C. Đường sắt. D. Đường thủy nội địa.

Câu 9: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về

- A. diện tích cây chè. B. diện tích cây dứa. C. trữ lượng dầu khí. D. trữ lượng than đá.

Câu 10: Cây ăn quả được trồng với diện tích lớn ở Bắc Trung Bộ là

- A. cây vải. B. cây mận. C. cây mơ. D. cây cam.

Câu 11: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. phát triển nhanh theo hướng hiện đại. B. quy trình nghiệp vụ mang tính thủ công.
C. là ngành có tốc độ phát triển còn chậm. D. chủ yếu sử dụng lao động trình độ thấp.

Câu 12: Sự thất thường của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ gây ra các khó khăn chủ yếu về

- A. cơ cấu mùa vụ, phòng chống thiên tai, đẩy mạnh thâm canh.
B. kế hoạch mùa vụ, hoạt động canh tác, phòng chống thiên tai.
C. các loại dịch bệnh, bảo quản nông sản, hoạt động giao thông.
D. mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 13: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta những năm gần đây, tỉ trọng của năng lượng tái tạo

- A. ngày càng giảm. B. không thay đổi. C. có xu hướng tăng. D. luôn lớn nhất.

Câu 14: Điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mùa mưa kéo dài. B. nhiều bãi biển đẹp. C. có các quần đảo. D. có nhiều vũng vịnh.

Câu 15: Lãnh thổ nước ta hẹp ngang, kéo dài theo chiều Bắc - Nam nên

- A. khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm. B. sông ngắn và dốc, lượng phù sa lớn.
C. địa hình núi chiếm phần lớn diện tích. D. thiên nhiên có sự phân hoá theo vĩ độ.

Câu 16: Thế mạnh chủ yếu để phát triển cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất.
- B. khí hậu nhiệt đới gió mùa, có các hệ thống sông.
- C. diện tích đất phù sa lớn, nguồn nhiệt ẩm dồi dào.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm, đất fe-ra-lít có diện tích lớn.

Câu 17: Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan.
- B. Trung Quốc.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. Xin-ga-po.

Câu 18: Những năm gần đây, tỉ lệ dân thành thị nước ta

- A. liên tục tăng lên.
- B. có xu hướng giảm.
- C. có sự biến động.
- D. ở mức rất cao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Hằng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn, tổng số giờ nắng trong năm tùy từng nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm. Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều vượt 20°C (trừ vùng núi cao). Lượng mưa trung bình năm ở nước ta từ 1500 đến 2000 mm; độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương. Khí hậu nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với hai mùa gió chính là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

- a) Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện ở nhiệt độ trung bình năm và số giờ nắng.
- b) Nước ta có lượng mưa lớn chủ yếu do vị trí giáp biển, có gió Mậu dịch thổi theo hướng đông bắc.
- c) Cân bằng ẩm ở nước ta luôn dương do nhiệt độ cao, khí hậu phân thành hai mùa mưa khô rõ rệt.
- d) Khối khí gây mưa lớn vào mùa hạ ở nước ta xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 2: Cho thông tin:

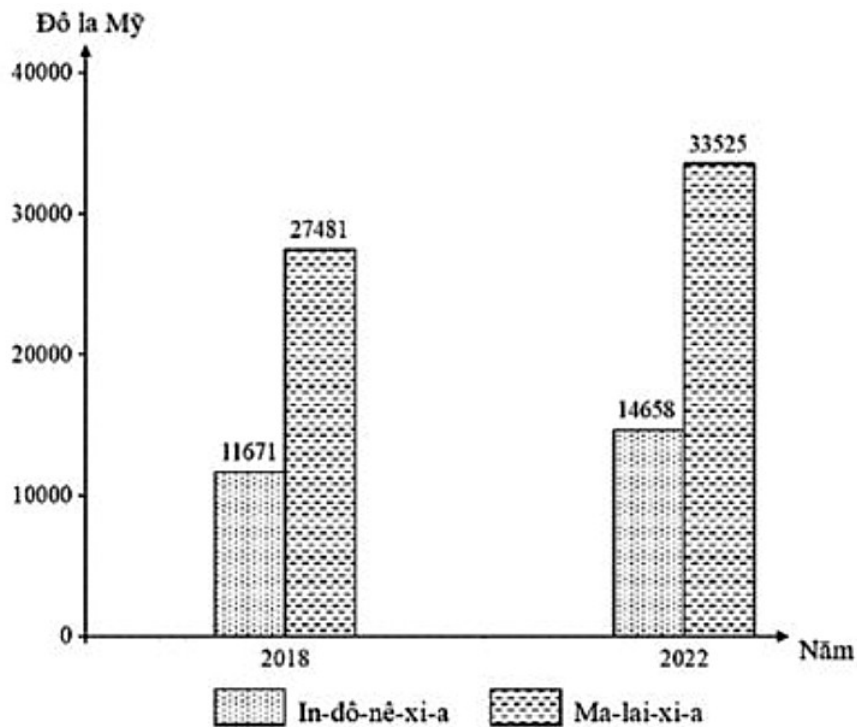
Nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải, trong đó đường bộ là loại hình phổ biến nhất và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng. Giao thông đường sắt đang được nâng cấp và mở rộng, đặc biệt là đường sắt đô thị. Giao thông đường biển không ngừng phát triển với các tuyến vận tải nội địa và quốc tế cùng hệ thống cảng biển. Giao thông đường hàng không cũng đang phát triển mạnh mẽ, với sự gia tăng của các hãng hàng không nội địa và quốc tế, cùng việc mở rộng và nâng cấp các sân bay. Giao thông đường thủy nội địa phát triển mạnh ở các vùng đồng bằng châu thổ.

- a) Mạng lưới đường bộ được mở rộng phủ kín các vùng.
- b) Ngành vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng cao trong tổng số lượng hành khách vận chuyển.

c) Vận tải đường biển có khối lượng vận chuyển hàng hoá nhỏ hơn đường thuỷ nội địa.

d) Giao thông vận tải hàng không phát triển nhanh, khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn, phù hợp với xu thế toàn cầu hoá.

Câu 3: Cho biểu đồ:



GDP/NGƯỜI CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2018 VÀ NĂM 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

a) GDP/người của In-đô-nê-xi-a thấp hơn Ma-lai-xi-a.

b) GDP/người của In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.

c) GDP/người của Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a 3057 đô la Mỹ.

d) GDP/người của Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a do quy mô nền kinh tế của Ma-lai-xi-a lớn hơn.

Câu 4: Cho thông tin:

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh và phân hoá rõ rệt theo độ cao. Các đặc điểm đó tạo thuận lợi cho các cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như: chè, rau, đậu, cây dược liệu, cây ăn quả.

a) Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có khí hậu lạnh nhất nước ta.

b) Đây là vùng có diện tích cây ăn quả lớn nhất nước ta, cây ăn quả được trồng chủ yếu trên các cao nguyên, sơn nguyên.

c) Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có mùa đông lạnh do địa hình chủ yếu là núi cao, gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.

d) Giải pháp chủ yếu để tăng tính hàng hoá cho cây ăn quả là mở rộng diện tích, đưa giống năng suất cao vào sản xuất, ứng dụng kỹ thuật mới.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Năm 2022, dân số của vùng Đông Nam Bộ là 18,8 triệu người, tỉ lệ dân thành thị của vùng là 66,5%. Hãy cho biết dân số nông thôn của vùng là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Năm 2015, sản lượng thủy sản của nước ta là 6727,2 nghìn tấn; năm 2022 sản lượng thủy sản nước ta là 9108,1 nghìn tấn. Hãy cho biết từ năm 2015 đến năm 2022 sản lượng thủy sản của nước ta tăng thêm bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Năm 2023, Đồng bằng sông Hồng có diện tích là 21278,6 km² và dân số là 23732,4 nghìn người; Tây Nguyên có diện tích là 54548,3 km² và dân số là 6163,6 nghìn người. Hãy cho biết mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng gấp mấy lần Tây Nguyên (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2022, tổng mức lưu chuyển hàng hoá xuất, nhập khẩu của nước ta là 731,5 tỉ USD, trong đó nhập khẩu là 359,8 tỉ USD. Hãy cho biết năm 2022 nước ta xuất siêu bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2021, khối lượng hàng hóa luân chuyển của ngành vận tải đường biển nước ta là 70,1 tỉ tấn.km và cự ly vận chuyển trung bình đạt 1002 km. Hãy cho biết khối lượng hàng hóa vận chuyển của ngành vận tải đường biển nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2023 TẠI TRẠM QUAN TRẮC BÃI CHÁY
(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,4	19,6	21,5	24,3	27,7	29,1	30,1	28,5	27,9	26,6	23,3	19,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Bãi Cháy là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐỀ 9	ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian làm bài: 50 phút</i>
-------------	--

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và

- A. các hải đảo. B. vùng nội thủy.
C. vùng lãnh hải. D. thềm lục địa.

Câu 2. Ở nước ta lũ thường dẫn đến

- A. ngập lụt. B. mưa lớn. C. gió mạnh. D. sóng lớn.

Câu 3. Đô thị nào sau đây được hình thành sớm nhất ở nước ta?

- A. Cổ Loa. B. Thăng Long. C. Phú Xuân. D. Hội An.

Câu 4. Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực

A. công nghiệp. B. thương mại. C. du lịch. D. nông nghiệp.

Câu 5. Ven các thành phố lớn hiện nay phát triển mạnh chăn nuôi gia súc lớn nào sau đây?

A. Trâu. B. Ngựa. C. Bò sữa. D. Bò thịt.

Câu 6. Than nước ta được khai thác chủ yếu ở

A. Lạng Sơn. B. Bắc Giang. C. Quảng Ninh. D. Thái Nguyên.

Câu 7. Loại hình giao thông vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh ở nước ta là

A. đường sắt. B. đường ô tô. C. đường biển. D. đường hàng không.

Câu 8. Tính chất của gió mùa đông bắc vào nửa sau mùa đông ở nước ta là

A. ẩm ướt. B. lạnh ẩm. C. lạnh khô. D. khô hanh.

Câu 9. Thế mạnh nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. B. khai thác và chế biến khoáng sản.
C. chăn nuôi gia súc nhỏ và gia cầm. D. trồng cây lương thực và thực phẩm.

Câu 10. Vùng Đồng bằng sông Hồng giáp với vùng nào sau đây?

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 11. Điều kiện thuận lợi chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển nuôi trồng thủy sản là

A. vùng biển rộng, nhiều thủy sản. B. tỉnh nào cũng có bãi cá, bãi tôm.
C. có nhiều ngư trường trọng điểm. D. ven biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá.

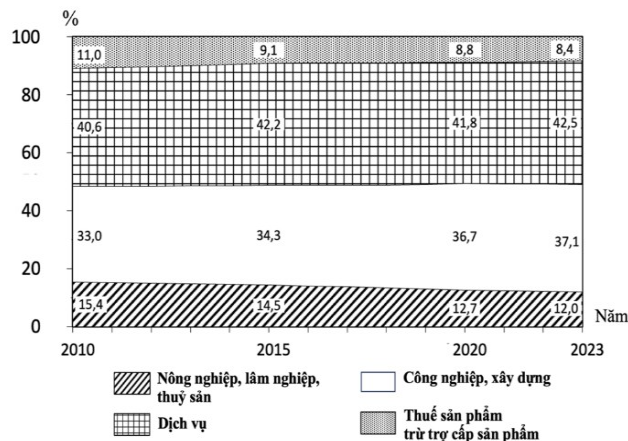
Câu 12. Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

A. Chè. B. Dừa. C. Cà phê. D. Cao su.

Câu 13. Biểu hiện của quá trình phong hóa hóa học làm biến đổi bề mặt địa hình nước ta là

A. hiện tượng xâm thực. B. đất trượt, đá lở ở sườn dốc.
C. hình thành địa hình cacxto. D. hiện tượng bào mòn, rửa trôi.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 - 2023

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê, 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tỉ trọng giảm.
B. Khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có tỉ trọng tăng.
C. Trong giai đoạn 2010 - 2023, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng nhiều nhất.
D. Tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng giảm 4,1% giai đoạn 2010 - 2023.

Câu 15. Ý nghĩa chủ yếu của hoạt động xuất khẩu đối với nước ta là

A. thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển kinh tế, tăng mức sống.
B. mở rộng sản xuất, nâng cao thu nhập dân cư, chuyển giao khoa học công nghệ.
C. sử dụng hiệu quả nguồn lao động, tăng nguồn thu ngoại tệ, tích lũy vốn đầu tư.
D. giải quyết nhiều việc làm, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế đất nước.

Câu 16. Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. có mật độ sông ngòi khá cao.
- B. có một số nguồn nước khoáng.
- C. rừng tự nhiên có diện tích lớn.
- D. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

Câu 17. Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên làm cho nước ta có

- A. cơ cấu cây trồng và vật nuôi đa dạng.
- B. số lượng dân tộc phân hóa theo vùng.
- C. điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài.
- D. động vật cận nhiệt đới ở độ cao 3000 m.

Câu 18. Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. áp dụng khoa học công nghệ, phát triển chế biến, sử dụng giống mới.
- B. quy hoạch vùng sản xuất, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu.
- C. mở rộng diện tích đất trồng, đảm bảo nước tưới, thu hút nguồn đầu tư.
- D. đẩy mạnh thâm canh, liên kết vùng sản xuất, ứng phó biến đổi khí hậu.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là một miền địa lý tự nhiên rộng lớn, trải dài từ Lai Châu tới Thừa Thiên - Huế. Miền có địa hình cao, đồ sộ với nhiều dãy núi lớn, tiêu biểu là Hoàng Liên Sơn và Trường Sơn Bắc. Chính đặc điểm địa hình này đã tác động mạnh mẽ đến khí hậu và sông ngòi của miền.

- a) Mùa đông ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đến muộn và kết thúc muộn.
- b) Thời gian mùa mưa của các khu vực trong miền chậm dần về phía nam.
- c) Chiều dài và mật độ sông ngòi có sự khác biệt giữa khu vực Tây Bắc và khu vực Bắc Trung Bộ.
- d) Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có gió phơn hoạt động do sự kết hợp của gió mùa Tây Nam và dãy Trường Sơn Bắc.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là những hoạt động mang tính xã hội tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn các nhu cầu sản xuất và đời sống của con người nên có cơ cấu ngành đa dạng và phức tạp. Việc phân chia các ngành dịch vụ hiện nay dựa vào các hoạt động dịch vụ diễn ra trong thực tế với ba nhóm: dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công. Ở nước ta, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế và phát triển ngày càng đa dạng.

- a) Dịch vụ góp phần quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.
- b) Kinh tế càng phát triển, xã hội càng tiến bộ văn minh thì càng xuất hiện nhiều ngành dịch vụ mới.
- c) Quy mô dân số đông, lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng tạo nên thách thức lớn cho sự phát triển dịch vụ của nước ta.
- d) Hệ thống chính sách cùng sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ tạo nên sự đa dạng về cơ cấu ngành dịch vụ nước ta.

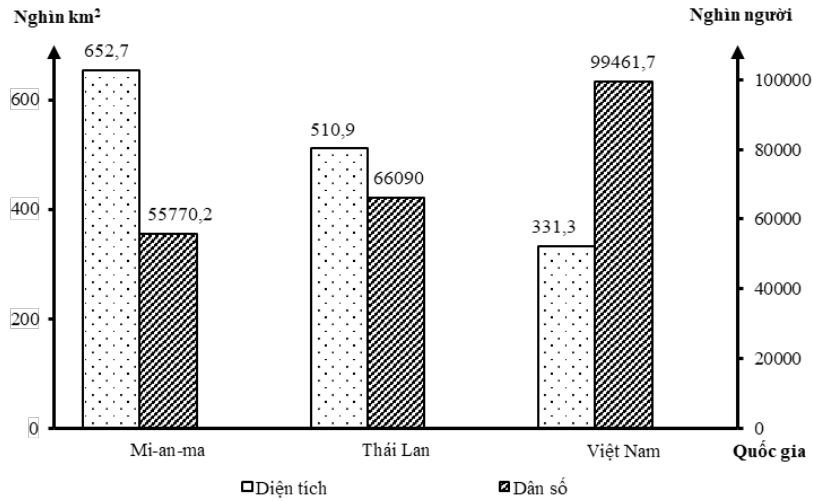
Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long được đánh giá là một trong ba châu thổ lớn của thế giới bị đe dọa nghiêm trọng nhất bởi biến đổi khí hậu. Tình hình địa lý của Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy khu vực này rất dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm mực nước biển dâng, lũ lụt trong mùa mưa và thiếu nước trong mùa khô. Ngoài ra, sự thay đổi chế độ dòng chảy trong sông sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi xâm nhập mặn tại khu vực này.

(Nguồn: https://vnuhcm.edu.vn/tin-tuc_32343364/con-duong-phat-trien-ben-vung-cho-dong-bang-song-cuu-long-/333930313364.html)

- a) Tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu.
- b) Diện tích đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng mở rộng.
- c) Biến đổi khí hậu không ảnh hưởng tới sản xuất và sinh hoạt của người dân.
- d) Tình hình nhiễm mặn ngày càng sâu sắc do địa hình thấp, nhiều cửa sông, mùa khô kéo dài, chế độ dòng chảy thay đổi.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích và dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Việt Nam có diện tích nhỏ nhất nhưng quy mô dân số lớn nhất.
b) Mi-an-ma có diện tích gấp 2 lần của Việt Nam.
c) Mật độ dân số của Việt Nam gấp hơn 2 lần của Thái Lan.
d) Việt Nam có mật độ dân số cao do quy mô dân số và diện tích lớn.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,2	20,7	22,7	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm 2023 tại Hà Nội là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Mực nước một số sông chính ở nước ta năm 2022

(Đơn vị: cm)

Mực nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Lô (trạm Tuyên Quang)	2 203	1 175
Sông Thương (trạm Cầu Sơn)	1 587	1 232

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Thương tại trạm Cầu Sơn là bao nhiêu cm.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ sinh của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu phần nghìn so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm				
Tiêu chí	2010	2015	2020	2021
Trị giá xuất khẩu	72,2	162,2	282,6	336,1
Trị giá nhập khẩu	84,8	165,7	262,8	332,9

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Sản lượng lương thực có hạt của nước ta phân theo vùng năm 2022

(Đơn vị: triệu tấn)

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Sản lượng	5,1	6,2	7,7	2,5	1,8	23,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng sản lượng lương thực có hạt của nước ta năm 2022 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta năm 2010 và năm 2021

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng
2010	13,4	10,3	3,1
2021	14,7	10,1	4,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2011, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng của cả nước năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐỀ 10	ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ Thời gian làm bài: 50 phút
--------------	---

Phần I. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 18. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vùng đất của nước ta bao gồm

- A. đất liền và hải đảo.
- B. đất liền và nội thủy.
- C. hải đảo và lãnh hải.
- D. lãnh hải và nội thủy.

Câu 2. Bão ở nước ta thường kéo theo thiên tai nào sau đây?

- A. Động đất. B. Ngập lụt. C. Hạn hán. D. Cháy rừng.

Câu 3. Mạng lưới đô thị nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phân bố rộng khắp trên cả nước. B. Chủ yếu là đô thị loại đặc biệt.
C. Mật độ cao ở vùng đồng bằng. D. Khác nhau giữa các vùng kinh tế.

Câu 4. Vùng kinh tế nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

Câu 5. Cây công nghiệp nào sau đây có nguồn gốc cận nhiệt đới?

- A. Cao su. B. Chè. C. Bông. D. Hồ tiêu.

Câu 6. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện nước ta là

- A. nhiệt điện. B. thủy điện. C. điện mặt trời. D. điện gió.

Câu 7. Đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Trung nước ta là

- A. Đà Nẵng. B. Quy Nhơn. C. Nha Trang. D. Đồng Hới.

Câu 8. Nghi dưỡng biển đảo gắn với di sản là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây ?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

Câu 9. Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về số lượng vật nuôi nào sau đây?

- A. Trâu. B. Bò. C. Cừu. D. Gà.

Câu 10. Vườn quốc gia nào sau đây nằm ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tam Đảo. B. Cát Tiên. C. Phú Quốc. D. Núi Chúa.

Câu 11. Giao thông vận tải đường biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh dựa trên thuận lợi nào sau đây?

- A. trữ lượng hải sản lớn.
B. đường bờ biển cắt xẻ mạnh.
C. độ mặn nước biển cao.
D. khí hậu ổn định quanh năm.

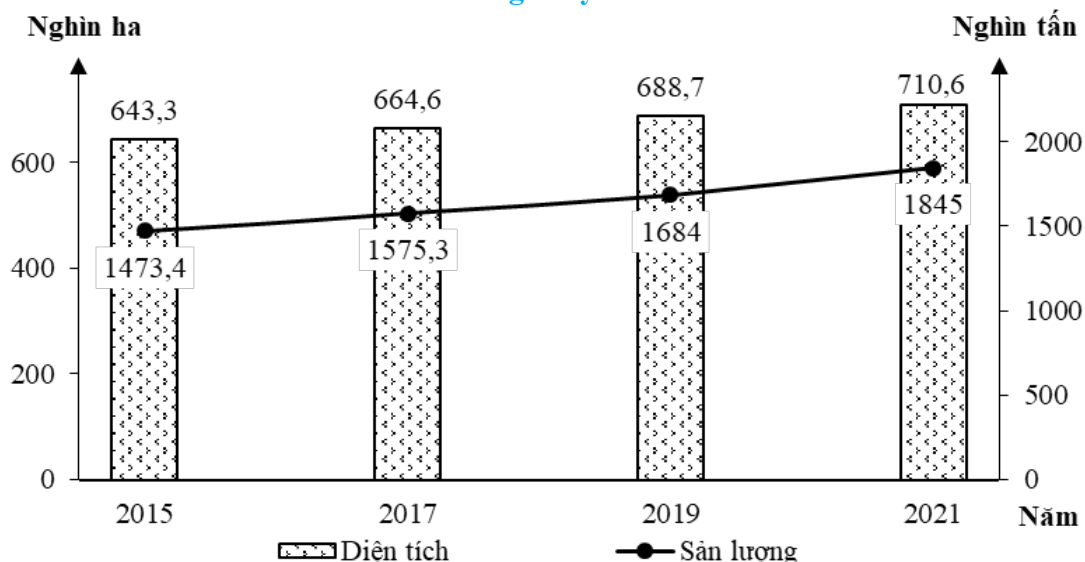
Câu 12. Loại khoáng sản nào sau đây có trữ lượng lớn ở Đông Nam Bộ?

- A. Dầu mỏ. B. Than đá. C. Bô xít. D. Đất hiếm.

Câu 13. Quá trình xâm thực diễn ra mạnh ở vùng núi nước ta chủ yếu do

- A. mưa lớn, địa hình dốc, mất lớp phủ thực vật.
B. nhiệt độ cao, đồi núi thấp, diện tích rừng giảm.
C. đất đá bờ rời, đồi núi thấp, sông ngòi dày đặc.
D. mưa theo mùa, nhiều núi cao, tốc độ gió lớn.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích, sản lượng cà phê nước ta giai đoạn 2015 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Diện tích cà phê có tốc độ tăng nhanh hơn sản lượng cà phê.
- B. Diện tích và năng suất cà phê đều tăng trong giai đoạn trên.
- C. Sản lượng, diện tích và năng suất cà phê tăng đều qua các năm.
- D. Năng suất cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn sản lượng.

Câu 15. Trị giá xuất khẩu của nước ta tăng nhanh chủ yếu do

- A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.
- B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lí.
- C. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- D. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

Câu 16. Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo.
- B. tăng cường khai thác tài nguyên, nâng cao thu nhập.
- C. nâng cao vị thế của vùng, tạo thêm nhiều việc làm.
- D. thúc đẩy du lịch quốc tế và giao thông vận tải biển.

Câu 17. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới ngành du lịch nước ta là

- A. sản phẩm đa dạng, nhiều di sản thiên nhiên thế giới, chi phí bảo tồn lớn.
- B. diễn ra quanh năm, có tính mùa vụ, nhiều tài nguyên du lịch nhân văn.
- C. tăng trưởng nhanh, thu hút nhiều khách quốc tế, phát triển đều ở các vùng.
- D. doanh thu ổn định, sản phẩm đặc trưng theo vùng, nhiều trung tâm lớn.

Câu 18. Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến, đổi mới phương tiện.
- B. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, ứng dụng công nghệ định vị cá, tăng cường thu hút đầu tư.
- C. nâng cao trình độ lao động, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cấp hệ thống cảng cá.

D. đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển thương hiệu.

Phần II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nhiệt độ trung bình năm của cả nước trên 20°C (trừ vùng núi cao), tổng giờ nắng là 1400-3000 giờ. Lượng mưa trung bình năm 1500-2000mm, những vùng núi cao đón gió lượng mưa có thể lên tới 3500 – 4000mm, độ ẩm không khí trung bình khoảng 80-85%. Trong năm nước ta có hai mùa gió là gió mùa đông và gió mùa hạ.

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm khí hậu nước ta là nhiệt đới ẩm gió mùa.
- b) Những khu vực núi cao và sườn đón gió có lượng mưa rất lớn.
- c) Nhiệt độ trung bình năm ở các vùng núi cao thấp hơn mức trung bình cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của hướng địa hình.
- d) Gió mùa đông ảnh hưởng đến khu vực đồng bằng Bắc Bộ là gió mùa Đông Bắc và Tín Phong Bắc bán cầu.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Trồng trọt là ngành sản xuất chính trong nông nghiệp nước ta hiện nay với giá trị sản xuất chiếm 60,8% giá trị sản xuất nông nghiệp cả nước (năm 2021). Ngoài việc cung cấp các nông sản cho nền kinh tế, xuất khẩu và đảm bảo đời sống nhân dân, ngành trồng trọt cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, thông qua việc áp dụng các phương pháp canh tác thông minh gắn với nông nghiệp sinh thái, sử dụng phân bón hữu cơ, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước...

- a) Ngành trồng trọt có tỉ trọng lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp nước ta. Đ
- b) Trồng trọt cung cấp nguồn lương thực cần thiết và các loại thực phẩm, các chất đạm bổ dưỡng cho bữa ăn hàng ngày của người dân. Đ
- c) Việc sử dụng nhiều phân bón, máy móc tự động trong nông nghiệp góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. S
- d) Các phương pháp canh tác thông minh trong nông nghiệp bao gồm sử dụng mô hình tưới phun sương tự động, máy bay nông nghiệp, robot trồng cây... giúp bảo vệ và cải thiện chất lượng đất, nước, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao. Đ

Câu 3. Cho thông tin sau:

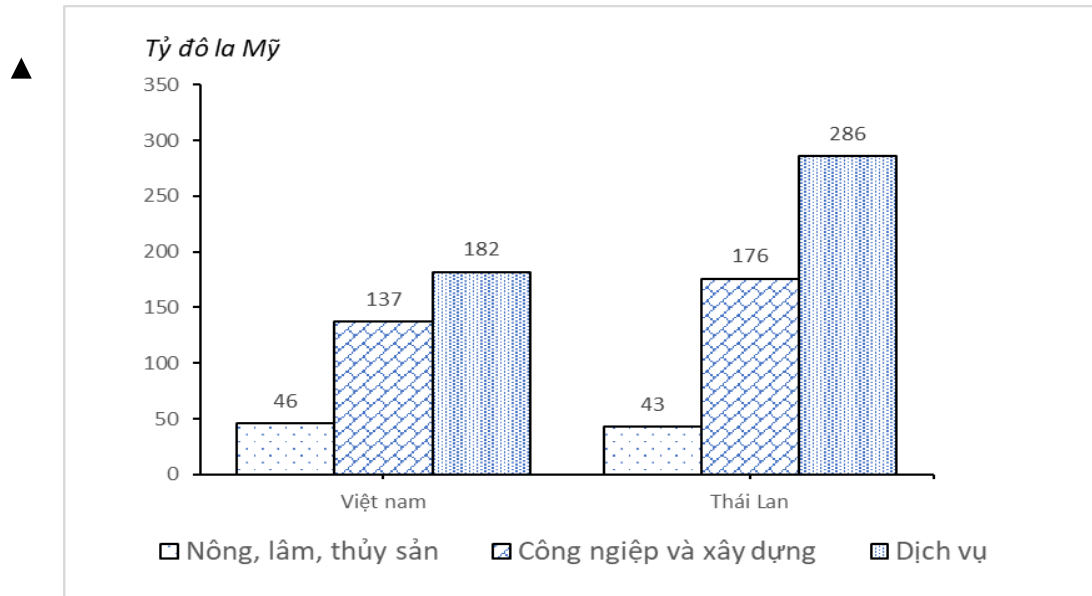
Tây Nguyên là vùng có trữ năng thủy điện lớn thứ hai cả nước, chỉ đứng sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Trong những năm qua, việc xây dựng các nhà máy thủy điện trên các bậc thang thủy điện đã góp phần cung cấp điện năng cho nội vùng Tây Nguyên và các vùng lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, góp phần đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Ngoài ra, việc phát triển thủy điện còn có ý nghĩa trong phát triển du lịch và nuôi thủy sản ở Tây Nguyên.

- a) Trữ năng thủy điện của Tây Nguyên chiếm hơn 50% trữ năng thủy điện cả nước.
- b) Tây Nguyên hình thành được nhiều bậc thang thủy điện giúp tiết kiệm chi phí, chủ yếu do đặc điểm cấu trúc địa hình.

c) Việc khai thác tiềm năng thủy điện góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho Tây Nguyên phát triển cơ cấu kinh tế đa dạng, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng, tạo tiền đề cho quá trình sát nhập nhiều tỉnh với vùng Đông Nam Bộ.

d) Nhiều dòng sông ở Tây Nguyên là phụ lưu của hệ thống sông Mê Công, nên mục đích chủ yếu của việc xây dựng các hồ thủy điện ở Tây Nguyên là đảm bảo cung cấp nước vào mùa khô, phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản đồng thời giúp điều tiết chế độ nước cho hệ thống sông Cửu Long.

Câu 4. Cho biểu đồ:



Biểu đồ tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo ngành kinh tế của Việt Nam và Thái Lan năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

- a) Giá trị ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam lớn hơn Thái Lan.
- b) Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam nhỏ hơn Thái Lan.
- c) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Thái Lan gấp hai lần Việt Nam.
- d) Việt Nam và Thái Lan đều có ngành nông, lâm, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Nam Định và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nam Định	18,1	15,1	22,5	23,9	26,4	30,4	29,9	29,0	28,1	24,8	24,9	17,0
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,4	27,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Nam Định cao hơn biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội năm 2023

(Đơn vị: m/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số tháng thuộc mùa lũ của sông Hồng tại trạm Hà Nội .

Câu 3: Năm 2021, dân số nam của Việt Nam là 49 092 700 người còn dân số nữ của nước ta là 49 411 700 người. Tỷ lệ giới tính nam của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 668,5 tỉ USD, trong đó trị giá nhập khẩu là 332,2 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2021, khối lượng vận chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 69 639,0 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 152 277,2 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải này là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2021
Tiêu chí		
Sản lượng hải sản khai thác	707,2	1167,9
Trong đó: Cá biển	516,9	966,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng khai thác cá biển trong sản lượng hải sản khai thác năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

ĐỀ 1

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	10	C
2	B	11	D
3	B	12	A
4	B	13	B
5	B	14	C
6	D	15	D
7	C	16	B
8	B	17	C
9	D	18	C

PHẦN II.Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5** điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	S	3	A	S
	b	Đ		B	Đ
	c	Đ		C	Đ
	d	S		D	S
2	a	S	4	A	Đ
	b	Đ		B	S
	c	Đ		C	Đ
	d	S		D	S

PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	30,5	4	216
2	1357	5	1,2
3	0,74	6	1068

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta nằm ở vị trí nào sau đây?

- A.** Cách đường cơ 12 hải lý về phía đông. **B.** ở ranh giới giữa vùng nội thủy và lãnh hải.
C. Cách đường bờ biển trên 24 hải lý. **D.** Nằm rìa đông của vùng tiếp giáp lãnh hải.

Lí giải: Biên giới quốc gia trên biển là vùng lãnh hải, rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở.

Câu 2. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở nước ta chủ yếu do hoạt động của

- A.** đánh bắt thủy sản, thương mại, xây dựng, làng nghề.
B. giao thông vận tải, công nghiệp, xây dựng, làng nghề.
C. nuôi trồng thủy sản, công nghiệp, trồng trọt, du lịch.
D. giao thông vận tải, trồng rừng, xây dựng, chăn nuôi.

Lí giải: Hoạt động công nghiệp, xây dựng, làng nghề, khí từ các phương tiện giao thông gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng, nhất là ở các thành phố lớn.

Câu 3. Việc phân chia thành các đô thị trực thuộc Trung ương và trực thuộc tỉnh ở nước ta là dựa vào

- A.** tỉ lệ lao động. **B.** cấp quản lí.
C. mật độ dân số. **D.** chức năng đô thị.

Lí giải: Dựa vào cấp quản lí, VN có 5 thành phố trực thuộc Trung ương(HN, HP, Đà Nẵng, TPHCM, Cần Thơ)

Câu 4. Nhân tố chủ yếu làm thay đổi cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta theo hướng tích cực là

- A.** quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. **B.** sự hội nhập nền kinh tế quốc tế, khu vực.
C. đô thị hoá và thu hút đầu tư nước ngoài **D.** tăng trưởng kinh tế, đa dạng hoá sản xuất.

Câu 5. Vùng chuyên canh cây điều tập trung nhiều ở

- A.** Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long **B.** Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.

Lí giải: Các cây công nghiệp được phân bố thành vùng tập trung, cây điều phân bố lớn nhất ở Tây Nguyên và ĐNB

Câu 6. Loại năng lượng nào sau đây ở nước ta thuộc năng lượng hoá thạch?

- A.** Điện gió. **B.** Điện mặt trời. **C.** Điện sinh khối. **D.** Dầu thô.

Lí giải: Năng lượng tái tạo gồm(điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối...), còn dầu thô là năng lượng hóa thạch

Câu 7. Quốc lộ 1 bắt đầu và kết thúc ở những địa phương nào?

- A.** Cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn), cửa khẩu Xà Xía (Hà Tiên).
B. Cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh), cửa khẩu Xà Xía (Hà Tiên).
C. Cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn), mũi Cà Mau.
D. Cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh), mũi Cà Mau.

Lí giải: Quốc lộ 1A bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị(Lạng Sơn) và kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài trên 2400km

Câu 8. Xu hướng phát triển du lịch được chú trọng ở nước ta hiện nay là

- A.** đa dạng loại hình, chuyển đổi số. **B.** du lịch bền vững, du lịch thông minh.
C. phát triển ổn định, tăng trưởng xanh. **D.** mở rộng thị trường, du lịch ảo.

Lí giải: Xu hướng du lịch hiện nay là đẩy mạnh phát triển du lịch bền vững, du lịch thông minh.

Câu 9. Sản xuất nông nghiệp hàng hoá ở Trung du và miền núi Bắc Bộ còn gặp khó khăn chủ yếu do

- A.** thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.
B. thiếu quy hoạch, chưa mở rộng thị trường.
C. thiếu nguồn nước tưới, nhất là vào mùa khô.
D. thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.

Lí giải: Vùng TD và MNBB có nhiều khó khăn trong đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, do thiếu cơ sở chế biến với quy mô lớn

Câu 10. Vùng Đồng bằng sông Hồng có khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa đứng đầu cả nước là nhờ chủ yếu vào

- A. nền kinh tế phát triển nhất cả nước B. dân số đông nhu cầu vận tải lớn.
C. mạng lưới giao thông khá toàn diện. D. nhiều sân bay, hải cảng lớn nhất cả nước.

Lí giải: mạng lưới giao thông vận tải của vùng ĐBSH khá toàn diện, nên vùng có khối lượng vận chuyển và luân chuyển luôn đứng đầu cả nước.

Câu 11. Vịnh Vân Phong thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ được quy hoạch thành cảng trung chuyển lớn nhất nước ta dựa trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

- A. Cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng, vịnh biển sâu rộng, kín gió.
B. Cơ sở hạ tầng tương đối tốt, cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng.
C. Gần các tuyến hàng hải quốc tế, cơ sở hạ tầng tương đối tốt.
D. Vịnh biển sâu rộng và kín gió, gần các tuyến hàng hải quốc tế.

Lí giải: Vùng Duyên hải NTB có các vịnh biển sâu, kín gió, thích hợp xây dựng các cảng biển, mặt khác vùng nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế.

Câu 12. Vùng ven biển Đông Nam Bộ có thế mạnh về

- A. phát triển du lịch. B. nuôi gia súc lớn.
C. Trồng cây cao su. D. Khai thác dầu khí.

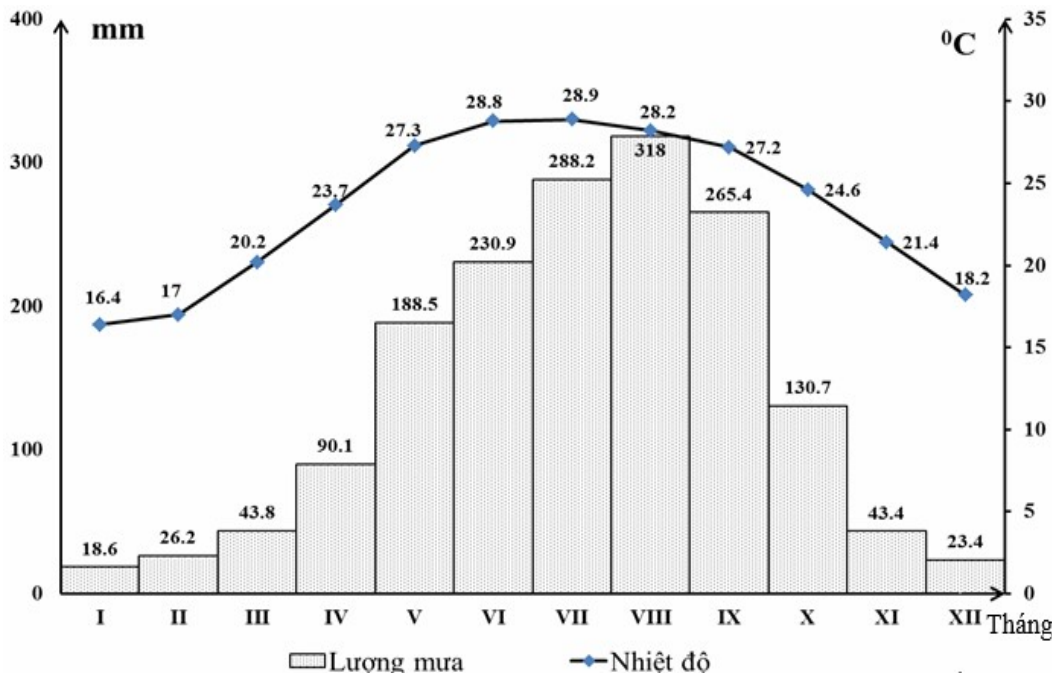
Lí giải: vùng biển Bà Rịa – VT của ĐNB có thế mạnh phát triển du lịch biển

Câu 13. Mùa mưa ở Tây Nguyên bắt đầu do tác động chủ yếu của gió

- A. Mậu dịch ở chí tuyến bán cầu Bắc thổi đến.
B. Tây Nam từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương đến.
C. Tây Nam từ áp cao chí tuyến bán cầu Nam.
D. Đông Bắc có nguồn gốc từ cao áp Xi-bia.

Lí giải: Đầu hạ, gió TN từ Bắc Ấn Độ Dương gây mưa cho Tây Nguyên.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở HÀ NỘI

(Số liệu theo SGK Địa lí Nâng cao, trang 48)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội?

- A. Biên độ nhiệt năm lớn, mưa chủ yếu vào mùa đông.
B. Biên độ nhiệt năm nhỏ, có 2 - 3 tháng mùa đông lạnh.

C. Biên độ nhiệt năm lớn, có 2 - 3 tháng mùa đông lạnh.

D. Biên độ nhiệt năm nhỏ, mưa chủ yếu vào mùa hạ.

Lí giải: HN có biên độ nhiệt năm lớn, do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, có 2- 3 tháng nhiệt độ dưới 18°

Câu 15. Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển và phân bố của ngành ngoại thương ở nước ta hiện nay?

A. Khoáng sản là mặt hàng xuất khẩu chủ lực ở nước ta hiện nay.

B. Thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu là các quốc gia Đông Nam Á.

C. Chú trọng vào việc xuất khẩu các mặt hàng có giá thành cao.

D. Máy móc, thiết bị là nhóm hàng nhập khẩu chính hiện nay.

Lí giải: máy móc, thiết bị là nhóm hàng nhập khẩu chính hiện nay của nước ta.

Câu 16. Mục đích chủ yếu của việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ là

A. thu hút các nguồn vốn, phát triển kinh tế biên giới, hình thành nhiều đô thị mới.

B. mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế.

C. đẩy mạnh xuất khẩu, phân bố lại dân cư, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

D. tăng cường hợp tác, chuyển dịch cơ cấu ngành, thúc đẩy sự phân công lao động.

Lí giải: Việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ giúp mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện cảnh quan xa van nguyên sinh ở nước ta là

A. đất cát biển, nhiệt độ trung bình năm cao, bốc hơi mạnh, mưa nhỏ.

B. đất cát pha, số giờ nắng cao, mùa khô kéo dài, lượng mưa thấp.

C. đất khô, nghèo dinh dưỡng, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều, mưa ít.

D. đất nhiễm phèn, lượng mưa rất thấp, nhiều nắng, bốc hơi rất mạnh.

Lí giải: đất khô, nghèo dinh dưỡng, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều, mưa ít là nguyên nhân làm xuất hiện cảnh quan xa van nguyên sinh ở nước ta.

Câu 18. Việc mở rộng diện tích nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long cần chú ý tới vấn đề chủ yếu nào sau đây?

A. Tăng cường giống mới, phổ biến kĩ thuật nuôi trồng.

B. Bổ sung nguồn lao động, tăng cường cơ sở thức ăn.

C. Bảo vệ rừng ngập mặn, mở rộng thị trường tiêu thụ

D. Phát triển công nghiệp chế biến, bổ sung lao động.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tín phong ở Việt Nam là loại gió thổi thường xuyên quanh năm. Tuy nhiên, hoạt động của gió mùa đã lấn át làm cho Tín phong tác động không rõ vào mùa đông và mùa hạ. Trong thời gian chuyển tiếp giữa hai mùa gió, tác động của Tín phong trở nên rõ rệt.

a) Tín phong hoạt động trên lãnh thổ nước ta chỉ có nguồn gốc từ áp cao chí tuyến bán cầu Bắc.

b) Kiểu thời tiết ẩm áp, hanh khô trong mùa đông ở miền Bắc do nguyên nhân chính là Tín phong.

c) Tín phong bán cầu Bắc kết hợp bức chắn địa hình là nhân tố gây mưa cho ven biển Trung Bộ.

d) Tín phong bán cầu Nam là nhân tố chính tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dọc bờ biển nước ta có nhiều vũng, vịnh, đầm phá và các cánh rừng ngập mặn, có nhiều hệ thống sông, cửa sông ra biển, tạo thuận lợi để hình thành các bãi tôm, cá và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ và nước ngọt.

a) Dọc bờ biển nước ta có nhiều bãi triều, đầm, phá, các cánh rừng ngập mặn là môi trường thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước ngọt.

b) Nghề cá nội địa ở nước ta có điều kiện thuận lợi là nguồn thủy sinh phong phú, đa dạng từ hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều ao hồ, vùng trũng ở đồng bằng.

c) Môi trường rạn san hô ở vùng biển nước ta là nơi thuận lợi cho sự trú ngụ và sinh sống của nhiều loại thủy sản.

d) Nguồn lợi thủy sản phong phú và đa dạng là điều kiện chủ yếu để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở nước ta.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, địa hình thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác. Vùng có ba loại đất chính: Đất phù sa sông có diện tích khoảng hơn 1 triệu ha, phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu, là loại đất tốt, màu mỡ, thích hợp trồng lúa và các loại cây trồng khác.

a) Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là đất phù sa.

b) Diện tích đất phèn, đất mặn lớn gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Để đáp ứng nhu cầu sản xuất của ngành trồng trọt, giải pháp quan trọng nhất là cải tạo đất cho Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Để cải tạo đất ở Đồng bằng sông Cửu Long cần sử dụng các loại phân bón thích hợp, bổ sung dinh dưỡng cho đất.

Câu 4. Cho bảng số liệu: **TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2022**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Nhập khẩu	84,8	165,7	261,8	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

a) Tổng trị giá xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022 liên tục tăng.

b) Trị giá xuất khẩu có tốc độ tăng chậm hơn trị giá nhập khẩu trong giai đoạn 2010 - 2022.

c) Giá trị nhập khẩu tăng khá mạnh do nhu cầu lớn về nguyên, nhiên liệu, máy móc phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.

d) Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là sản xuất số lượng lớn, nhiều ngành tham gia.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Biết trên đỉnh núi Pu-xai-lai-leng cao 2 711 m đang có nhiệt độ là 14,5 °C thì trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1111 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Lời giải: $14,5 + (2711 - 1111) : 100 = 30,5$

Đáp án: 30,5

Câu 2. Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG DÒNG CHAY THÁNG TẠI TRẠM CÙNG SƠN TRÊN SÔNG ĐÀ RẰNG

(Đơn vị: m³)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	129	77	47	45	85	170	155	250	366	682	935	332

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch tổng lưu lượng nước mùa lũ cao hơn tổng lưu lượng nước mùa cạn là bao nhiêu m³? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³)

Lời giải: mùa lũ $(9 + 10 + 11 + 12) = 2315$

Mùa cạn $(1+2+3+4+5+6+7+8)=958$

⇒ 2315 - 958

Đáp án: 1357

Câu 3. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, dân số Việt Nam ước tính là 99 186 471 người, có 1 418 890 trẻ được sinh ra, 681 157 người chết. Tỷ suất gia tăng dân số Việt Nam năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai).

Lời giải: $1418890 - 681157 / 99186471 \times 100$

Đáp án: 0,74

Câu 4. Cho bảng số liệu: Tình hình xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2022
Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỉ đồng)	5 917	6 563	6 787	8 941
Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu (%)	51,27	51,71	51,69	50,61

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Hãy cho biết, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Lời giải: $8941:50,61 \times 100 = 17666,4691 - 8941 = 8725$,
8941-8725

Đáp án: 216

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở CÁC VÙNG CỦA NƯỚC TA, NĂM 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Cho biết năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long gấp bao nhiêu lần Trung du và miền núi Bắc Bộ? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Lời giải: tính năng suất lúa của 2 vùng, rồi chia chênh lệch

Đáp án: 1,2

Câu 6. Theo niên giám thống kê năm 2023, Duyên hải Nam Trung Bộ có tổng sản lượng hải sản là 1181,3 nghìn tấn, trong đó cá biển chiếm tới 90,4%. Tính sản lượng cá biển của vùng DHNTB năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tấn).

Lời giải: $90,4 \times 1181,3 : 100$

Đáp án: 1068

ĐỀ 2

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.B	2.C	3.A	4.C	5.D	6.C	7.B	8.B	9.C	10.D
11.C	12.C	13.D	14.C	15.A	16.A	17.A	18.B		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Nước ta có vị trí địa lí giáp với Biển Đông rộng lớn.

A, C, D sai vì nước ta có vị trí địa lí ở gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, nằm ở phía đông nam châu Á, nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương, nằm gần các vành đai sinh khoáng.

Chọn B.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Bắc – Nam, kết hợp với đặc điểm gió mùa.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự phân hóa của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc - Nam là do gió mùa kết hợp với địa hình. Gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào đất liền nước ta, càng xuống phía nam càng suy yếu và đến dãy Bạch Mã gần như bị chặn lại, tạo ra sự phân hóa khí hậu giữa phía Bắc và phía Nam => Gây ra sự phân hóa của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc – Nam.

Chọn C.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nguồn lao động nước ta.

Cách giải:

Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn. Việc phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp (công nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp) tại nông thôn tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới. Điều này giúp người lao động nông thôn có thể tận dụng thời gian nhàn rỗi giữa các vụ mùa, tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm gió mùa mùa hạ.

Cách giải:

Mang đến thời tiết nóng, khô và mưa rất ít trên phạm vi cả nước là đặc điểm không đúng với gió mùa hạ ở nước ta. Gió mùa hạ, cụ thể là gió mùa Tây Nam thổi vào nửa sau mùa hạ là một trong những nguyên nhân chính gây mưa lớn trên phạm vi cả nước.

Chọn C.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Xác định GDP/người của Thái Lan, Ma-lai-xi-a năm 2015 và năm 2021; nhận xét sự thay đổi.

Lưu ý: tăng nhanh/chậm dùng phép chia; tăng nhiều/ít dùng phép trừ.

Cách giải:

A sai vì Thái Lan tăng $7066 - 5709 = 1356$ đô la Mỹ; Ma-lai-xi-a tăng $11109 - 9700 = 1409$ đô la Mỹ $\Rightarrow$ Thái Lan tăng ít hơn Ma-lai-xi-a.

B sai vì Ma-lai-xi-a và Thái Lan đều tăng.

C sai vì Ma-lai-xi-a tăng 1409 đô la Mỹ, Thái Lan tăng 1356 đô la Mỹ $\Rightarrow$ Ma-lai-xi-a tăng gấp 1,04 lần Thái Lan.

D đúng vì Thái Lan tăng $7066 : 5709 = 1,24$ lần; Ma-lai-xi-a tăng $11109 : 9700 = 1,15$ lần $\Rightarrow$ Thái Lan tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.

Chọn D.**Câu 6 (NB):****Phương pháp:**

Dựa vào sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành.

Cách giải:

Trong nội bộ ngành công nghiệp nước ta **không** có sự chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng. Sự chuyển dịch trong nội bộ ngành công nghiệp phải là giảm tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng.

Chọn C.**Câu 7 (NB):****Phương pháp:**

Dựa vào xu hướng phát triển ngành nông nghiệp nước ta.

Cách giải:

Xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của nước ta hiện nay là phát triển nông nghiệp xanh gắn với du lịch nông nghiệp, tăng các sản phẩm của ngành chăn nuôi không qua giết thịt, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt trong cơ cấu sản xuất, giảm tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp hàng năm.

Chọn B.**Câu 8 (TH):****Phương pháp:**

Gạch chân từ khóa: ngành kinh tế.

Dựa vào đặc điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, từ đó lựa chọn nguyên nhân.

Cách giải:

Trong mỗi nhóm ngành đang chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế và hàm lượng khoa học – công nghệ cao, giảm tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế thấp, sử dụng nhiều tài nguyên và lao động.

$\Rightarrow$ Cơ cấu ngành kinh tế nước ta chuyển dịch chủ yếu do tác động của công cuộc đổi mới, các chính sách phát triển và khoa học - công nghệ.

A, C, D sai vì đó là các nguyên nhân làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần.

Chọn B.**Câu 9 (TH):****Phương pháp:**

Dựa vào ngành sản xuất lương thực của nước ta.

Cách giải:

Vấn đề sản xuất lương thực được Nhà nước ta quan tâm thường xuyên chủ yếu do đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân cư và xuất khẩu. Dân số Việt Nam tiếp tục tăng, kéo theo nhu cầu lương thực tăng theo. Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, do đó, việc đảm bảo sản xuất lương thực ổn định là rất quan trọng để duy trì vị thế này. Hơn nữa, sự phát triển của nền kinh tế, làm tăng nhu cầu lương thực chất lượng cao.

A sai vì đây là những thách thức, nhưng không phải là lý do chính khiến Nhà nước quan tâm thường xuyên đến sản xuất lương thực.

B sai vì điều kiện tự nhiên của Việt Nam nhìn chung thuận lợi cho sản xuất lương thực, đặc biệt là lúa gạo. Nhu cầu lương thực lớn là một yếu tố, nhưng không đủ để giải thích sự quan tâm thường xuyên của Nhà nước.

D sai vì nhu cầu xuất khẩu tăng là một yếu tố, nhưng không phải là yếu tố quyết định. Lực lượng lao động trẻ không liên quan trực tiếp đến vấn đề sản xuất lương thực.

Chọn C.**Câu 10 (VD):****Phương pháp:**

Dựa vào sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Bắc – Nam kết hợp với các nguyên nhân làm khí hậu lãnh thổ phía Bắc có thể trồng được các loài cây cận nhiệt và ôn đới.

Cách giải:

Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do tác động của vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc, địa hình.

+ Vị trí địa lí: phần lãnh thổ phía Bắc nằm ở vĩ độ cao hơn, gần chí tuyến Bắc hơn so với phần lãnh thổ phía Nam. Điều này tạo điều kiện cho sự xuất hiện của các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.

+ Gió mùa Đông Bắc: gió mùa Đông Bắc mang đến mùa đông lạnh cho miền Bắc, tạo ra sự phân hóa khí hậu rõ rệt. Điều này tạo điều kiện cho các loài sinh vật ưa lạnh phát triển.

+ Địa hình: địa hình miền Bắc có độ cao lớn hơn, có đủ các đai cao từ nhiệt đới đến ôn đới. Điều này tạo ra sự đa dạng về môi trường sống, từ đó tạo nên sự đa dạng về sinh vật.

Chọn D.**Câu 11 (TH):****Phương pháp:**

Dựa vào sự phân bố dân cư.

Cách giải:

Mật độ dân số nước ta cao hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới. Năm 2021, mật độ dân số của nước ta là 297 người/km².

A, B, D sai vì mật độ dân số nước ta có sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng, phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện kinh tế - xã hội, có xu hướng tăng.

Chọn C.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: nền kinh tế.

Dựa vào ảnh hưởng của đô thị hóa đến nền kinh tế nước ta.

Cách giải:

Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hoá tới nền kinh tế nước ta là thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

A sai vì đó không phải là tác động chủ yếu.

B, D sai vì đó là các tác động của đô thị hóa đến xã hội.

Chọn C.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành nông nghiệp vùng đồng bằng.

Cách giải:

Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. Thâm canh giúp tăng năng suất trên một đơn vị diện tích bằng cách áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, sử dụng giống cây trồng chất lượng cao, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý. Tăng vụ giúp tăng số vụ gieo trồng trên một đơn vị diện tích trong một năm, tối đa hóa việc sử dụng đất.

Chọn D.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp điện lực của nước ta.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu để khắc phục sự mất cân đối về nguồn điện giữa các vùng nước ta là hình thành và phát triển mạng lưới điện quốc gia. Việc kết nối các nguồn điện khác nhau (thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo) vào mạng lưới điện quốc gia giúp tăng cường tính ổn định và linh hoạt của hệ thống điện.

- A sai vì việc xây dựng thêm nhà máy điện là cần thiết, nhưng không giải quyết được vấn đề mất cân đối nếu không có mạng lưới truyền tải hiệu quả.

- B vì đổi mới công nghệ giúp tăng hiệu suất và giảm phát thải, nhưng không giải quyết được vấn đề phân phối điện.

- D sai vì năng lượng tái tạo là xu hướng quan trọng, nhưng việc phát triển cần đi đôi với việc xây dựng mạng lưới truyền tải phù hợp.

Chọn C.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: xã hội.

Dựa vào ý nghĩa của các vùng chuyên canh đến xã hội nước ta.

Cách giải:

Ý nghĩa về mặt xã hội của việc hình thành các vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta là tạo điều kiện chuyên môn hoá lao động cho các vùng nông thôn.

B, C, D sai vì đó là các ý nghĩa về mặt kinh tế.

Chọn A.

Câu 16 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào tài nguyên đất của nước ta.

Cách giải:

Biểu hiện của suy giảm tài nguyên đất ở nước ta là hoang mạc hóa, mặn hóa, độ phì nhiêu suy giảm, xói mòn đất.

B, C, D sai vì đó là những nguyên nhân làm suy giảm tài nguyên đất ở nước ta.

Chọn A.

Câu 17 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam thể hiện trực tiếp và rõ nét nhất qua thành phần tự nhiên: khí hậu (qua các yếu tố: nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió mùa).

Chọn A.

Câu 18 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào những nguyên nhân tác động trực tiếp tới sự hình thành và phát triển các loài thực vật.

Cách giải:

Sự khác nhau về loài thực vật ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ, chủ yếu do vị trí địa lý (vị trí gần chí tuyến Bắc), khí hậu (miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông lạnh nên có các loài thực vật cận nhiệt), sự di cư của các loài sinh vật (các loài thực vật có thể thích nghi với môi trường sống khác nhau và phân bố theo các điều kiện sinh thái từng vùng).

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	SĐĐS	ĐĐĐS	SSSĐ

Câu 1 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin, sự phân hóa thiên nhiên, hoạt động của gió mùa ở nước ta.

Cách giải:

- a)** Đúng. Gió mùa Đông Bắc mang đến mùa đông lạnh cho miền Bắc, kết hợp với địa hình tạo ra sự phân hóa khí hậu rõ rệt theo vĩ độ.
- b)** Sai. Tín phong bán cầu Bắc ảnh hưởng đến miền Nam nhiều hơn. Ở miền Bắc, vào mùa đông chịu ảnh hưởng bởi cả gió Tín phong và gió mùa Đông Bắc tạo ra sự biến động về thời tiết.
- c)** Đúng. Do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như địa hình, gió mùa, vị trí địa lý, khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng theo không gian (Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao) và theo thời gian (mùa).
- d)** Sai. Sự tranh chấp giữa gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc không phải là nguyên nhân chủ yếu tạo ra sự phân hóa theo mùa của khí hậu trên phạm vi cả nước.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và vấn đề việc làm ở nước ta.

Cách giải:

- a)** Sai vì để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay, giải pháp chủ yếu là

- Phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ hiện đại.
- Nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi.

- b)** Đúng.

c) Đúng. Mức tập trung dân cư cao và sự phát triển của các ngành công nghiệp, dịch vụ tạo ra nhiều cơ hội việc làm, nhưng cũng đồng thời tạo ra sự cạnh tranh lớn hơn, dẫn đến tỉ lệ thất nghiệp cao hơn. **d)** Sai. Trình độ học vấn là một yếu tố ảnh hưởng, nhưng sự khác biệt về tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm còn do nhiều yếu tố khác như:

- Cơ cấu kinh tế của từng vùng.
- Mức độ phát triển của các ngành nghề.
- Sự phân bố dân cư.
- Sự khác biệt về cơ sở hạ tầng.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm ngành trồng trọt ở nước ta, nguyên nhân tạo ra sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng.

Cách giải:

a) Đúng. Việc đẩy mạnh sản xuất hàng hóa và tìm kiếm thị trường (gồm cung và cầu) là những yếu tố quan trọng giúp Việt Nam trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về một số nông sản.

b) Đúng. Việc sử dụng giống lúa mới và áp dụng tiến bộ khoa học trong canh tác là những yếu tố quan trọng giúp tăng sản lượng lúa.

c) Đúng. Thông tin đã cho biết "Trồng trọt chiếm 60,8% giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước (năm 2020)". Điều đó chứng tỏ trồng trọt là ngành chính trong sản xuất nông nghiệp nước ta.

d) Sai vì cơ cấu ngành trồng trọt khá đa dạng do khí hậu và đất trồng đa dạng.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a, b, c) Dựa vào tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của nước ta qua các năm.

d) Dựa vào khái niệm thất nghiệp, từ đó đưa ra nguyên nhân chính xác.

Cách giải:

a) Sai vì tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn giai đoạn 2015 – 2021 tăng.

b) Sai vì tỉ lệ thất nghiệp có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

c) Sai vì giai đoạn 2015 – 2021, tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn đều tăng.

d) Đúng vì thất nghiệp là tình trạng người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động và có nhu cầu tìm việc làm nhưng không thể tìm được việc làm => Tỉ lệ thất nghiệp chịu tác động của sự phát triển kinh tế và đặc điểm nguồn lao động.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	30,6	2486	12,1	8	371	99

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm sau/Giá trị năm trước)*100

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng khách trong nước: $(124641,15/102200)*100 = 122\%$

Tốc độ tăng trưởng khách quốc tế: $(10791,18/11811)*100 = 91,4\%$

Tốc độ tăng trưởng khách trong nước hơn khách quốc tế: $122 - 91,4 = 30,6\%$

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Sản lượng điện bình quân đầu người = Sản lượng điện/Số dân

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 244,9 tỉ kWh = 244 900 triệu kWh

Sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là:

$244\,900/98,5 = 2486$ kWh/ người

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Tính tỉ lệ diện tích cây hàng năm 2010, 2021 trong tổng diện tích cây công nghiệp dựa vào công thức: Tỉ trọng = (Diện tích thành phần/Tổng)*100

Cách giải:

Tỉ lệ diện tích cây hàng năm 2021 = $(425,9/2626,1) * 100 = 16,2179658$

Tỉ lệ diện tích cây hàng năm 2010 = $(797,6/2813,1) * 100 = 28,3530625$

So với 2010, tỉ lệ năm 2021 giảm: $28,35 - 16,2 = 12,15 = 12,1\%$

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức: Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Cách giải:

So với năm 2010, năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm:

$$(43,9/7,2) - (40,0/7,5) = 8 \text{ tạ/ha}$$

Câu 5 (VD):**Phương pháp:**

- Tính toán dựa vào công thức cán cân xuất nhập khẩu (cán cân thương mại). Cán cân xuất nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu - Giá trị nhập khẩu

$$\Rightarrow \text{Giá trị nhập khẩu} = \text{Giá trị xuất khẩu} - \text{Cán cân xuất nhập khẩu}$$

- Tổng giá trị xuất nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu + Giá trị nhập khẩu.

Cách giải:

Gọi giá trị xuất khẩu của nước ta là a

$$\Rightarrow 730,2 = a + (a - 12,4) \Rightarrow a = 371$$

Giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2022 là: 371 tỉ USD.

Câu 6 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ lệ dân thành thị} = (\text{Số dân thành thị} / \text{Tổng số dân}) * 100$$

$$\Rightarrow \text{Tổng số dân} = (\text{Số dân thành thị} / \text{Tỉ lệ dân thành thị}) * 100$$

Cách giải:

Dân số nước ta năm 2022 là: $(37,09/37,3) * 100 = 99,4 \approx 99$ triệu người.

ĐỀ 3

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.C	3.A	4.C	5.B	6.D	7.A	8.D	9.D	10.A
11.C	12.B	13.A	14.A	15.B	16.D	17.C	18.D		

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào tỉ lệ dân thành thị của nước ta hoặc đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Vùng có tỉ lệ dân thành thị lớn nhất nước ta hiện nay là Đông Nam Bộ. Năm 2021, Đông Nam Bộ có tỉ lệ dân thành thị cao nhất cả nước với 66,4%.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm tài nguyên đất ở nước ta.

Cách giải:

Biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta là nhiễm phèn.

A, B, D sai vì đó đều là các biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở vùng núi nước ta.

Chọn C.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là đất phù sa.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

Chọn C.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các điều kiện giúp thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng phát triển chủ yếu do chính sách, chất lượng cuộc sống tăng, tài nguyên đa dạng.

A, C, D sai vì có nhiều di tích, vị trí thuận lợi, tài nguyên đa dạng là các điều kiện tiền đề để phát triển du lịch; không phải là nguyên nhân giúp vùng ngày càng phát triển du lịch.

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Cây công nghiệp lâu năm ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới vì đây là vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Trong đó, đây là vùng trồng chè lớn nhất cả nước (chè là loại cây công nghiệp cận nhiệt).

Chọn D.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta.

Cách giải:

Cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới ở nước ta là cà phê, điều.

B, C, D sai vì hồi, quế là cây dược liệu; chè là cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt.

Chọn A.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Xác định tỉ trọng từng trang trại trong giai đoạn 2011 – 2023 và chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

A sai vì Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại trồng trọt giảm liên tục.

B sai vì Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại chăn nuôi có sự biến động: tăng mạnh trong giai đoạn 2011 – 2020, giai đoạn 2020 - 2023 tỉ trọng trang trại chăn nuôi giảm nhẹ.

C sai vì tỉ trọng trang trại chăn nuôi tăng từ 31,2% (năm 2010 lên 56,3% (năm 2023).

D đúng, tỉ trọng trang trại trồng trọt luôn lớn hơn trang trại nuôi trồng thủy sản.

Chọn D.

Câu 9 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm tự nhiên của vùng đồi núi Bắc Trung Bộ trong phần thể mạnh các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; rút ra giải pháp chủ yếu để khai thác thể mạnh về trồng trọt ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu để khai thác thể mạnh về trồng trọt ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ là chuyên canh các cây lâu năm, gắn với chế biến. Vùng đồi núi của Bắc trung Bộ có diện tích tương đối rộng, có đất fe-ra-lit thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, hồ tiêu,... Việc chuyên canh giúp tập trung nguồn lực, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Gắn với chế biến giúp tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm, tạo ra nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Chọn D.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm sinh thái cây chè kết hợp với đặc điểm tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào khí hậu cận nhiệt và đất thích hợp. Sự phát triển cây trồng phụ thuộc chủ yếu vào khí hậu và đất đai. Trong đó, chè là cây công nghiệp cận nhiệt và thích hợp trồng trên đất feralit.

B sai vì chè ưa khí hậu cận nhiệt.

C sai vì địa hình phân bậc, nhiều loại đất không phải là điều kiện thuận lợi để trồng chè.

D sai vì giống cây tốt không phải là điều kiện để vùng chuyên môn hoá sản xuất chè.

Chọn A.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các điều kiện làm cho miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có mùa đông lạnh như miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Cách giải:

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tính chất nhiệt đới tăng dần so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động của vĩ độ địa lí, hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc giảm sút.

- Vĩ độ địa lí: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nằm ở vĩ độ thấp hơn so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, điều này khiến cho lượng bức xạ mặt trời nhận được nhiều hơn, nhiệt độ trung bình cao hơn.

- Hướng của các dãy núi: các dãy núi ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng tây bắc - đông nam vuông góc với hướng gió mùa Đông Bắc. Điều này làm giảm bớt ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, khiến cho mùa đông ở đây không lạnh bằng miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

- Gió mùa Đông Bắc giảm sút: do vị trí địa lý và hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ bị suy yếu, không còn mang nhiều không khí lạnh. Điều này cũng góp phần làm tăng tính chất nhiệt đới của vùng.

* A sai vì Tín phong bán cầu Bắc không phải là yếu tố chủ đạo gây ra sự khác biệt về tính chất nhiệt đới.

* B sai vì gió đông bắc không tăng cường ở khu vực này, mà bị suy yếu.

* D vì dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới tồn tại lâu là các yếu tố ảnh hưởng đến lượng mưa, không ảnh hưởng đến chế độ nhiệt của các vùng.

Chọn C.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành vận tải đường biển và liên hệ thực tế.

Cách giải:

Loại hình giao thông ở nước ta ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics là đường biển.

Chọn B.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp điện lực.

Cách giải:

Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là mặt trời.

Than nâu, than đá, dầu mỏ đều là những nguồn tài nguyên không thể tái tạo được.

Chọn A.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, phần sông ngòi.

Cách giải:

Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô. Sông ngòi nước ta có 2 mùa: mùa lũ và mùa cạn. Mùa lũ tương ứng với mùa mưa của khí hậu, mùa cạn tương ứng với mùa khô.

Chọn A.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta, phần ngành ngoại thương.

Cách giải:

Ngoại thương nước ta hiện nay chủ yếu nhập khẩu máy móc và thiết bị hiện đại.

A sai vì tỷ trọng nhóm hàng sơ chế, nguyên liệu thô giảm.

C sai vì nước ta còn xuất khẩu nhiều mặt hàng khác như đồ gỗ, hàng điện tử.

D sai vì thị trường xuất, nhập khẩu ngày càng đa dạng do nước ta tham gia vào nhiều tổ chức kinh tế, thương mại thế giới.

Chọn B.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa lãnh thổ du lịch hoặc bản đồ du lịch Việt Nam.

Cách giải:

Trung tâm du lịch cấp quốc gia ở nước ta là Huế.

Quảng Ninh không phải là trung tâm du lịch.

Hải Phòng và Nha Trang là trung tâm du lịch vùng.

Chọn D.

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vị trí địa lí, bản đồ hành chính Việt Nam.

Cách giải:

Tỉnh Kon Tum tiếp giáp với hai quốc gia trên đất liền là Lào và Cam-pu-chia.

Chọn C.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa nước ta.

Cách giải:

Đô thị nước ta hiện nay đóng góp lớn vào tổng GDP.

A, B, C sai vì đô thị nước ta còn có lao động dịch vụ; có sức hút lớn đối với các nhà đầu tư do ở đây có cơ sở hạ tầng hiện đại, lao động có chuyên môn, chất lượng cao; các đô thị ở nước ta chưa có trình độ phát triển hiện đại.

Chọn D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	SSĐĐ	SSĐĐ	SSĐĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào bảng số liệu, để biết chậm hay nhanh hơn => dùng phép chia.

b) Dựa vào bảng số liệu.

c) Dựa vào công thức tính GDP bình quân đầu người để biết GDP bình quân đầu người phụ thuộc vào những yếu tố nào.

d) Dựa vào kĩ năng nhận dạng biểu đồ địa lí. Gạch chân từ khóa: GDP bình quân đầu người, năm 2019 và 2022 và lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất.

Cách giải:

a) Đúng vì GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng: $12,0/11,1 = 1,08$ lần; In-đô-nê-xi-a tăng: $37,1/30,7 = 1,21$ lần

=> Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

b) Sai vì Giai đoạn 2019 - 2020, GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a đều giảm.

c) Đúng vì GDP bình quân đầu người = Tổng GDP/Số dân => GDP bình quân đầu người phụ thuộc vào quy mô nền kinh tế và tổng số dân.

d) Sai vì biểu đồ cột là biểu đồ thích hợp nhất để so sánh GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a năm 2019 và 2022 (biểu đồ tròn chỉ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu/quy mô và cơ cấu của các đối tượng từ 1 đến 3 năm).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm ngành trồng cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

- a)** Sai vì cà phê là loại cây công nghiệp nhiệt đới nên không thích hợp trồng ở vùng núi cao (vùng núi cao có khí hậu lạnh => thích hợp trồng chè)
- b)** Sai vì quảng canh là mở rộng diện tích canh tác, không phải là giải pháp tối ưu cho phát triển cây công nghiệp hàng hóa => Giải pháp để phát triển cây công nghiệp theo hướng hàng hóa là đẩy mạnh thâm canh, sử dụng tiến bộ kỹ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.
- c)** Đúng, việc trồng chè tập trung giúp tăng năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu.
- d)** Đúng, đoạn thông tin có đề cập: "Tiêu biểu là cây chè, chiếm hơn 3/4 diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng".

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm ngành viễn thông nước ta hiện nay.

Cách giải:

- a)** Sai vì đoạn thông tin cho biết "Số thuê bao điện thoại khá ổn định".
- b)** Sai vì đoạn thông tin cho biết "Nước ta là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh trên thế giới", không phải là nhanh nhất.
- c)** Đúng vì vốn đầu tư, nhu cầu tăng cao và ứng dụng khoa học - công nghệ là những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành viễn thông.
- d)** Đúng, đoạn thông tin cho biết "Các dịch vụ viễn thông nước ta đang phát triển theo hướng chuyển đổi số".

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta.

Cách giải:

- a)** Sai vì đoạn thông tin đề cập đến sự phân hóa theo độ cao, không phải theo chiều đông - tây.
- b)** Sai vì theo đoạn thông tin, khí hậu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có mùa hè mát và mưa nhiều, độ ẩm cao.
- c)** Đúng. Vị trí xa xích đạo và ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ ở miền Bắc thấp hơn, do đó đai cận nhiệt đới xuất hiện ở độ cao thấp hơn.
- d)** Đúng. đai cận nhiệt đới nằm ở độ cao cao hơn, nhiệt độ thấp hơn so với đai nhiệt đới.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	14,8	4,5	103	4,5	219	0,17

Câu 1 (TH):**Phương pháp:**

Lấy lượng mưa của tháng mưa nhiều nhất chia lượng mưa của tháng mưa ít nhất.

Cách giải:

Năm 2023, so với lượng mưa tháng mưa ít nhất, tháng mưa nhiều nhất của Hà Nội tại trạm Hà Đông gấp: $318,6/21,5 = 14,8$ lần

Đáp án: 14,8

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

So với năm 2010, năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2023 tăng lên: $(19\ 976,0/2\ 992,3) - (19\ 216,6/3\ 085,9) = 0,45$ tấn/ha = 4,5 tạ/ha

Đáp án: 4,5

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức:

$$D_b = D_a (1 + T_g \%)^{b-a}$$

Trong đó: D_b là dân số năm cần tính

D_a là dân số năm đã biết

T_g là tỉ lệ gia tăng dân số

Cách giải:

Năm 2021, số dân của nước ta là 98,5 triệu người.

=> Số dân vào năm 2025 là: $98,5 \times (1 + 0,0094)^{2026 - 2021} = 103$ triệu người.

Đáp án: 103

Câu 4 (TH):**Phương pháp:**

Lấy biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội trừ $8,8^{\circ}\text{C}$

Cách giải:

Biên độ nhiệt năm của TP. Hồ Chí Minh năm 2023 là: $13,3^{\circ}\text{C} - 8,8^{\circ}\text{C} = 4,5^{\circ}\text{C}$

Đáp án: 4,5

Câu 5 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức:

Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần * Tổng giá trị)/100

Cách giải:

Giá trị xuất nhập khẩu của Đồng bằng Sông Hồng năm 2023 là: $(32 \times 683)/100 = 219$ tỉ USD

Đáp án: 219

Câu 6 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên = (Tỉ suất sinh – Tỉ suất tử)/10

Cách giải:

So với năm 2020, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2023 giảm:

$$[(16,3 - 6,1)/10] - [(14,2 - 5,7)/10] = 0,17\%$$

Đáp án: 0,17

ĐỀ 4

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.D	2.A	3.C	4.C	5.D	6.D	7.B	8.A	9.C	10.D
11.B	12.B	13.A	14.D	15.A	16.D	17.D	18.C		

Câu 1: Tỉnh nào sau đây giáp cả Lào và Trung Quốc?

- A.** Sơn La. **B.** Lai Châu. **C.** Lào Cai. **D.** Điện Biên.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vị trí địa lí nước ta hoặc dựa vào bản đồ hành chính Việt Nam/bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Điện Biên là tỉnh giáp cả Lào và Trung Quốc.

Chọn D.

Câu 2: Đất trồng ở đồng bằng nước ta bị bạc màu do

- A.** khai thác quá mức. **B.** bón phân hữu cơ. **C.** sản xuất luân canh. **D.** trồng trọt xen canh.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên đất).

Cách giải:

Đất trồng ở đồng bằng nước ta bị bạc màu do khai thác quá mức.

B, C, D sai vì đó không phải là các nguyên nhân gây suy giảm tài nguyên đất ở nước ta.

Chọn A.

Câu 3: Đô thị nước ta có

- A.** số lượng tăng nhanh ở vùng biển. **B.** sự phân bố đều khắp ở các vùng.
C. tỉ lệ dân cư nhỏ hơn ở nông thôn. **D.** các thành phố rất lớn và cực lớn.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Đô thị nước ta có tỉ lệ dân cư nhỏ hơn ở nông thôn. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của nước ta là

37,1%; tỉ lệ dân nông thôn và 62,9%.

A, B, D sai vì đô thị ở nước ta phân bố không đều, số lượng đô thị tăng, chủ yếu là các đô thị vừa và nhỏ, số ít là các đô thị lớn (không có đô thị rất lớn và cực lớn).

Chọn C.

Câu 4: Tỉ lệ lao động ở đô thị nước ta hiện nay còn thấp chủ yếu do

- A.** lao động nông thôn đông, qua đào tạo ít. **B.** dân số ở các đô thị còn ít hơn nông thôn.
C. cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chậm. **D.** trình độ đô thị hoá còn thấp, sức hút yếu.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm lao động ở nước ta.

Cách giải:

Cơ cấu phân theo ngành kinh tế (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp; dịch vụ) còn chuyển dịch chậm. Trong đó, các đô thị lại phát triển chủ yếu ngành công nghiệp và dịch vụ nên đô thị phát triển chưa đủ nhanh để tạo nhiều việc làm cho người lao động => tỉ lệ lao động ở đô thị nước ta hiện nay còn thấp.

A, B sai vì đây là đặc điểm đô thị, không phải là nguyên nhân.

D sai vì đô thị ở nước ta có sức hút lớn, tuy nhiên do cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chậm nên tỉ lệ lao động ở đô thị nước ta hiện nay còn thấp.

Chọn C.

Câu 5: Cây công nghiệp nhiệt đới ở nước ta là

- A.** lúa. **B.** sầu riêng. **C.** chè. **D.** cà phê.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta (phần ngành nông nghiệp).

Cách giải:

Cây công nghiệp nhiệt đới ở nước ta là cà phê.

A sai vì lúa là cây lương thực.

B sai vì sầu riêng là cây ăn quả.

C sai vì chè là cây công nghiệp cận nhiệt.

Chọn D.

Câu 6: Khó khăn chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở miền núi nước ta là

- A.** tài nguyên nhỏ bé. **B.** có nhiều thiên tai.

C. thiếu nhiều lao động.

D. giao thông trở ngại.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp ở nước ta kết hợp với những hạn chế ở miền núi.

Cách giải:

Khó khăn chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở miền núi nước ta là giao thông trở ngại. Địa hình miền núi nước ta hiểm trở, chia cắt mạnh, gây khó khăn cho việc xây dựng và phát triển hệ thống giao thông. Việc vận chuyển nguyên liệu, máy móc và sản phẩm công nghiệp trở nên khó khăn và tốn kém. Điều này làm giảm tính cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp và hạn chế sự phát triển của ngành công nghiệp ở miền núi.

A sai vì miền núi nước ta là nơi có nhiều tài nguyên khoáng sản.

B sai vì nhiều thiên tai là hạn chế chủ yếu đối với ngành nông nghiệp.

C sai vì miền núi là nơi có nhiều lao động tại chỗ.

Chọn D.

Câu 7: Ngành bưu chính nước ta hiện nay

A. chỉ tập trung cho hoạt động công ích.

B. có mạng lưới rộng khắp ở các vùng.

C. đã tự động tắt cả các khâu hoạt động.

D. có phần lớn là lao động trình độ cao.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành bưu chính viễn thông nước ta hiện nay.

Cách giải:9

Ngành bưu chính nước ta hiện nay có mạng lưới rộng khắp ở các vùng. Ngành bưu chính nước ta đã xây dựng được mạng lưới rộng khắp, từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đảm bảo phục vụ nhu cầu liên lạc và vận chuyển hàng hóa của người dân trên cả nước.

Chọn B.

Câu 8: Hoạt động du lịch biển - đảo của nước ta hiện nay

A. khách du lịch tăng nhanh.

B. chỉ diễn ra trong mùa hè.

C. phân bố đều khắp cả nước.

D. tập trung chủ yếu ở miền Bắc.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành du lịch nước ta hiện nay.

Cách giải:

Hoạt động du lịch biển - đảo của nước ta hiện nay có lượng khách du lịch tăng nhanh. Khách du lịch

nước ta tăng từ 2,3 triệu khách (năm 2000) lên 10,0 triệu khách (năm 2022).

Chọn A.

Câu 9: Cây rau thực phẩm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

- A. là cây thế mạnh của vùng, diện tích ngày càng tăng.
- B. phát triển mạnh chỉ sau Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. có diện tích lớn, mở rộng nhiều ở vùng quanh đô thị.
- D. phát triển vùng chuyên canh rộng khắp tại các tỉnh.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Cây rau thực phẩm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích lớn, mở rộng nhiều ở vùng quanh đô thị.

- Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích đất đai rộng lớn, khí hậu mát mẻ, phù hợp cho việc trồng nhiều loại rau thực phẩm.
- Việc mở rộng diện tích trồng rau thực phẩm tập trung nhiều ở các vùng quanh đô thị để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người dân.

Chọn C.

Câu 10: Loại đất chiếm tỉ lệ diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. đất cát biển.
- B. đất xám trên phù sa cổ.
- C. đất feralit trên đá vôi.
- D. đất phù sa sông.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Loại đất chiếm tỉ lệ diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là đất phù sa sông.

Chọn D.

Câu 11: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Môi trường ô nhiễm, chất lượng nước kém.
- B. Thị trường không ổn định, bị cạnh tranh.
- C. Biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng lên.
- D. Nguồn vốn đầu tư nhỏ, kỹ thuật ít cải tiến.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Thị trường không ổn định, bị cạnh tranh là khó khăn chủ yếu đối với sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ.0

- Giá muối bấp bênh: Người dân sản xuất muối chủ yếu theo phương pháp truyền thống, sản lượng lớn nhưng giá bán thấp, dễ bị thương lái ép giá.
- Cạnh tranh với muối nhập khẩu: Việt Nam phải nhập khẩu muối công nghiệp với chất lượng cao hơn, làm ảnh hưởng đến đầu ra của muối trong nước.

Chọn B.

Câu 12: Địa điểm du lịch nào sau đây ở Thành phố Hồ Chí Minh?

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| A. Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài. | B. Khu rừng Sác Cần Giờ. |
| C. Biển Long Hải. | D. Núi Bà Đen. |

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch ở Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Khu rừng Sác Cần Giờ ở Thành phố Hồ Chí Minh.

A, D sai vì cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, núi Bà Đen ở Tây Ninh.

C sai vì biển Long Hải ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chọn B.

Câu 13: Nước ta trong năm có hai mùa mưa và khô chủ yếu do

- | | |
|--|--|
| A. nằm trong khu vực gió mùa châu Á. | B. vị trí địa lí tiếp giáp với Biển Đông. |
| C. hoạt động của các loại gió mùa hạ. | D. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. |

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

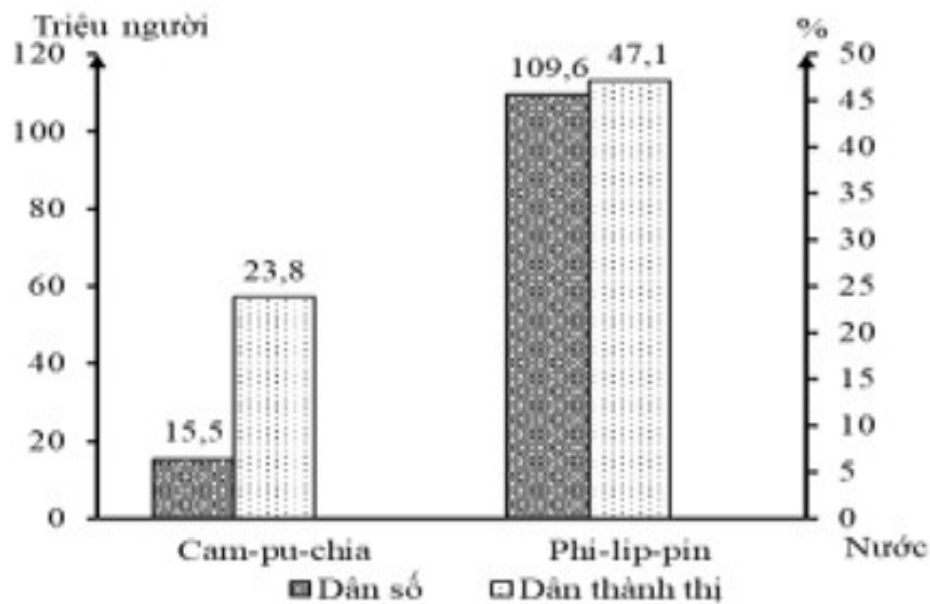
Nước ta trong năm có hai mùa mưa và khô chủ yếu do nằm trong khu vực gió mùa châu Á.

- Tháng 5 đến tháng 10: thời kì hoạt động của gió mùa mùa hạ => Mùa mưa.
- Tháng 11 đến tháng 4 năm sau: thời kì hoạt động của gió mùa mùa đông => Mùa khô.

Chọn A.

Câu 14: Cho biểu đồ:

INCLUDEPICTURE "https://video.vietjack.com/upload2/quiz_source1/2024/06/blobid0-1717919879.png" * MERGEFORMATINET



SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA CAM-PU-CHIA VÀ PHI-LIP-PIN NĂM 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Nhận xét nào đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ lệ dân thành thị năm 2020 của Cam-pu chia gấp đôi Phi-líp-pin.
- B. Năm 2020, số dân của Phi-líp-pin ít hơn Cam-pu chia.
- C. Tỉ lệ dân thành thị năm 2020 của Phi-líp-pin thấp hơn Cam-pu chia.
- D. Số dân của Cam-pu chia ít hơn Phi-líp-pin năm 2020.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Xác định số dân, tỉ lệ dân thành thị của Cam-pu chia và Phi-líp-pin năm 2020 và lựa chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

D đúng vì năm 2020,

- Cam-pu chia là, dân số của là 109,6 triệu người.

+ Số dân là: 15,5 triệu người

+ Tỉ lệ dân thành thị là: 23,8%

- Phi-líp-pin:

+ Số dân là: 109,6 triệu người.

+ Tỉ lệ dân thành thị là: 47,1%

=> Số dân của Cam-pu chia ít hơn Phi-líp-pin năm 2020 là nhận xét đúng.

Chọn D.1

Câu 15: Hoạt động thương mại ở nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu là do

- A. kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng sống nâng cao.
- B. đẩy mạnh liên kết nước ngoài, nhu cầu tiêu dùng tăng.
- C. thị trường được mở rộng, nhiều thành phần tham gia.
- D. hội nhập quốc tế sâu rộng, đất nước có nhiều đổi mới.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta và nguyên nhân giúp ngành này phát triển mạnh

Cách giải:

Hoạt động thương mại ở nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu là do kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng sống nâng cao, dẫn đến:

- Nhu cầu tiêu dùng tăng cao: Khi thu nhập bình quân đầu người tăng, người dân chi tiêu nhiều hơn vào hàng hóa và dịch vụ, thúc đẩy thương mại phát triển.
- Sự mở rộng của thị trường nội địa: Kinh tế phát triển giúp các doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh, phát triển hệ thống bán lẻ, thương mại điện tử. Bên cạnh đó, kinh tế phát triển giúp hoạt động sản xuất hàng hóa được đẩy mạnh, đáp ứng nhu cầu người dân.
- Cơ sở hạ tầng thương mại được đầu tư mạnh: Nhiều trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, sàn thương mại điện tử phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân.

Chọn A.

Câu 16: Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển lâm nghiệp là

- A. có mật độ sông ngòi khá cao.
- B. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.
- C. có một số nguồn nước khoáng.
- D. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển lâm nghiệp là rừng tự nhiên có diện tích lớn. Điều này tạo nên nguồn tài nguyên phong phú, là cơ sở vững chắc cho việc phát triển ngành lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và duy trì đa dạng sinh học.

Chọn D.

Câu 17: Sông ngòi ở Tây Nguyên có lưu lượng dòng chảy trong mùa cạn rất nhỏ do nguyên nhân

nào sau đây?

- A.** Địa hình bằng phẳng, sông chảy ra biển bằng nhiều chi lưu.
- B.** Phần lớn sông ngòi nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.
- C.** Phần lớn sông ngòi của khu vực đều ngắn, độ dốc lớn.
- D.** Ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa: mùa cạn.
- Cần hiểu: nguồn cung cấp nước cho sông ngòi nước ta là nước mưa.
- Dựa vào đặc điểm sông ngòi, khí hậu Tây Nguyên.

Cách giải:

Sông ngòi ở Tây Nguyên có lưu lượng dòng chảy trong mùa cạn rất nhỏ do ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.

- Mùa khô kéo dài, sâu sắc (từ tháng 11 đến tháng 4), lượng mưa gần như không đáng kể, khiến các sông suối không được bổ sung nước.
- Nhiệt độ cao, bốc hơi mạnh, làm giảm đáng kể lượng nước trong sông ngòi.**12**
- Sông ngòi chủ yếu là sông nhỏ, bắt nguồn từ vùng núi cao, nên khi mùa khô đến, nguồn nước nhanh chóng suy giảm.

Chọn D.

Câu 18: Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long là điều kiện thuận lợi chủ yếu để

- A.** phát triển nhiều ngành sản xuất, nhất là trồng trọt.
- B.** xây dựng các vùng quy hoạch sản xuất thực phẩm.
- C.** cung cấp nước cho nông nghiệp và nuôi thủy sản.
- D.** mở rộng chăn nuôi gia cầm, đặc biệt là đàn gà, vịt.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ những thuận lợi của sông ngòi đối với sản xuất nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Đồng bằng sông Cửu Long có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, tạo điều kiện thuận lợi chủ yếu cho:

- Cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa – cây trồng chủ lực của vùng.
- Phát triển nuôi trồng thủy sản, nhất là cá tra, cá basa, tôm nước lợ – ngành kinh tế quan trọng của khu vực.

- Bồi đắp phù sa, giúp đất đai màu mỡ, nâng cao năng suất cây trồng.

- Thuận lợi cho giao thông đường thủy, giúp vận chuyển hàng hóa, nông sản dễ dàng hơn.

=> Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long là điều kiện thuận lợi chủ yếu để cung cấp nước cho nông nghiệp và nuôi thủy sản.

Chọn C.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	ĐĐĐĐ	SĐĐĐ	SĐSĐ

Câu 1: Cho thông tin sau:

Địa hình đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng của các dãy núi theo hướng vòng cung, cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam. Đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. Địa hình caxto khá phổ biến, tiêu biểu ở Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn... Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo như vùng biển tỉnh Quảng Ninh.

a) Địa hình của miền có nhiều thuận lợi cho phát triển ngành du lịch.

b) Đây là đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở nước ta.

c) Địa hình thấp, hướng núi vòng cung là điều kiện khiến cho gió mùa Đông Bắc lấn sâu vào lãnh thổ nước ta.

d) Các cánh cung tạo bức chắn địa hình với gió mùa Đông Nam gây nên khô hạn kéo dài cho các vùng khuất gió.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào đoạn thông tin.

b) Dựa vào các từ khóa: đồi núi thấp chiếm ưu thế, dãy núi theo hướng vòng cung, Địa hình caxto khá phổ biến, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh để xác định là miền địa lý tự nhiên nào.

c, **d)** Dựa vào các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự hoạt động của gió mùa Đông Bắc, gió mùa Đông Nam trong vùng.

Cách giải:

a) Đúng. Địa hình đa dạng với đồi núi, đồng bằng, địa hình caxto và bờ biển đa dạng tạo ra nhiều cảnh quan đẹp, thu hút du khách.

b) Sai. Đây là đặc điểm của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

c) Đúng. Hướng vòng cung của các dãy núi tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào lãnh thổ.

d) Sai. Các cánh cung ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu ảnh hưởng đến gió mùa Đông Bắc, không phải gió mùa Đông Nam.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngành dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Ngành này không chỉ tạo ra nhiều việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Hơn nữa, các dịch vụ thân thiện với môi trường giúp tối ưu hóa tài nguyên, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

- a)** Sự phát triển ngành dịch vụ tác động tích cực đến việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- b)** Sự phát triển ngành dịch vụ góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn.
- c)** Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP cả nước.
- d)** Ngành dịch vụ góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và vai trò của ngành dịch vụ nước ta.

Cách giải:

- a)** Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “các dịch vụ thân thiện với môi trường giúp tối ưu hóa tài nguyên, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.”
- b)** Đúng. Ngành dịch vụ hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn phát triển.
- c)** Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “ngành dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội”. Hơn nữa, ngành dịch vụ chiếm 41,2% trong cơ cấu GDP cả nước (năm 2021) – cao nhất trong 3 ngành kinh tế.
- d)** Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Ngành này không chỉ tạo ra nhiều việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống”

Câu 3: Cho thông tin sau:

Tài nguyên du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) rất phong phú và độc đáo, thu hút khách du lịch cả trong và ngoài nước. Vùng này nổi bật với hệ thống sông ngòi chằng chịt, các chợ nổi, và phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Ngoài ra, ĐBSCL còn có nền văn hóa đa dạng với các lễ hội truyền thống, ẩm thực đặc sắc và di sản văn hóa dân gian phong phú. Những trải nghiệm này tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho du khách, giúp họ khám phá vẻ đẹp và bản sắc văn hóa của vùng đất này.

- a)** Giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn sản lượng thủy sản khai

thác.

b) Hệ thống kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo.

c) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010-2021.

d) Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long.

b, d) Dựa vào đoạn thông tin kết hợp với ngành du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Nhận dạng biểu đồ dựa vào các từ khóa: cơ cấu, giai đoạn 2010-2021.

Cách giải:

a) Sai vì giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác do vùng đẩy mạnh hoạt động nuôi trồng.

b) Đúng. Đoạn thông tin cho thấy hệ thống sông ngòi chằng chịt và phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp là những đặc điểm nổi bật của du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Đúng. Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu của đối tượng từ 4 năm trở lên.

d) Đúng.

Câu 4: Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM,
PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2021**

(Đơn vị: %)

Khu vực	2000	2010	2015	2021
Nông thôn	76,9	71,7	68,8	63,3
Thành thị	23,1	28,3	31,2	36,7

(Nguồn: Niên giám thống kê các năm 2001, 2011, 2016, 2022)

a) Để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm, phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 - 2021, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

b) Tỷ lệ lao động khu vực thành thị tăng và chiếm tỷ trọng nhỏ.

c) Giai đoạn 2000 – 2021, tỷ lệ khu vực thành thị tăng nhanh do quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

d) Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn tăng liên tục.

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

a) Dựa vào dấu hiệu nhận diện biểu đồ qua các từ khóa: cơ cấu, giai đoạn 2000 - 2021

b, d) Dựa vào bảng số liệu.

c) Dựa vào bảng số liệu và nguyên nhân làm tăng tỉ lệ lao động khu vực thành thị, giảm tỉ lệ lao động khu vực nông thôn.

Cách giải:4

a) Sai vì để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm, phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 – 2021, biểu đồ miền là thích hợp nhất (biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu từ 4 năm trở lên)

b) Đúng.

c) Đúng vì tỉ lệ dân thành thị tăng do quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

d) Sai vì tỉ lệ lao động khu vực nông thôn giảm liên tục từ 76,9% (năm 2000) còn 63,3% (năm 2021)

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	27,9	12,8	25,8	14,4	11,9	41,4

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Vũng Tàu, năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 1 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu là:

$$(25,5 + 25,6 + 27,6 + \dots + 26,7)/12 = 27,9^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 27,9

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại Hà Nội

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7
Hà Nội	16,6	29,4

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng - QCVN 02-2021/BXD)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt năm = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội là: $29,4 - 16,6 = 12,8^{\circ}\text{C}$

Đáp án: 12,8

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Tổng số dân và số dân thành thị của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2018	2019	2020	2021
Tổng số dân	95385,2	96484,0	97582,7	98506,2
Số dân thành thị	32636,9	33816,6	35867,2	36564,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ trọng dân thành thị của nước ta năm 2021 ít hơn tỉ lệ dân nông thôn bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ lệ dân thành thị của nước ta năm 2021 là: $(36564/98506,2)*100 = 37,1\%$

Tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là: $100 - 37,1 = 62,9\%$

Tỉ trọng dân thành thị của nước ta năm 2021 ít hơn tỉ lệ dân nông thôn: $62,9 - 37,1 = 25,8\%$

Đáp án: 25,8

Câu 4: Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA
NĂM 2010 VÀ 2021**

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 đã giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ trọng = $(\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$

Cách giải:

So với năm 2010, tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 đã giảm:

$[(636,5/3 045,6)*100] - [(846,7/13 026,8)*100] = 14,4\%$

Đáp án: 14,4

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng các vụ lúa ở nước ta, năm 2021

Vụ lúa	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
Đông xuân	3 006,84	20 628,76
Hè thu và thu đông	2 673,49	15 163,48
Mùa	1 585,8	8 055,8

Cho biết năng suất lúa vụ hè thu và thu đông năm 2021 của nước ta thấp hơn vụ đông xuân bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính năng suất lúa vụ hè thu và thu đông, đông xuân năm 2021 theo công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích.

Cách giải:

Năng suất lúa vụ hè thu và thu đông năm 2021 của nước ta thấp hơn vụ đông xuân:

$$(20\,628,76/3\,006,84) - (15\,163,48/2\,673,49) = 1,19 \text{ tấn/ha} = 11,9 \text{ tạ/ha}$$

Đáp án: 11,9

Câu 6: Tính đến năm 2021, tổng diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta là 3 835,4 ha. Khu công nghệ cao Hòa Lạc có diện tích là 1 586 ha. Cho biết Khu công nghệ cao Hòa Lạc chiếm bao nhiêu % diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng giá trị}) \cdot 100$$

Cách giải:

Khu công nghệ cao Hòa Lạc chiếm: $(1\,586/3\,835,4) \cdot 100 = 41,4\%$ diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta.

Đáp án: 41,4

----- HẾT -----

ĐỀ 5

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.C	2.A	3.D	4.A	5.C	6.C	7.D	8.D	9.C	10.C
11.D	12.B	13.D	14.A	15.A	16.B	17.A	18.A		

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lao động nước ta?

- A. Số lượng đông, tăng thêm.
- B. Cần cù, sáng tạo, chịu khó.
- C. Chủ yếu là có kỹ thuật cao.
- D. Chất lượng được nâng lên.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nguồn lao động nước ta.

Cách giải:

Chủ yếu là có kỹ thuật cao là phát biểu không đúng với lao động nước ta. Năm 2021, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo là 26,2%; chưa qua đào tạo là 73,8%.

Chọn C.

Câu 2: Việc chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay

- A. đã hình thành các khu chế xuất.
- B. làm tăng cao tỉ trọng công nghiệp.
- C. làm hạ thấp tỉ trọng nông nghiệp.
- D. đang diễn ra với tốc độ rất nhanh.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: lãnh thổ.

Dựa vào đặc điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta.

Cách giải:

Việc chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay đã hình thành các khu chế xuất.

B, C sai vì đó là việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

Chọn A.

Câu 3: Loại hình vận tải có số lượt vận chuyển hành khách lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. đường hàng không.
- B. đường biển.
- C. đường sắt.
- D. đường bộ.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải nước ta.

Cách giải:

Loại hình vận tải có số lượt vận chuyển hành khách lớn nhất ở nước ta hiện nay là đường bộ.

Chọn D.

Câu 4: Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. khí hậu có mùa đông lạnh, đất feralit.

B. có vùng đồi thấp rộng, đất phù sa cổ.

C. nhiều đồi núi và có các cao nguyên.

D. giống cây tốt, nguồn nước mặt nhiều.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: cận nhiệt.

Dựa vào thế mạnh phát triển kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là khí hậu có mùa đông lạnh, đất feralit. Khí hậu có mùa đông lạnh là yếu tố quan trọng nhất để phát triển các loại cây công nghiệp cận nhiệt đới, điển hình là chè.

Chọn A.

Câu 5: Đồng bằng sông Hồng có các cảng hàng không quốc tế nào sau đây?

A. Vinh, Phú Bài, Chu Lai.

B. Nội Bài, Phú Quốc, Cần Thơ.

C. Nội Bài, Vân Đồn, Cát Bi.

D. Liên Khương, Nha Trang, Chu Lai.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng (phần ngành dịch vụ).

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng có các cảng hàng không quốc tế Nội Bài (Hà Nội), Vân Đồn (Quảng Ninh), Cát Bi (Hải Phòng).

Chọn C.

Câu 6: Nửa sau mùa đông, miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

A. nóng khô.

B. lạnh khô.

C. lạnh ẩm.

D. nóng ẩm.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Nửa sau mùa đông, miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết lạnh ẩm do gió mùa Đông Bắc di chuyển lệch ra phía biển và mang hơi ẩm vào đất liền.

Chọn C.

Câu 7: Trung tâm du lịch nào sau đây ở nước ta có ý nghĩa quốc gia

A. Vinh.

B. Hải Phòng.

C. Nha Trang.

D. Đà Nẵng.

Câu 7 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào ngành du lịch nước ta (phần sự phân hóa lãnh thổ du lịch).

Cách giải:

Trung tâm du lịch Đà Nẵng có ý nghĩa quốc gia.

A, B, D sai vì đó là các điểm du lịch mang ý nghĩa vùng.

Chọn D.

Câu 8: Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi tự nhiên để phát triển

A. chăn nuôi các loại gia cầm và bò.

B. vùng chuyên canh lớn cây lúa gạo.

C. khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

D. cây dược liệu, rau quả cận nhiệt.

Câu 8 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào khai thác các thế mạnh và hướng phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi tự nhiên để phát triển cây dược liệu, rau quả cận nhiệt do vùng có khí hậu cận nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình.

Chọn D.

Câu 9: Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển sản xuất lâm nghiệp là

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá.

B. kéo dài, chiều ngang hẹp và có đủ đồi, núi; đồng bằng; biển đảo.

C. khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ, đất feralit khả màu mỡ.

D. dải đồng bằng ven biển hẹp ngang, kéo dài, chủ yếu là đất cát pha.

Câu 9 (TH):**Phương pháp:8**

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển sản xuất lâm nghiệp là khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ, đất feralit khả màu mỡ.

- Khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ: đây là khu vực có diện tích rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp lớn nhất của vùng.

- Đất feralit khá màu mỡ: đất feralit trên nền đá mẹ khác nhau ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ có tầng phong hóa dày, giữ ẩm tốt và chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của nhiều loại cây.

A sai vì đó là điều kiện thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng.

B sai vì đây là đặc điểm của Bắc Trung Bộ nhưng yếu tố quan trọng nhất cho phát triển lâm nghiệp là diện tích rừng và đất feralit tập trung ở vùng đồi núi phía tây.

C sai vì đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cây công nghiệp hàng năm.

Chọn C.

Câu 10: Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A.** khí hậu ổn định, ít ảnh hưởng của bão. **B.** nhiều vũng, vịnh; thủy sản phong phú.
C. vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn. **D.** bờ biển dài, biển nóng ẩm quanh năm.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn.

A, D sai vì đây không phải là các điều kiện thuận lợi chủ yếu cho đánh bắt thủy sản nói chung.

B sai vì nhiều vũng, vịnh là điều kiện thuận lợi cho ngành giao thông vận tải biển (xây dựng cảng nước sâu).

Chọn C.

Câu 11: Cây trồng nào sau đây thuộc cây công nghiệp hàng năm ở nước ta?

- A.** Cà phê. **B.** Cao su. **C.** Hồ tiêu. **D.** Dâu tằm.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành nông nghiệp nước ta (phần ngành trồng cây công nghiệp).

Cách giải:

Dâu tằm thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm.

Cà phê, cao su, hồ tiêu thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm.

Chọn D.

Câu 12: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A.** Cát bay. **B.** Lũ quét. **C.** Lụt úng. **D.** Ngập mặn.

Câu 12 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung Chuyên đề Địa lí 12, phần một số thiên tai, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Lũ quét là thiên tai thường xảy ra ở vùng núi nước ta.

A, D là các hiện tượng thường xảy ra ở vùng ven biển.

C sai vì lụt úng thường xảy ra ở vùng đồng bằng.

Chọn B.

Câu 13: Địa hình là nhân tố chủ yếu làm cho sông ngòi nước ta

- A.** chủ yếu là nhỏ, lắm ghềnh thác, có nhiều sông từ nước ngoài chảy vào.
- B.** giàu phù sa, chế độ nước theo mùa, phần lớn các sông với độ dốc lớn.
- C.** có các sông hướng vòng cung, lưu lượng nước lớn, hai mùa lũ và kiệt.
- D.** có hướng tây bắc - đông nam, nhiều thác ghềnh, có lưu vực khác nhau.

Câu 13 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Địa hình là nhân tố chủ yếu làm cho sông ngòi nước ta có hướng tây bắc - đông nam, nhiều thác ghềnh, có lưu vực khác nhau.

- Có hướng tây bắc - đông nam: Một trong hai hướng núi chính của Việt Nam là tây bắc - đông nam (ví dụ: dãy Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc). Do đó, phần lớn các sông lớn của nước ta cũng chảy theo hướng này.

- Nhiều thác ghềnh: Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, đặc biệt ở vùng thượng nguồn. Độ dốc lớn của địa hình khiến sông ngòi có nhiều đoạn dốc, tạo thành thác và ghềnh.

- Có lưu vực khác nhau: Sự phân hóa của địa hình thành các vùng núi, trung du, đồng bằng đã tạo ra nhiều hệ thống sông ngòi khác nhau với các lưu vực riêng biệt.

Chọn D.

Câu 14: Nguồn năng lượng tái tạo ở nước ta **không phải là**

- A.** dầu thô.
- B.** gió.
- C.** mặt trời.
- D.** sinh khối.

Câu 14 (NB):**Phương pháp:**

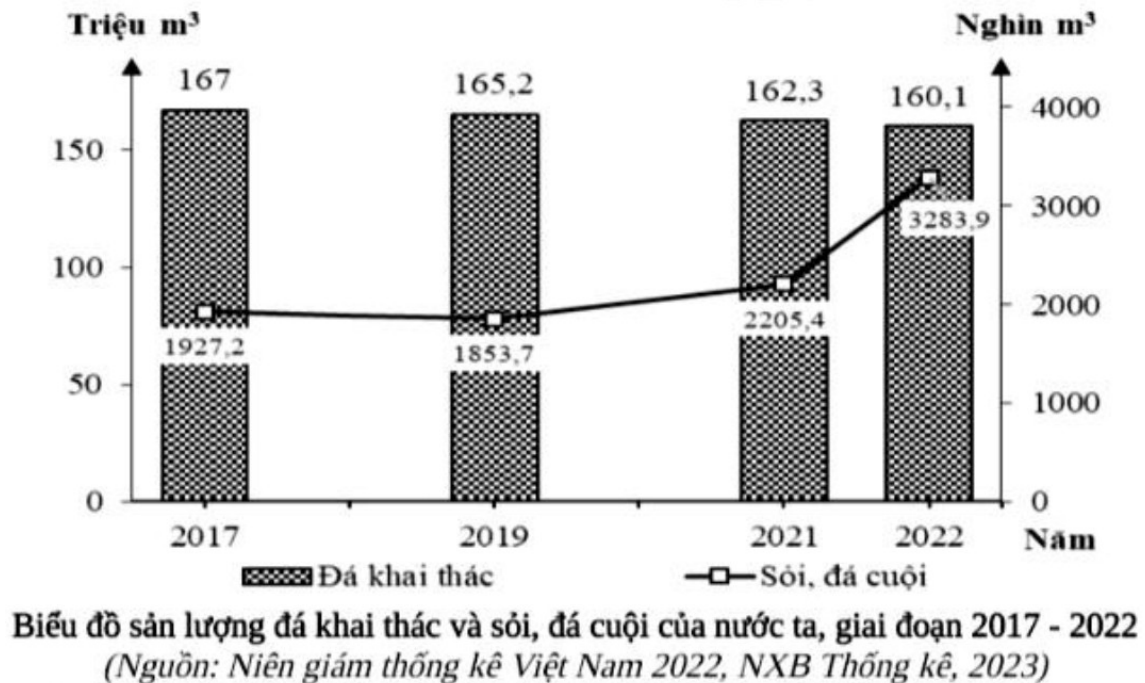
Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta.

Cách giải:

Nguồn năng lượng tái tạo ở nước ta **không phải** là dầu thô.

Chọn A.

Câu 15: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A.** Sản lượng sỏi, đá cuội tăng không liên tục. **B.** Sản lượng đá khai thác giảm 8,1 triệu m³.
C. Sản lượng sỏi, đá cuội tăng liên tục. **D.** Sản lượng đá khai thác tăng không liên tục.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sản lượng đá khai thác; sỏi, đá cuội giai đoạn 2017 – 2022 và lựa chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

Sản lượng sỏi, đá cuội tăng không liên tục là nhận xét đúng (giảm trong giai đoạn 2017 – 2019; tăng liên tục

trong giai đoạn 2019 – 2022).

B sai vì sản lượng đá khai thác giảm $167 - 160,1 = 6,9$ triệu m³.

C sai vì sản lượng sỏi, đá cuội giảm trong giai đoạn 2017 – 2019.

D sai vì sản lượng đá khai thác giảm liên tục.

Chọn A.

Câu 16: Phần đất liền của lãnh thổ nước ta **không** tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A.** Lào. **B.** Phi-lip-pin. **C.** Trung Quốc. **D.** Campuchia.

Câu 16 (NB):10**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Phần đất liền của lãnh thổ nước ta **không** tiếp giáp với Phi-lip-pin.

Chọn B.

Câu 17: Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn vùng khí hậu Tây Nguyên chủ yếu do

- A. địa hình cao, chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, gần ngoại chí tuyến.
- B. vùng biển rộng, xa xích đạo, chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc.
- C. gió đông bắc ảnh hưởng rất mạnh, đồng bằng rộng, có nhiều vùng trũng.
- D. ảnh hưởng của các dãy núi theo hướng Bắc - Nam, gió đông bắc mạnh.

Câu 17 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào các điều kiện tự nhiên làm cho vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn vùng khí hậu Tây Nguyên qua các yếu tố như vị trí địa lí, đặc điểm địa hình và ảnh hưởng của các loại gió.

Cách giải:

Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn vùng khí hậu Tây Nguyên chủ yếu do địa hình cao, chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, gần ngoại chí tuyến.

- Địa hình cao: Tây Bắc Bộ là vùng núi cao nhất cả nước với nhiều dãy núi đồ sộ và địa hình hiểm trở. Độ cao tăng lên làm nhiệt độ giảm theo quy luật đai cao (cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm khoảng 0,6°C). Tây Nguyên cũng có địa hình cao nguyên, nhưng có độ cao thấp hơn so với Tây Bắc Bộ.

- Chịu tác động của gió mùa Đông Bắc: Vào mùa đông, Tây Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc lạnh và khô từ lục địa châu Á tràn xuống. Gió mùa Đông Bắc mang theo không khí lạnh, làm nhiệt độ giảm sâu. Tây Nguyên không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên không có mùa đông lạnh.

- Gần ngoại chí tuyến: Vị trí gần ngoại chí tuyến khiến Tây Bắc Bộ nhận được lượng bức xạ mặt trời ít hơn so với các vùng nằm gần xích đạo hơn. Tây Nguyên nằm ở vĩ độ thấp hơn, gần xích đạo hơn nên nhận được lượng nhiệt quanh năm ổn định và cao hơn.

Chọn A.

Câu 18: Đô thị nào sau đây ở nước ta là thành phố trực thuộc tỉnh?

A. Hạ Long.

B. Cần Thơ.

C. Đà Nẵng.

D. Hà Nội.

Câu 18 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào mạng lưới đô thị nước ta.

Cách giải:

Hạ Long là đô thị trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, các đô thị còn lại là đô thị trực thuộc Trung ương.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSS	SSĐĐ	ĐĐSĐ	SĐSĐ

Câu 1: Cho thông tin sau:

Khí hậu của miền mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, nên nhiệt độ của miền thấp hơn các miền khác, biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. Mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều; mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước, với 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C. Đặc điểm khí hậu của miền đã ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và đời sống.

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta.
- b) Khí hậu của miền thuận lợi trồng cây cận nhiệt và ôn đới.
- c) Miền có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của độ cao địa hình và gió mùa.
- d) Biên độ nhiệt độ trung bình năm của miền cao do vị trí xa xích đạo và tác động của Tín phong Bắc bán cầu.

Câu 1 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung đặc điểm các miền địa lý tự nhiên ở nước ta.

Cách giải:

- a) Đúng. Các đặc điểm như mùa đông lạnh kéo dài nhất cả nước, nhiệt độ có thể xuống dưới 18°C trong 2-3 tháng, biên độ nhiệt năm lớn, mùa hè nóng ẩm mưa nhiều là những đặc trưng khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- b) Đúng. Mùa đông lạnh là điều kiện thuận lợi để trồng các loại cây cận nhiệt và ôn đới như rau vụ đông, các loại cây ăn quả có nguồn gốc từ vùng khí hậu mát mẻ.
- c) Sai. Miền có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của vị trí địa lý (là nơi đầu tiên, cuối cùng và trực tiếp chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc), đặc điểm địa hình (là một

vùng núi thấp, hướng vòng cung, mở rộng về phía bắc và đông bắc tạo hành lang hút gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng sâu rộng) và gió mùa Đông Bắc.

d) Sai. Biên độ nhiệt độ trung bình năm của miền cao do miền chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng của nền kinh tế. Trong tất cả các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu hiện nay, dệt may là ngành có kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng cao và là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực, giữ vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế, chiếm 12-16% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

a) Công nghiệp dệt may là ngành non trẻ nhưng có đóng góp quan trọng vào kinh tế nước ta.

b) Công nghiệp dệt may ở nước ta phát triển trên cơ sở nguồn lao động trình độ cao đông đảo, thị trường tiêu thụ trong nước rộng.

c) Công nghiệp dệt may phân bố rộng rãi, phát triển mạnh ở các đô thị lớn.

d) Định hướng phát triển công nghiệp dệt may là nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về ngành công nghiệp dệt, may ở nước ta.

Cách giải:

a) Sai. Công nghiệp dệt may là ngành phát triển từ lâu, không phải là ngành non trẻ.

b) Sai. Công nghiệp dệt may là ngành không yêu cầu lao động chất lượng cao => Công nghiệp dệt may ở nước ta phát triển trên cơ sở nguồn lao động trình độ đông đảo, thị trường tiêu thụ trong nước rộng.

c) Đúng.

d) Đúng.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng ở trung tâm Bắc Bộ, giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, vịnh Bắc Bộ và Trung Quốc. Vùng có diện tích nhỏ nhưng mật độ dân số cao nhất cả nước. Vùng có địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh. Sông ngòi ở đây có giá trị nhiều mặt, tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất là than.

a) Đồng bằng sông Hồng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, đường bờ biển dài, nhiều đảo và quần đảo.

b) Để giảm sức ép dân số ở Đồng bằng sông Hồng cần xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí, đẩy mạnh quá trình đô thị hoá.

c) Biện pháp quan trọng nhất để phát triển một số ngành công nghiệp mới ở Đồng bằng sông Hồng là khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ và phát huy ưu thế về vị trí chiến lược quan trọng.

d) Khai thác lợi thế về đất đai, khí hậu, thị trường tiêu thụ là giải pháp chủ yếu giúp Đồng bằng sông Hồng phát triển trồng cây ưa lạnh trong vụ đông.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

a) Đúng.

b) Đúng. Việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí, đẩy mạnh quá trình đô thị hoá sẽ tạo ra nhiều việc làm, từ đó giảm sức ép dân số cho vùng.

c) Sai. Biện pháp quan trọng nhất để phát triển một số ngành công nghiệp mới ở Đồng bằng sông Hồng là tăng cường thu hút vốn đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao. **12**

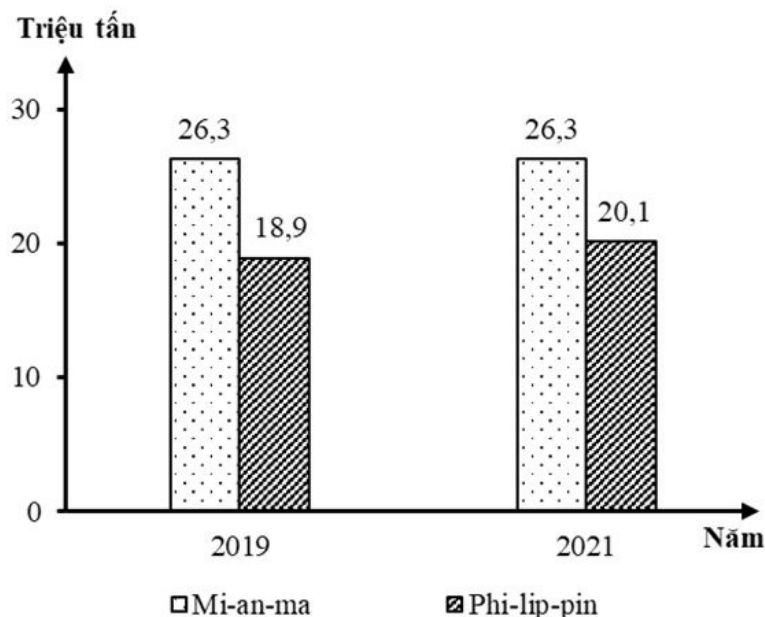
d) Đúng. Vùng có "đất phù sa màu mỡ", "khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh" tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng các loại cây ưa lạnh trong mùa đông. Thêm vào đó, với mật độ dân số cao, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp cũng lớn, tạo thị trường tiêu thụ ổn định.

Câu 4: Cho biểu đồ:

INCLUDEPICTURE

"https://yourhomework.net/yhw/f/yhw/image/2024/03/1/202403132207311674935.jpg" *

MERGEFORMATINET



SẢN LƯỢNG LÚA CỦA MI-AN-MA VÀ PHI-LIP-PIN, NĂM 2019 VÀ 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Sản lượng lúa của Mi-an-ma và Phi-líp-pin đều có sự biến động trong giai đoạn 2019 - 2021.
- b) Từ năm 2019 đến năm 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng 1,2 triệu tấn.
- c) Giai đoạn 2019 – 2021, sản lượng lúa của Mi-an-ma tăng nhanh hơn Phi-líp-pin.
- d) Giai đoạn 2019 - 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng, Mi-an-ma không có sự thay đổi.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ, xác định sản lượng lúa của Mi-an-ma và Phi-líp-pin giai đoạn 2019 – 2021 và nhận xét, suy luận.

Cách giải:

- a) Sai. Trong giai đoạn 2019 – 2021, sản lượng lúa của Mi-an-ma không thay đổi, sản lượng lúa Phi-líp-pin tăng.
- b) Đúng. Từ năm 2019 đến năm 2021, sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng: $20,1 - 18,9 = 1,2$ triệu tấn.
- c) Sai. Trong giai đoạn 2019 – 2021, sản lượng lúa của Mi-an-ma không thay đổi, sản lượng lúa Phi-líp-pin tăng $\Rightarrow$ Sản lượng lúa của Phi-líp-pin tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
- d) Đúng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	218	1,7	48,0	478	427	12,2

Câu 1: Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG Ở VINH VÀ HUẾ NĂM 2022

(Đơn vị : mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Vinh	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	166,7	352,0	718,6	47,2
Huế	296,5	234,2	2,3	44,6	142,5	92,3	10,6	41,8	681,7	1613,3	1005,5	785,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch lượng mưa trung bình năm của Huế và Vinh là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Lượng mưa trung bình năm = Tổng lượng mưa 12 tháng/12.

Cách giải:

Năm 2022, sự chênh lệch lương mưa trung bình năm của Huế và Vĩnh là:

$$[(296,5 + 243,2 + 2,3 + \dots + 785,7)/12] - [(27,4 - 77,2 + 68,8 + \dots + 47,2)/12] = 218 \text{ mm}$$

Câu 2: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA MỘT SỐ TỈNH, NĂM 2022

Tỉnh	An Giang	Kiên Giang
Diện tích lương thực có hạt (Nghìn ha)	610,5	700,1
Sản lượng lương thực có hạt (Nghìn tấn)	3943,8	4405,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, hãy cho biết năng suất lương thực có hạt năm 2022 của tỉnh An Giang cao hơn năng suất của tỉnh Kiên Giang bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Năng suất} = \text{Sản lượng} / \text{Diện tích}$$

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Năng suất lương thực có hạt năm 2022 của tỉnh An Giang cao hơn năng suất của tỉnh Kiên Giang là:

$$(3943,8/610,5) - (4405,4/700,1) = 0,17 \text{ tấn/ha} = 1,7 \text{ tạ/ha}$$

Câu 3: Năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 355,5 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 327,5 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu trong tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3 (VD):3

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ trọng trị giá nhập khẩu trong tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là:

$$[327,5/(355,5 + 327,5)] * 100 = 48,0\%$$

Câu 4: Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt của nước ta là 47,9 triệu tấn; số dân là 100,3 triệu người. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu

kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Sản lượng lương thực bình quân đầu người = Sản lượng lương thực/Số dân

Cách giải:

Đổi 47,9 triệu tấn = 47900 triệu kg

Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là:

$47900/100,3 = 478$ kg/người

Câu 5: Năm 2023, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có dân số là 17463,3 nghìn người, diện tích của vùng là 40921,7 km². Hãy cho biết mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Đổi: 17463,3 nghìn người = 17463300 người.

Mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là:

$17463300/40921,7 = 427$ người/km²

Câu 6: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN NĂM 2010 VÀ NĂM 2023

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2023
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	416,5
Cây công nghiệp lâu năm	2015,5	2165,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích cây công nghiệp hàng năm trong tổng diện tích cây công nghiệp năm 2010 so với năm 2023 giảm đi bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ lệ diện tích cây công nghiệp hàng năm trong tổng diện tích cây công nghiệp năm 2010 so với năm 2023 giảm đi:

$$[416,5/(416,5+2165,2)]*100 - [797,6/(797,6+2015,5)]*100 = 12,2\%$$

----- HẾT -----

ĐỀ 6	ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian làm bài: 50 phút</i>
-------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.D	2.A	3.B	4.D	5.A	6.A	7.B	8.C	9.D	10.D
11.A	12.A	13.A	14.C	15.A	16.A	17.C	18.A		

Câu 1: Nước ta nằm ở

- A.** khu vực phía tây Ấn Độ Dương. **B.** phía đông của Thái Bình Dương.
C. rìa phía nam của vùng xích đạo. **D.** vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Nước ta nằm ở vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Chọn D.

Câu 2: Khí hậu nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có

- A.** mưa lớn vào đầu mùa hạ. **B.** lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
C. hai mùa khác nhau rõ rệt. **D.** mưa nhiều vào thu đông.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương (xuất hiện vào nửa đầu mùa hạ) làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có mưa lớn vào đầu mùa hạ.

B sai vì lượng bức xạ Mặt Trời lớn do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.

C sai do nước ta nằm trong khu vực gió mùa châu Á nên trong năm có gió mùa đông và gió mùa hạ, tạo ra sự khác nhau giữa hai mùa.

D sai vì vùng đồng bằng Nam Bộ không có đặc điểm mưa nhiều vào mùa thu đông (đây là đặc điểm của khu vực ven biển Nam Trung Bộ).

Chọn A.

Câu 3: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

A. Làm ruộng bậc thang.

B. Chống nhiễm mặn.

C. Trồng cây theo băng.

D. Đào hồ kiểu vậ cá.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: đồng bằng.

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên đất).

Cách giải:

Chống nhiễm mặn là biện pháp được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta.

A, C, D sai vì đó là các biện pháp được sử dụng trong bảo vệ đất ở vùng đồi núi.

Chọn B.

Câu 4: Nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do nguyên nhân

A. Càng vào Nam thời tiết càng ổn định, gió mùa Đông Bắc suy giảm, Tây Nam mạnh.

B. Càng vào Nam góc nhập xạ càng nhỏ, ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam tăng cường.

C. Càng vào Nam vị trí càng gần xích đạo, ảnh hưởng gió Tín phong được tăng cường.

D. Càng vào Nam góc nhập xạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các nguyên nhân làm cho nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam. Lưu ý tới các đặc điểm về vị trí, gió mùa.

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do nguyên nhân càng vào Nam góc nhập xạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

- Góc nhập xạ: càng gần xích đạo, góc nhập xạ càng lớn. Miền Nam nằm gần Xích đạo hơn miền Bắc, do đó có góc nhập xạ lớn hơn và nhận được nhiều nhiệt hơn.

- Gió mùa Đông Bắc: khối không khí lạnh khô di chuyển từ lục địa châu Á xuống, gây ra mùa đông lạnh ở miền Bắc. Càng vào Nam, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng suy yếu do quãng đường di chuyển dài và gần như bị chặn lại ở dãy Bạch Mã (do dãy núi này có hướng tây – đông). Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam không có mùa đông lạnh, nhiệt độ cao quanh năm.

A, B, C sai vì thời tiết ổn định, gió Tây Nam, gió Tín phong không phải là nguyên nhân. Gió Tây Nam ảnh hưởng đến lượng mưa, không ảnh hưởng đến nhiệt độ. Gió Tín phong không phải là nguyên nhân chủ yếu, chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

Chọn D.

Câu 5: Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là

- A. tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dần ổn định.
- B. cơ cấu giới tính thay đổi, nguồn lao động tăng, tuổi thọ tăng.
- C. quy mô dân số tăng, nguồn lao động giảm đi, dân số trẻ hóa.
- D. chất lượng lao động cao, quy mô dân số giảm, thiếu lao động.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm về tỉ lệ sinh của nước ta và các tác động của sự thay đổi đó đến cơ cấu dân số nước ta.

Cách giải:

Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh (tỉ lệ sinh của nước ta ngày càng giảm) đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dần ổn định.

- Tuổi thọ tăng lên: mức sinh giảm là một trong những điều kiện giúp nước ta phát triển phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt, chất lượng sống được nâng cao,... => giúp tăng tuổi thọ trung bình.
- Dân số già hóa: Khi mức sinh giảm và tuổi thọ tăng, tỉ lệ người già trong tổng dân số tăng lên, dẫn đến hiện tượng già hóa dân số.
- Quy mô dân số dần ổn định: Mức sinh giảm làm chậm tốc độ tăng trưởng dân số.

B sai vì mức sinh giảm không ảnh hưởng đến cơ cấu giới tính mà ảnh hưởng đến cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.

C sai vì mức sinh giảm không làm tăng quy mô dân số và trẻ hóa dân số.

D sai vì mức sinh không liên quan, ảnh hưởng đến chất lượng lao động.

Chọn A.

Câu 6: Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

A. khôi phục nghề truyền thống.

B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.

C. phát triển kinh tế hộ gia đình.

D. khai hoang mở rộng diện tích.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề việc làm ở nước ta.

Cách giải:

Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là khôi phục nghề truyền thống. Các nghề truyền thống ở nông thôn thường sử dụng nhiều lao động, tận dụng được thời gian nhàn rỗi của người dân ngoài việc làm nông nghiệp. Việc khôi phục và phát triển các nghề này không chỉ tạo ra việc làm, tăng thu nhập mà còn góp phần bảo tồn văn hóa địa phương.

Chọn A.

Câu 7: Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là

A. ôn đới.

B. nhiệt đới.

C. cận nhiệt.

D. xích đạo.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành nông nghiệp (ngành trồng trọt).

Cách giải:

Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là nhiệt đới do nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Chọn B.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng với khu công nghiệp ở nước ta hiện nay?

2 A. Chỉ sản xuất hàng xuất khẩu.

B. Ranh giới không xác định.

C. Gắn với quá trình công nghiệp hóa.

D. Chỉ thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm khu công nghiệp.

Cách giải:

Gắn với quá trình công nghiệp hóa là phát biểu đúng. Ở nước ta, khu công nghiệp được hình thành gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chọn C.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hoạt động vận tải biển nước ta hiện nay?

A. Chuyên chở nhiều hàng hóa xuất khẩu.

B. Có các tuyến ven bờ hướng bắc - nam.

C. Có nhiều cảng hàng hóa năng lực tốt.

D. Chỉ tập trung vận chuyển hành khách.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải (vận tải đường biển).

Cách giải:

Chỉ tập trung vận chuyển hành khách là phát biểu không đúng về hoạt động vận tải biển nước ta hiện nay. Ngành giao thông vận tải biển chủ yếu phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa xuất – nhập khẩu.

Chọn D.

Câu 10: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A.** cung cấp sản lượng điện lớn cho cả nước sử dụng.
- B.** phát triển việc nuôi trồng thủy sản, ngành du lịch.
- C.** điều hòa nước lũ trong mùa mưa ở hạ lưu con sông.
- D.** tạo động lực mới cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào khai thác thế mạnh và hướng phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ (phần ngành thủy điện).

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo động lực mới cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Việc phát triển thủy điện cung cấp nguồn năng lượng quan trọng và ổn định cho các ngành kinh tế khác trong vùng. Nguồn điện này giúp thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất, tạo việc làm và nâng cao đời sống người dân.

A sai vì mặc dù thủy điện ở vùng đóng góp vào lưới điện quốc gia, nhưng đây không phải là ý nghĩa chủ yếu hướng tới sự phát triển trong vùng.

B sai vì các hồ thủy điện có thể hỗ trợ nuôi trồng thủy sản và du lịch, nhưng đây là lợi ích rất nhỏ so với tác động kinh tế - xã hội của vùng.

C sai vì một số hồ thủy điện có chức năng điều tiết lũ, nhưng đây không phải là mục tiêu phát triển thủy điện hàng đầu ở vùng này.

Chọn D.

Câu 11: Nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng có thế mạnh nổi bật là

- A.** lực lượng lao động đông và trình độ cao.
- B.** nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- C.** cần cù và chịu khó, trình độ quản lý cao.
- D.** lao động đông, có tác phong công nghiệp.

Câu 11 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào khái quát về đặc điểm dân số vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng có thể mạnh nổi bật là lực lượng lao động đông và trình độ cao.

B sai vì trước đây, lao động của nhiều vùng đều có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp do nước ta xuất phát điểm là một nước nông nghiệp => đây không phải là thế mạnh nổi bật.

C sai vì cần cù và chịu khó là đặc điểm nổi bật của nguồn lao động vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

D sai vì có tác phong công nghiệp không phải là thế mạnh của lao động vùng này.

Chọn A.

Câu 12: Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ là

- A.** ứng dụng công nghệ cao, mở rộng thị trường.
- B.** hiện đại hóa chuồng trại, phát triển chế biến.
- C.** đảm bảo cơ sở thức ăn, dùng các giống mới.
- D.** sản xuất quy mô lớn, thúc đẩy việc xuất khẩu.

Câu 12 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm ngành chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) ở Bắc Trung Bộ và liên hệ với các giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế.

Lưu ý, giải pháp chủ yếu hướng đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế thông qua tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ là ứng dụng công nghệ cao (việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi như giống, quy trình chăm sóc, phòng bệnh, chế biến sẽ giúp tăng năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất, từ đó giúp các sản phẩm chăn nuôi cạnh tranh trên thị trường), mở rộng thị trường (giúp nâng cao giá trị gia tăng cho ngành chăn nuôi từ đó làm tăng doanh thu, mở rộng cơ hội xuất khẩu từ đó tạo động lực phát triển mạnh hơn ngành chăn nuôi đại gia súc).

B sai vì hiện đại hóa chuồng trại giúp tăng năng suất, giảm dịch bệnh; tuy nhiên đây không phải là giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả kinh tế. **10**

C sai vì đảm bảo cơ sở thức ăn là chưa đúng vì chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi phía tây, nơi có nguồn thức ăn dồi dào. Giải pháp chủ yếu hướng đến việc nâng

cao hiệu quả kinh tế thông qua tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường. D sai vì sản xuất quy mô lớn nhưng không chú trọng về công nghệ, chế biến thì hiệu quả là rất thấp.

Chọn A.

Câu 13: Biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng hệ số sử dụng đất ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. xây dựng hồ chứa nước, bảo vệ rừng đầu nguồn.
- B. bảo vệ rừng đầu nguồn, phòng chống thiên tai.
- C. xây dựng các hồ chứa nước, trồng cây chịu hạn.
- D. đẩy mạnh thâm canh, phòng chống thiên tai.

Câu 13 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào hạn chế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, từ đó đưa ra các biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng hệ số sử dụng đất ở vùng này.

Cách giải:

Nền nông nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ có hạn chế lớn nhất là có mùa khô kéo dài gây ra tình trạng thiếu nước nghiêm trọng, đặc biệt là các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Thêm vào đó, vào mùa mưa, việc chặt phá rừng đầu nguồn làm cho lũ ở các sông lên nhanh.

=> Ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

=> Để tăng hệ số sử dụng đất nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ, biện pháp chủ yếu là xây dựng các hồ chứa nước để giải quyết vấn đề thiếu nước vào mùa khô và bảo vệ rừng đầu nguồn để hạn chế tác hại của lũ.

Chọn A.

Câu 14: Ý nghĩa lớn nhất của các hồ thủy điện đối với kinh tế của vùng Tây Nguyên là

- A. cung cấp nước tưới cho các vườn cây công nghiệp trong mùa khô.
- B. điều tiết nước cho các sông, cung cấp nước cho các ngành sản xuất.
- C. tạo ra nguồn điện dồi dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. thúc đẩy hoạt động du lịch sinh thái và cung cấp nước cho sinh hoạt.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế ở Tây Nguyên (phần ngành thủy điện) và liên hệ kiến thức về ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện, xây dựng hồ thủy điện đối với kinh tế ở vùng này.

Cách giải:

Ý nghĩa lớn nhất của các hồ thủy điện đối với kinh tế của vùng Tây Nguyên là tạo ra nguồn điện dồi

dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Nguồn điện dồi dào: Tây Nguyên có tiềm năng thủy điện lớn nhờ địa hình cao nguyên dốc và hệ thống sông ngòi. Các hồ thủy điện đã khai thác hiệu quả tiềm năng này, cung cấp một lượng điện năng lớn cho cả vùng và cả nước.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Việc có nguồn điện ổn định và dồi dào là yếu tố then chốt để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu,...) và các ngành công nghiệp khác. Điều này giúp đa dạng hóa cơ cấu kinh tế của vùng, giảm sự phụ thuộc vào nông nghiệp thuần túy và tạo ra nhiều việc làm hơn.

A, B, D sai vì việc phát triển thủy điện, xây dựng các hồ thủy điện nhằm mục tiêu lớn nhất là tạo ra nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất.

Chọn C.1

Câu 15: Ngành công nghiệp mũi nhọn của vùng Đông Nam Bộ là

- | | |
|---|--|
| A. khai thác và chế biến dầu khí. | B. sản xuất điện tử, máy vi tính. |
| C. sản xuất và chế biến thực phẩm. | D. dệt và sản xuất trang phục. |

Câu 15 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung phát triển các ngành kinh tế Đông Nam Bộ (phần ngành công nghiệp) hoặc dựa vào thế mạnh tự nhiên và suy luận.

Cách giải:

Ngành công nghiệp mũi nhọn của vùng Đông Nam Bộ là khai thác và chế biến dầu khí vì đây là vùng có nguồn tài nguyên dầu mỏ, khí đốt lớn nhất cả nước.

Chọn A.

Câu 16: Ý nghĩa chủ yếu của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- | |
|--|
| A. tăng hiệu quả sử dụng đất, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội. |
| B. nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, giải quyết tốt vấn đề lương thực cả nước. |
| C. phân bố lại dân cư, xóa đói giảm nghèo và tạo thêm nguồn hàng cho xuất khẩu. |
| D. tăng sản lượng lương thực, thực phẩm, giải quyết việc làm và phát triển kinh tế. |

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lý tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là tăng hiệu quả sử dụng đất, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng hiệu quả sử dụng đất: Đất phèn và đất mặn là những loại đất có năng suất nông nghiệp thấp. Việc cải tạo chúng giúp mở rộng diện tích đất có thể canh tác, nâng cao năng suất trên đơn vị diện tích, từ đó tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên đất.
- Góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội: Việc tăng hiệu quả sử dụng đất và sản lượng nông nghiệp tạo ra nguồn thu nhập lớn hơn cho người dân, cải thiện đời sống, tạo thêm việc làm và đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của vùng và cả nước.

Chọn A.

Câu 17: Vùng kinh tế trọng điểm nào ở nước ta có nhiều tỉnh, thành phố nhất?

- A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 17 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung các vùng kinh tế trọng điểm.

Cách giải:

Số lượng tỉnh, thành của các vùng kinh tế trọng điểm tính đến năm 2021:

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: 7 tỉnh, thành phố.
 - Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: 5 tỉnh, thành phố.
 - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: 8 tỉnh, thành phố.
 - Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long: 4 tỉnh, thành phố.
- => Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có nhiều tỉnh, thành phố nhất.

Chọn C.

Câu 18: Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để

- A. đánh bắt cá và hoạt động du lịch.
- B. khai thác khoáng sản và vận tải.
- C. được ưu tiên phát triển.
- D. nuôi các gia súc lớn và gia cầm.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:12

Dựa vào tài nguyên thiên nhiên ở vùng biển, các đảo và quần đảo.

Cách giải:

Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để đánh bắt cá và hoạt động du lịch.

- Đánh bắt cá: Các đảo ven bờ thường có ngư trường phong phú, đa dạng về loài và trữ lượng hải sản. Đây là nguồn lợi quan trọng cho hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản của ngư dân địa

phương và cả nước.

- Hoạt động du lịch: Với vẻ đẹp tự nhiên hoang sơ, bãi biển đẹp, khí hậu trong lành và hệ sinh thái biển độc đáo, các đảo ven bờ có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SSĐĐ	SĐSĐ	ĐSĐS	SSĐĐ

Câu 1: Cho thông tin sau:

“Nhìn trên bản đồ sông ngòi, ta thấy ngay một mạng lưới dày đặc, cắt xẻ địa hình đồi núi trùng điệp và chảy ra Biển Đông. Tất cả có đến 2360 con sông dài từ 10 km trở lên nhưng sông dài trên 100 km chỉ hơn 2%. Hai nhân tố chính chi phối mạng lưới sông ngòi ở nước ta là lượng mưa và cấu trúc địa hình.”

(Theo: Vũ Tự Lập, Địa lí tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, 2012, tr.159)

- a) Mật độ sông ngòi trên lãnh thổ nước ta rất thưa thớt.
- b) Chế độ mưa thất thường nhưng chế độ dòng chảy khá ổn định.
- c) Chế độ nước sông phân mùa lũ - cạn theo sát nhịp điệu mùa mưa - khô.
- d) Sông ngòi ở nước ta chủ yếu là sông ngòi nhỏ và ngắn, nguồn nước cung cấp chủ yếu là nước mưa và nước từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần sông ngòi).

Cách giải:

- a) Sai. Dựa vào đoạn thông tin, mật độ sông ngòi trên lãnh thổ nước ta dày đặc.
- b) Sai. Chế độ dòng chảy thất thường do chế độ mưa thất thường (chế độ dòng chảy ảnh hưởng bởi chế độ mưa).
- c) Đúng. Mùa mưa tương ứng với mùa lũ, mùa khô tương ứng với mùa cạn.
- d) Đúng.

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Đông Nam Bộ là vùng có diện trồng lúa thấp hơn Tây Nguyên.
- b) Sản lượng lúa phân theo vùng năm 2021 ở nước ta có sự khác nhau.
- c) Năm 2021, Đồng bằng sông Hồng là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể bảng số liệu trên.

Câu 2 (VD):**Phương pháp:**

- a, b) Dựa vào bảng số liệu.
- c) Dựa vào công thức tính: Năng suất = Sản lượng/Diện tích.
- d) Nhận dạng biểu đồ dựa vào các từ khóa: diện tích và sản lượng.

Cách giải:

a) Sai. Diện tích trồng lúa của Đông Nam Bộ và Tây Nguyên lần lượt là 258,9 nghìn ha và 250,2 nghìn ha => Đông Nam Bộ là vùng có diện trồng lúa cao hơn Tây Nguyên.

b) Đúng.

c) Sai. Ta có:

- Năng suất lúa vùng Đồng bằng sông Hồng là: $6020,4/970,3 = 6,20$ tấn/ha. **13**

- Tương tự, ta tính được năng suất lúa các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long lần lượt là: 5,17 tấn/ha; 6,0 tấn/ha; 5,86 tấn/ha; 5,45 tấn/ha; 6,24 tấn/ha.

=> Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.

d) Đúng. Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện hai đối tượng có đơn vị khác nhau.

Câu 3: Cho thông tin sau:

"Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2023 do Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/12 nhận định: "... hoạt động du lịch năm 2023 diễn ra sôi động". Tính chung cả năm 2023, khách

quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách. Tuy vậy, Tổng cục Thống kê đánh giá, số lượng này mới chỉ bằng 70% năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch COVID-19."

(Nguồn: Báo Nhân dân, ngày 29/12/2023)

- a) Ngành du lịch Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b) Năm 2023, ngành du lịch Việt Nam tăng trưởng bằng 70% so với năm 2019.
- c) Giai đoạn 2020 - 2021, du lịch phát triển chậm lại do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.
- d) Hoạt động du lịch biển phát triển đều nhau ở tất cả các vùng trong cả nước.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

- a) Đúng. Hiện nay, du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta.
- b) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: "Tính chung cả năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách. Tuy vậy, Tổng cục Thống kê đánh giá, số lượng này mới chỉ bằng 70% năm 2019" => Năm 2023, số khách quốc tế đến Việt Nam bằng 70% so với năm 2019.
- c) Đúng.
- d) Sai. Hoạt động du lịch biển phát triển không đều giữa các vùng do tài nguyên du lịch biển phân bố không đều.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 95,4 tỷ USD, tăng 6,8%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 275,9 tỷ USD, tăng 11,8%, chiếm 74,3%.

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a) Khu vực kinh tế trong nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
- b) Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu nước ta năm 2022 giảm so với năm 2021.
- c) Sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, chất lượng hàng hóa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.
- d). Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất do quá trình hội nhập và thu hút đầu tư.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành thương mại nước ta.

Cách giải:

- a) Sai. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 11,8%; nhanh hơn so với khu vực có vốn đầu tư trong nước (tăng 6,8%).
- b) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: “Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021.”
- c) Đúng.
- d) Đúng. Quá trình hội nhập, tăng cường tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực/thế giới giúp nước ta thu hút vốn đầu tư nước ngoài => từ đó làm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	31,6	44,7	62,8	0,12	2015	164

Câu 1: Biết trên đỉnh núi Pu-xai-lai-leng cao 2711 m đang có nhiệt độ là 16,5 °C thì trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1 200 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào sự thay đổi nhiệt độ theo đai cao: ở sườn khuất gió, cứ xuống 100m nhiệt độ giảm 1°C.

Cách giải:

Sự chênh lệch độ cao giữa 2 điểm trên là: $2711 - 1200 = 511$ m.

Theo quy luật đai cao: ở sườn khuất gió, xuống 100m nhiệt độ giảm 1°C => Xuống 511 m nhiệt độ tăng 5,11°C.

=> Trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1 200 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là:

$$16,5 + 5,11 = 31,61 \approx 31,6^\circ\text{C}.$$

Câu 2: Cho số liệu năm 2021 của nước ta về diện tích rừng là 148 nghìn km² và diện tích tự nhiên là 331 nghìn km². Hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %? (kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Độ che phủ rừng} = (\text{Diện tích rừng} / \text{Diện tích tự nhiên}) * 100$$

Cách giải:

$$\text{Độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là: } (148/331) * 100 = 44,7\%.$$

Câu 3: Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là:

$$[61,9 / (36,6 + 61,9)] * 100 = 62,8\%$$

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010-2022

(Đơn vị : ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên} = (\text{Tỉ suất sinh} - \text{Tỉ suất tử}) / 10$$

Cách giải:

So với năm 2010, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi:

$$[(17,1 - 6,8) / 10] - [(15,2 - 6,1) / 10] = 0,12\%$$

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2021
Xuất khẩu	72,2	162,0	336,1
Nhập khẩu	84,8	165,7	332,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2006, 2011, 2016 và 2022)

Cho biết tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa nước ta trong giai đoạn 2010 - 2021 thấp nhất vào năm nào?

Câu 5 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2010 là: $[84,8 / (72,2 + 84,8)] * 100 = 54,0\%$

Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2015 là: $[(162,0 / (162,0 + 165,7))] * 100 = 49,4\%$

Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2021 là: $[(336,1 / (336,1 + 332,9))] * 100 = 50,2\%$

=> Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta thấp nhất vào năm 2015.

Câu 6: Sản lượng điện nước ta tăng liên tục do nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ngày càng tăng. Sản lượng điện từ 157 949 triệu kWh năm 2015 lên 258 790,9 triệu kWh năm 2022. Hãy tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2022 so với năm 2015 (lấy năm 2015 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của phần trăm).

Câu 6 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng} = (\text{Giá trị năm sau} / \text{Giá trị năm gốc}) * 100$$

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2022 so với năm 2015 là:

$$(258\,790,9 / 157\,949) * 100 = 164\%$$

----- HẾT -----

Thời gian làm bài: 50 phút

1.B	2.A	3.A	4.A	5.C	6.C	7.A	8.C	9.B	10.B
11.B	12.C	13.A	14.C	15.A	16.A	17.D	18.D		

D. có vùng đất rộng hơn vùng biển.

Chọn B.

D. tập trung chủ yếu ở miền núi.

Chọn A.

Câu 3: Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

- A.** Cây lương thực. **B.** Cây ăn quả. **C.** Cây công nghiệp. **D.** Cây rau đậu.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Nhóm cây lương thực chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay.

Chọn A.

Câu 4: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta gồm

- A.** sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính.
B. sản xuất các máy cơ khí, sản xuất máy vi tính.
C. sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy kéo.
D. sản xuất máy móc điện tử, sản xuất máy kéo.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp (phần ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính).

Cách giải:

Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta gồm sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính.

B, C, D sai vì sản xuất các máy cơ khí, sản xuất máy kéo không phải là sản phẩm điện tử, máy vi tính.

Chọn A.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta hiện nay?

- A.** Vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng cao trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá.
B. Mạng lưới đường thủy nội địa phát triển và phân bố rộng khắp ở các vùng.
C. Ngành vận tải đường biển có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất.
D. Hàng không là ngành có khối lượng vận chuyển hàng hoá rất lớn và tăng nhanh.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải.

Cách giải:

Ngành vận tải đường biển có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất là phát biểu đúng với tình hình phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta hiện nay do đây là loại hình vận tải đảm nhiệm vai trò xuất, nhập khẩu hàng hóa lớn, công kênh di chuyển trên quãng đường xa (tới các quốc gia/khu vực khác trên thế giới).

A sai vì vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng thấp trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá.

B sai vì mạng lưới đường thủy nội địa phát triển và phân bố chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và một số tuyến khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Chọn C.

Câu 6: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- | | |
|---|--|
| A. chủ yếu phát triển ở miền núi | B. chưa sử dụng hệ thống vệ tinh. |
| C. phát triển theo hướng hiện đại. | D. gồm nhiều bưu điện văn hoá xã. |

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành bưu chính viễn thông (phần ngành viễn thông).

Cách giải:

Ngành viễn thông nước ta hiện nay phát triển theo hướng hiện đại, rộng khắp; tạo thành mạng lưới kết nối quan trọng, đồng thời với dung lượng lớn, tốc độ cao; góp phần to lớn vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chọn C.

Câu 7: Than an-tra-xít ở Đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở tỉnh

- | | | | |
|-----------------------|---------------------|----------------------|------------------|
| A. Quảng Ninh. | B. Nam Định. | C. Ninh Bình. | D. Hà Nam |
|-----------------------|---------------------|----------------------|------------------|

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Than an-tra-xít ở Đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở tỉnh Quảng Ninh.

Chọn A.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay?

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------------------|
| A. Thu hút các nguồn đầu tư. | B. Tạo nhiều cơ hội việc làm. |
| C. Được phát triển từ rất sớm. | D. Có cơ sở hạ tầng đảm bảo. |

Câu 8 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay. **10**

Cách giải:

Được phát triển từ rất sớm là phát biểu không đúng với khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay. Khu công nghệ cao được hình thành sớm nhất nước ta là Khu công nghệ cao Hòa Lạc (năm 1998), các khu công nghệ cao khác như: Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2002); Đà Nẵng (năm 2010); Công nghệ sinh học Đồng Nai (năm 2016).

Chọn C.

Câu 9: Cơ sở quan trọng nhất để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp kinh tế biển là

- A. ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc, bãi tắm đẹp.
- B. giáp vùng biển rộng, tài nguyên biển phong phú.
- C. có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, đầm phá.
- D. nhiều bãi tắm đẹp, nhiều vịnh nước sâu kín gió.

Câu 9 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Cơ sở quan trọng nhất để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp kinh tế biển là giáp vùng biển rộng, tài nguyên biển phong phú.

A sai vì điều kiện ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc là điều kiện thuận lợi giúp các ngành kinh tế biển phát triển, không phải là cơ sở quan trọng nhất để vùng phát triển tổng hợp kinh tế biển.

C sai vì đây là điều kiện thuận lợi phát triển ngành giao thông vận tải biển, mang ý nghĩa hẹp hơn ý B.

D sai vì nhiều bãi tắm đẹp là cơ sở phát triển ngành du lịch biển, nhiều vịnh nước sâu kín gió là cơ sở phát triển ngành giao thông vận tải biển, mang ý nghĩa hẹp hơn ý B.

Chọn B.

Câu 10: Ô nhiễm không khí xảy ra chủ yếu ở khu vực nào sau đây của nước ta?

- A. Khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển.
- B. Khu vực đô thị có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển.
- C. Khu vực miền núi, trung du có trồng nhiều cây công nghiệp.
- D. Khu vực đồng bằng có trồng nhiều cây hương thực, thực phẩm.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung bảo vệ môi trường (phân ô nhiễm không khí).

Cách giải:

Ô nhiễm không khí xảy ra chủ yếu ở khu vực đô thị có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển vì ô nhiễm không khí ở nước ta chủ yếu do khí thải của các phương tiện giao thông, khí thải do các hoạt động sản xuất công nghiệp, rom rạ,...

Chọn B.

Câu 11: Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của

- A. gió Tây, gió mùa Đông Bắc, độ cao các dãy núi và hình dáng lãnh thổ.
- B. vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- C. bão, dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió thổi hướng tây nam và đông bắc.
- D. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

Câu 11 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào các yếu tố gây ra sự phân hóa nhiệt độ giữa các vùng trên lãnh thổ nước ta dựa vào đặc điểm vị trí, địa hình,...

Cách giải:

Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh. **1**

- Vị trí địa lí: Việt Nam trải dài trên nhiều vĩ độ, từ khoảng $8^{\circ}34'B$ đến $23^{\circ}23'B$. Sự khác biệt về vĩ độ dẫn đến sự khác biệt về góc chiếu của Mặt Trời và thời gian chiếu sáng, do đó ảnh hưởng lớn đến lượng nhiệt nhận được giữa các vùng.
- Địa hình: Nhiệt độ giảm dần theo độ cao (cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm khoảng $0,6^{\circ}C$). Các vùng núi cao có chế độ nhiệt khác biệt rõ rệt so với vùng đồng bằng.
- Hướng các dãy núi: Các dãy núi có hướng khác nhau sẽ đón nhận bức xạ Mặt Trời khác nhau, đồng thời cũng ảnh hưởng đến sự xâm nhập của các khối khí lạnh hoặc nóng, gây ra sự khác biệt về nhiệt độ giữa các sườn núi và các vùng bị chắn gió.
- Thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh: Do vị trí địa lí nằm trong vùng nội chí tuyến, Mặt Trời lên thiên đỉnh ở các vĩ độ khác nhau vào các thời điểm khác nhau trong năm. Điều này tạo ra sự khác biệt về thời điểm có nhiệt độ cao nhất giữa các vùng.

Chọn B.

Câu 12: Năng suất lao động của nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

- A. tăng cường sử dụng máy móc, thay đổi thời thời gian sản xuất

- B. đẩy mạnh đào tạo nghề, tăng giờ làm và trẻ hóa lao động.
- C. hiện đại hóa sản xuất, chú trọng phát triển y tế và giáo dục.
- D. áp dụng nhiều kĩ thuật hiện đại, nâng cao độ tuổi lao động

Câu 12 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào các nguyên nhân giúp năng suất lao động nước ta ngày càng tăng.

Cách giải:

Năng suất lao động của nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

- Hiện đại hóa sản xuất: Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ vào sản xuất giúp nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào (vốn, nguyên liệu, lao động), từ đó tạo ra nhiều sản phẩm hơn trong cùng một đơn vị thời gian hoặc với cùng một lượng lao động. Đây là yếu tố then chốt để tăng năng suất lao động.
- Chú trọng phát triển y tế và giáo dục:
 - + Y tế: Một lực lượng lao động khỏe mạnh sẽ có năng suất làm việc cao hơn, ít bị gián đoạn do ốm đau. Việc cải thiện chất lượng y tế giúp nâng cao thể chất và tuổi thọ của người lao động.
 - + Giáo dục: Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng của người lao động thông qua giáo dục và đào tạo giúp họ tiếp thu và vận dụng các công nghệ mới, làm việc hiệu quả hơn và sáng tạo hơn.

Chọn C.

Câu 13: Sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Tây Nguyên là du lịch

- A. sinh thái, văn hoá, tìm hiểu các giá trị độc đáo của văn hoá cộng chiêng.
- B. biển đảo, sinh thái gắn với tìm hiểu bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số.
- C. đô thị, MICE, tìm hiểu lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng và sinh thái biển, đảo.
- D. nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với di sản, tìm hiểu văn hoá biển, ẩm thực biển.

Câu 13 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Tây Nguyên (phần ngành du lịch).

Cách giải:

Sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Tây Nguyên là du lịch sinh thái, văn hoá, tìm hiểu các giá trị độc đáo của văn hoá cộng chiêng.

B sai vì đó là các sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Bắc Trung Bộ.

D sai vì đó là các sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ.

C sai vì đó là các sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Đông Nam Bộ.

Chọn A.

Câu 14: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo động lực cho vùng phát triển, giải quyết tốt việc làm.
- B. giải quyết nhu cầu về điện cho vùng, phát triển thủy lợi.
- C. khai thác hiệu quả tiềm năng vùng, thúc đẩy công nghiệp.
- D. điều tiết lũ cho đồng bằng, nâng cao đời sống người dân.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào khai thác các thế mạnh và hướng phát triển kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (phần phát triển thủy) và suy luận về ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện trong vùng.

Lưu ý: ý nghĩa của việc phát triển các ngành đề hướng tới sự ăng trưởng kinh tế.

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là khai thác hiệu quả tiềm năng vùng, thúc đẩy công nghiệp.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ có tiềm năng thủy điện lớn do địa hình dốc, nhiều sông với lưu lượng nước lớn. Việc xây dựng các nhà máy thủy điện giúp tận dụng nguồn tài nguyên này một cách hiệu quả.

- Thúc đẩy công nghiệp: Nguồn điện dồi dào và ổn định từ các nhà máy thủy điện là yếu tố then chốt để phát triển các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành tiêu thụ nhiều điện như khai thác khoáng sản, chế biến nông lâm sản. Điều này tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế của vùng.

A sai vì ngành thủy điện không cần nhiều lao động => giải quyết tốt việc làm là chưa đúng.

B sai vì phát triển thủy lợi không phải là ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện.

D sai vì một số hồ thủy điện có chức năng điều tiết lũ nhưng đây không phải là ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện. Nâng cao đời sống do yếu tố kinh tế phát triển trong đó có cả thủy điện, không phải là ý nghĩa chủ yếu trực tiếp của việc phát triển thủy điện.

Chọn C.

Câu 15: Trung Bộ nước ta có mùa mưa vào thu đông chủ yếu do

- A. địa hình đón gió, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới và bão.
- B. frông, Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và hướng địa hình.
- C. hướng các dãy núi, Tín phong Nam bán cầu và áp thấp nhiệt đới.
- D. vị trí tiếp giáp biển, các gió hướng tây nam và áp thấp nhiệt đới.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa phần gió mùa và liên hệ các yếu tố gây mưa

vào mùa thu đông cho khu vực Trung Bộ.

Cách giải:

Trung Bộ nước ta có mùa mưa vào thu đông chủ yếu do địa hình đón gió, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới và bão.

- Địa hình đón gió: vào mùa thu đông, gió mùa Đông Bắc hoạt động kết hợp với các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam (như dãy Trường Sơn Bắc) ở Trung Bộ gây ra hiện tượng mưa nhiều ở sườn đông các dãy núi này.
- Hoàn lưu khí quyển: Vào thời kỳ thu đông, các hoạt động của hoàn lưu khí quyển như sự di chuyển xuống phía nam của các khối khí lạnh từ phía bắc cũng góp phần gây mưa ở Trung Bộ.¹³
- Dải hội tụ nhiệt đới: Dải hội tụ nhiệt đới thường hoạt động mạnh vào mùa hè nhưng lại có đặc điểm là hoạt động chậm dần từ bắc vào nam. Khi dải hội tụ nhiệt đới đi qua khu vực Trung Bộ vào thời kỳ này, thường gây ra những đợt mưa lớn kéo dài.
- Bão: Trung Bộ là khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều cơn bão và áp thấp nhiệt đới từ Biển Đông vào mùa thu đông, gây ra mưa lớn.

Chọn A.

Câu 16: Đối tượng nuôi trồng thủy sản của Bắc Trung Bộ ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại giá trị kinh tế cao.
- B. đường bờ biển kéo dài, có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. nhiều vùng trũng đồng bằng, trình độ lao động nâng cao.
- D. lao động giàu kinh nghiệm, tài nguyên sinh vật đa dạng.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung về một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản Bắc Trung Bộ (phần ngành thủy sản)

Cách giải:

Đối tượng nuôi trồng thủy sản của Bắc Trung Bộ ngày càng đa dạng chủ yếu do đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại giá trị kinh tế cao.

- Đáp ứng nhu cầu thị trường: Thị trường ngày càng có nhu cầu đa dạng đối với các loại thủy sản khác nhau, từ các loài truyền thống đến các loài có giá trị kinh tế cao hơn. Để đáp ứng nhu cầu này và tăng lợi nhuận, người dân và các cơ sở nuôi trồng đã chủ động tìm kiếm và phát triển các đối tượng nuôi mới.
- Mang lại giá trị kinh tế cao: Việc đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng, đặc biệt là các loài có giá trị kinh tế cao (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, các loài cá đặc sản...), giúp tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản trong khu vực.

Chọn A.

Câu 17: Thế mạnh nổi bật về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để phát triển trồng cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới chính là

- A. địa hình phần lớn đồi núi, xen kẽ các cao nguyên.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng nước lớn.
- C. khu vực đồi núi thấp có đất feralit diện tích lớn.
- D. khí hậu có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao.

Câu 17 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh để phát triển kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Lưu ý: việc có thể phát triển được các loại cây có nguồn gốc khác nhau chủ yếu do đặc điểm khí hậu.

Cách giải:

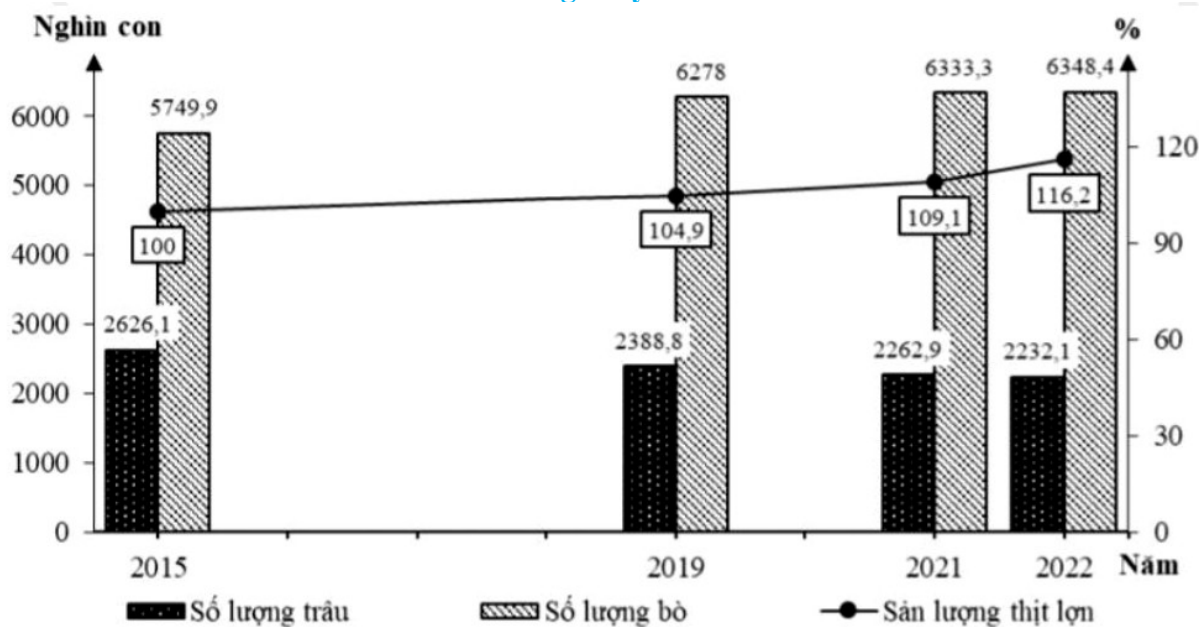
Thế mạnh nổi bật về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để phát triển trồng cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới chính là khí hậu có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao.

- Mùa đông lạnh: Cho phép trồng các loại cây ưa lạnh, có nguồn gốc ôn đới như chè, các loại rau vụ đông (bắp cải, su hào, súp lơ), một số loại cây ăn quả (mận, đào).

- Phân hóa theo độ cao: Sự thay đổi nhiệt độ theo độ cao (càng lên cao nhiệt độ càng giảm) tạo ra các tiểu vùng khí hậu khác nhau, phù hợp với nhiều loại cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt (hồi, quế, một số loại cây ăn quả) và ôn đới ở các vùng núi cao.

Chọn D.

Câu 18: Cho biểu đồ:



Số lượng trâu, bò và tốc độ tăng sản lượng thịt lợn, giai đoạn 2015 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, <https://www.gso.gov.vn>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Số lượng trâu có xu hướng tăng, số lượng bò có xu hướng giảm.
- B. Sản lượng thịt lợn và số lượng trâu đều có xu hướng tăng liên tục.
- C. Tỉ trọng đàn bò năm 2021 chiếm 73,9% tổng đàn trâu bò cả nước.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thịt lợn giai đoạn 2015 - 2022 đạt 116,2%.

Câu 18 (TH):4

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và công thức tính tỉ trọng:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) \times 100$$

Cách giải:

- A sai, dựa vào biểu đồ ta thấy số lượng trâu có xu hướng giảm, số lượng bò có xu hướng tăng.
- B sai vì số lượng trâu giảm liên tục.
- C sai vì tỉ trọng đàn bò năm 2021 chiếm: $[6348,4 / (6348,4 + 2232,1)] \times 100 = 73,99\% \approx 74\%$ tổng đàn trâu bò cả nước.
- D đúng, dựa vào biểu đồ, ta thấy tốc độ tăng trưởng sản lượng thịt lợn giai đoạn 2015 - 2022 đạt 116,2%.

Chọn D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSSS	ĐĐSĐ	ĐĐSS	ĐSSĐ

--	--	--	--	--

Câu 1: Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, hoạt động du lịch của Việt Nam trên đà phát triển. Lượng khách quốc tế đến, khách nội địa và doanh thu du lịch không ngừng tăng. Du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến nhiều hơn, trở thành một nhu cầu trong đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Tài nguyên du lịch phong phú là cơ sở tạo nên các sản phẩm du lịch khác nhau giữa các vùng.

- a) Hoạt động du lịch nước ta trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b) Các loại hình du lịch sinh thái chỉ tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- c) Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do tài nguyên du lịch tự nhiên rất đa dạng.
- d) Xu hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch xanh, du lịch cộng đồng diễn ra ở nhiều vùng kinh tế của nước ta hiện nay.

Câu 1 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

- a) Đúng. Ngành du lịch hiện nay đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ở nước ta.
- b) Sai. Hầu hết các vùng ở nước ta đều phát triển các loại hình du lịch sinh thái.
- c) Sai. Tài nguyên chỉ là cơ sở cho sự phát triển ngành du lịch. Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do chất lượng sống của người dân ngày càng cao, phát triển cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ, hoạt động quảng bá,...
- d) Đúng.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong báo cáo năm 2020 của Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch Việt Nam có đưa ra khái niệm: Du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- a) Phát triển du lịch xanh giúp khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.
- b) Du lịch xanh chịu sự tác động rất lớn của tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa - nhân văn.
- c) Những nơi kinh tế phát triển, đô thị hoá mạnh, đông dân sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch xanh hơn.
- d) Du lịch xanh là hình thức phát triển cao nhất, hiệu quả và toàn diện nhất so với các hình thức phát triển du lịch hiện nay.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành du lịch.

Cách giải:

- a) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường”
- b) Đúng. Du lịch xanh không chỉ dựa vào tài nguyên tự nhiên mà còn phải bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - nhân văn của các cộng đồng địa phương. Việc khai thác tài nguyên phải tôn trọng và gìn giữ cả giá trị văn hóa và tự nhiên.
- c) Sai. Vì du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu => Do đó, các khu vực có sự phát triển đô thị mạnh và đông dân đôi khi gặp khó khăn trong việc bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng sinh học và giảm phát thải khí nhà kính.
- d) Đúng vì du lịch xanh vừa mang lại nhiều lợi ích kinh tế, vừa bảo vệ môi trường; không ảnh hưởng xấu đến tương lai.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích rừng tự nhiên chiếm 70% tổng diện tích rừng, tỉ lệ che phủ rừng cao hơn mức trung bình của cả nước. Đặc biệt, khu vực rừng ở Bắc Trung Bộ có nhiều loại gỗ, lâm sản, các loài động vật quý nằm trong Sách đỏ Việt Nam. Ở đây có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia như Pù Mát, Phong Nha - Kẻ Bàng....

- a) Bắc Trung Bộ có diện tích rừng lớn trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- b) Rừng ở Bắc Trung Bộ vừa có giá trị kinh tế - xã hội, vừa có giá trị về môi trường sinh thái.
- c) Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng ở Bắc Trung Bộ là cung cấp gỗ và các loại lâm sản, chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt.
- d) Rừng giàu tập trung chủ yếu ở vùng đồi trước núi, có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ tính đa dạng sinh học.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về thế mạnh tự nhiên, đặc điểm ngành lâm nghiệp Bắc Trung Bộ.

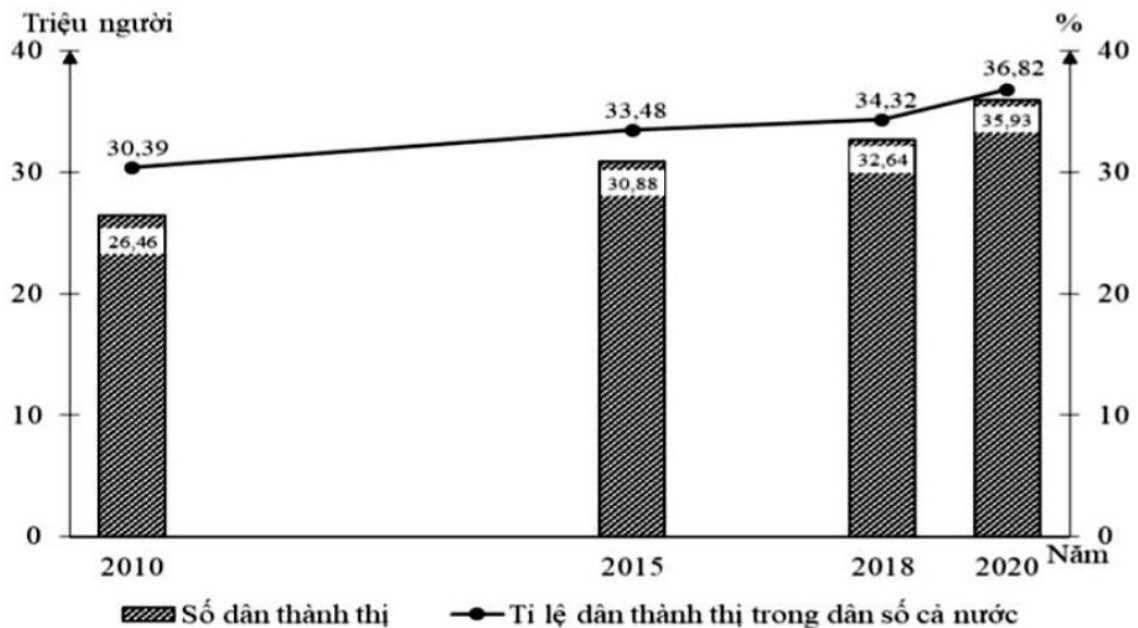
Cách giải:

- a) Đúng. Bắc Trung Bộ có diện tích rừng tự nhiên chiếm 70% tổng diện tích rừng, trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- b) Đúng. Rừng ở Bắc Trung Bộ không chỉ có giá trị kinh tế với nguồn gỗ và lâm sản, mà còn có giá trị lớn về mặt bảo vệ môi trường sinh thái, như bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói mòn đất và hạn

chế lũ lụt.

- c) Sai. Chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt không phải là vai trò về mặt kinh tế, mà đây là vai trò về mặt sinh thái. Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng ở Bắc Trung Bộ là cung cấp gỗ và các loại lâm sản.
- d) Sai. Rừng giàu tập trung ở vùng đồi núi, núi cao ở phía tây (vùng giáp biên giới với Lào (Nghệ An, Quảng Bình)).

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2010 - 2020

5 (Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

- a) Tỉ lệ dân nông thôn luôn cao hơn tỉ lệ dân thành thị.
- b) Dân số thành thị tăng liên tục, tăng thêm 6,43 triệu người.
- c) Số dân nông thôn tăng 1,14 triệu người trong giai đoạn 2010 - 2020.
- d) Tỉ lệ dân nông thôn giảm chủ yếu do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển của mạng lưới đô thị.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a, b) Dựa vào biểu đồ.

c) Tính số dân nông thôn giai đoạn năm 2010 và năm 2020 qua các bước sau:

- Tính tổng số dân:

$$\text{Tỉ lệ dân thành thị} = (\text{Số dân thành thị} / \text{Tổng số dân}) \times 100$$

$$\Rightarrow \text{Tổng số dân} = (\text{Số dân thành thị} \times 100) / \text{Tỉ lệ dân thành thị}$$

- Số dân nông thôn = Tổng số dân – Số dân thành thị.

d) Dựa vào nguyên nhân làm tỉ lệ dân nông thôn giảm.

Cách giải:

- a) Đúng vì tỉ lệ dân thành thị giai đoạn 2010 – 2020 luôn thấp dưới 50%.
- b) Sai. Số dân thành thị tăng liên tục và tăng: $35,93 - 26,46 = 9,47$ triệu người.
- c) Sai

* Tính số dân nông thôn năm 2010:

- Tổng số dân năm 2010 là: $(26,46 \cdot 100) / 30,39 = 87,0$ triệu người

- Số dân nông thôn năm 2010 là: $87,0 - 26,46 = 60,54$ triệu người

* Tính tương tự, số dân nông thôn năm 2020 là: 61,65 triệu người.

=> Giai đoạn 2010 – 2020, số dân nông thôn tăng: $61,65 - 60,54 = 1,11$ triệu người.

- d) Đúng. Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển của mạng lưới đô thị nên tỉ lệ dân thành thị tăng, tỉ lệ dân nông thôn giảm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	25,0	2019	1098	10	91,8	60,9

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022 là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

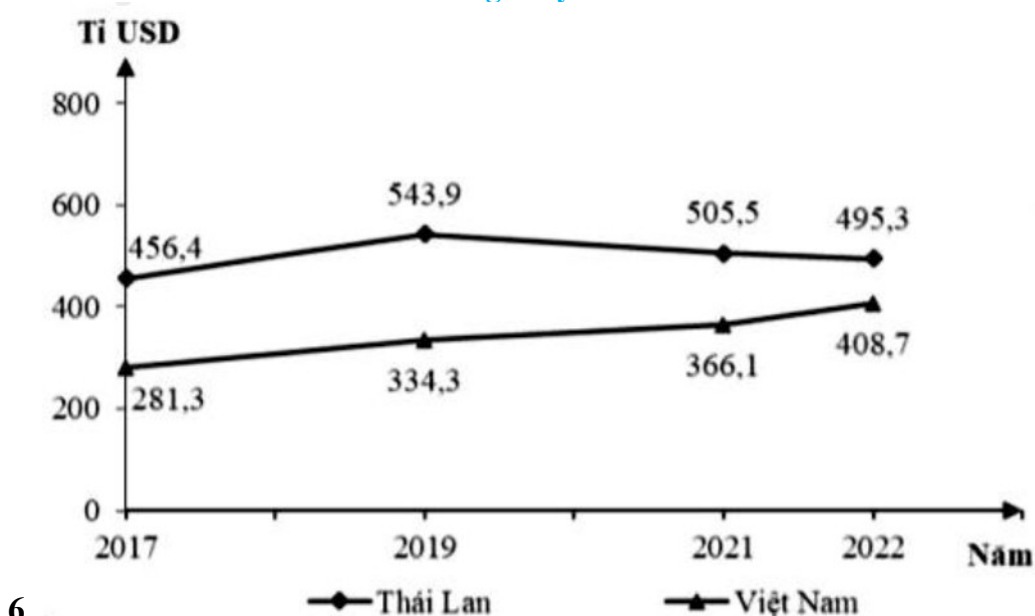
Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình của Hà Nội năm 2022 là:

$$(18,6 + 15,3 + 23,1 + \dots + 17,8) / 12 = 25,0^{\circ}\text{C}$$

Câu 2: Cho biểu đồ:



6

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2023)

Cho biết trong giai đoạn 2017 - 2022, cho biết năm nào tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan có mức chênh lệch cao nhất?

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Tính sự chênh lệch tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan qua từng năm.

Cách giải:

- Sự chênh lệch tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan giai đoạn 2017 – 2022:

+ Năm 2017: $456,4 - 281,3 = 175,1$ tỉ USD

+ Năm 2019: $543,9 - 334,3 = 209,6$ tỉ USD

+ Năm 2021: $505,5 - 366,1 = 139,4$ tỉ USD

+ Năm 2022: $495,3 - 408,7 = 86,6$ tỉ USD

=> Năm 2019 tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan có mức chênh lệch cao nhất.

Câu 3: Năm 2023, vùng Đồng bằng sông Hồng có số dân là 23372,4 nghìn người, diện tích của vùng là 21278,6 km². Tính mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 23372,4 nghìn người = 23372400 người

Mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023 là:

$23372400/21278,6 = 1098$ người/ km^2

Câu 4: Cho bảng số liệu:

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP GIAI ĐOẠN
2018 – 2021**

Năm	2018	2021
Số dự án (<i>dự án</i>)	3147	1818
Tổng vốn đăng ký (<i>Triệu đô la Mỹ</i>)	36368,6	38854,3

(Nguồn: Niên giám thống kê 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính chênh lệch bình quân số vốn đăng ký số dự án giữa năm 2021 với 2018 (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị của Triệu đô la Mỹ/dự án).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Tính bình quân số vốn đăng ký dự án dựa vào công thức:

Bình quân số vốn đăng ký dự án = Tổng số vốn đăng ký/Số dự án

Cách giải:

Chênh lệch bình quân số vốn đăng ký số dự án giữa năm 2021 với 2018 là:

$(38854,3/1818) - (36368,6/3147) = 10$ Triệu đô la Mỹ/dự án

Câu 5: Vận tải hành khách năm 2022 của nước ta đạt 4025 triệu lượt khách vận chuyển, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 3694,4 triệu lượt khách vận chuyển. Tính tỉ trọng vận chuyển hành khách của đường bộ so với toàn ngành vận tải của cả nước năm 2022. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ trọng vận chuyển hành khách của đường bộ so với toàn ngành vận tải của cả nước năm 2022 là:

$$(3694,4/4025)*100 = 91,8\%$$

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lương thực có hạt của một số tỉnh nước ta năm 2022

Tỉnh	Bắc Ninh	Thái Bình	Nam Định
Diện tích (nghìn ha)	61,1	160,7	146,0
Sản lượng (nghìn tấn)	397,2	1045,6	889,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lương thực có hạt của tỉnh thấp nhất là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Năng suất lương thực có hạt của các tỉnh là:

+ Bắc Ninh: $397,2/61,1 = 6,5$ tấn/ha = 65 tạ/ha

+ Thái Bình: $1045,6/160,7 = 6,51$ tấn/ha = 65,1 tạ/ha

+ Nam Định: $889,4/146,0 = 6,09$ tấn/ha = 60,9 tạ/ha

=> Tỉnh Nam Định có năng suất lương thực có hạt thấp nhất, đạt 60,9 tạ/ha

----- HẾT -----

ĐỀ 8	ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian làm bài: 50 phút</i>
-------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.B	2.B	3.B	4.C	5.B	6.C	7.B	8.A	9.A	10.D
11.A	12.B	13.C	14.D	15.D	16.C	17.B	18.A		

Câu 1: Quần đảo nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Thổ Chu. B. Cô Tô. C. Nam Du. D. Côn Sơn.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào khái quát vùng Đồng bằng sông Hồng (phần vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ).

Cách giải:

Quần đảo Cô Tô thuộc tỉnh Quảng Ninh, vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chọn B.

Câu 2: Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

- A. Điều. B. Đậu tương. C. Chè. D. Hồ tiêu.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào hiện trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp (phần ngành nông nghiệp).

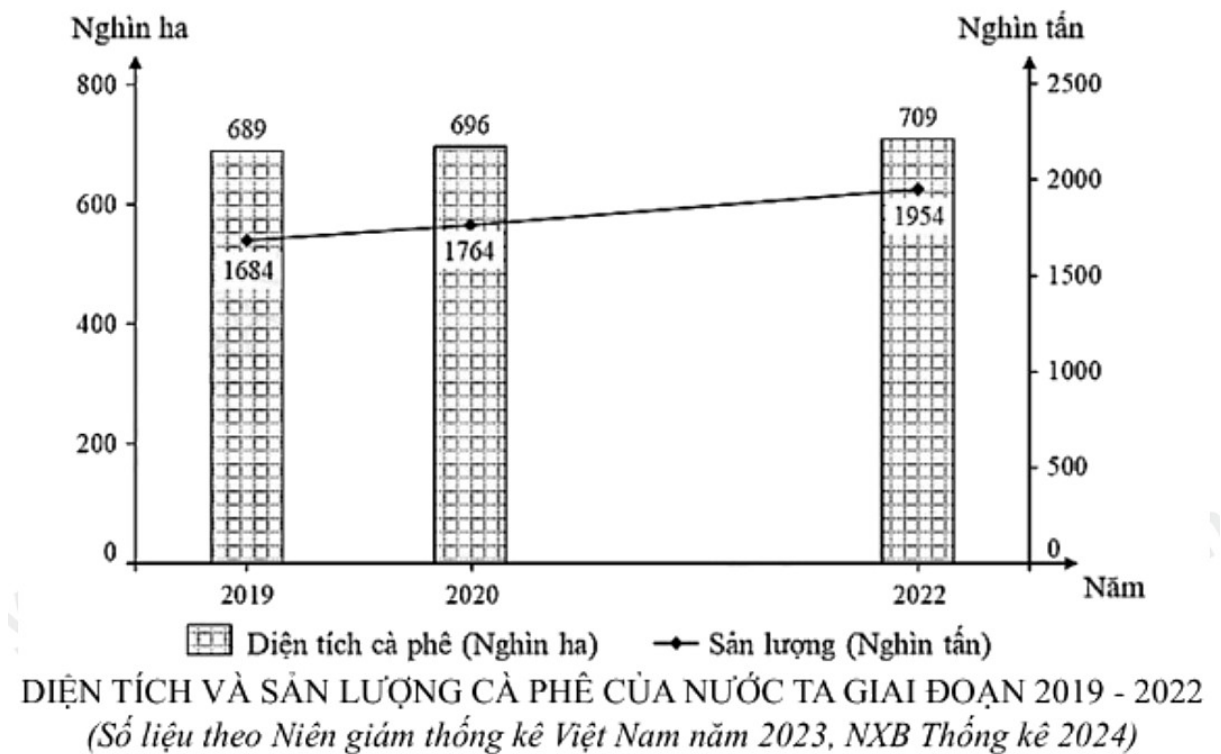
Cách giải:

Đậu tương thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm.

Điều, chè, hồ tiêu thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm.

Chọn B.

Câu 3: Cho biểu đồ sau:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng cà phê tăng, năng suất giảm. B. Năng suất cà phê có xu hướng tăng.
C. Diện tích cà phê tăng nhanh hơn sản lượng. D. Diện tích tăng nhanh, năng suất giảm.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Xác định diện tích và sản lượng cà phê giai đoạn 2019, 2020 và 2022.

Tính năng suất cà phê giai đoạn trên dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích.

Cách giải:

Dựa vào biểu đồ trên ta thấy:

- Diện tích và sản lượng cà phê đều tăng.

- Năng suất cà phê:

+ Năm 2019 là: $1684/689 = 2,4$ tấn/ha.

+ Năm 2020 là: $1764/696 = 2,5$ tấn/ha.

+ Năm 2022 là: $1954/709 = 2,8$ tấn/ha.

=> Năng suất cà phê tăng liên tục.

Vậy “Năng suất cà phê có xu hướng tăng.” là nhận xét đúng.

Chọn B.

Câu 4: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta trong mùa mưa?

- A. Rét hại. B. Sương muối. C. Sạt lở đất. D. Xâm nhập mặn.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung Chuyên đề Địa lí 12 phần một số thiên tai, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Sạt lở đất là thiên tai thường xảy ra ở vùng núi nước ta trong mùa mưa.

A, B sai vì rét hại, sương muối xuất hiện không phải do mưa.

D sai vì xâm nhập mặn xảy ra ở vùng ven biển vào mùa khô.

Chọn C.

Câu 5: Dân số nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở

- A. thành thị. B. nông thôn. C. trung du. D. miền núi.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân số nước ta (phân phân bố dân cư).

Cách giải:

Dân số nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở nông thôn. Năm 2021, tỉ lệ dân nông thôn ở nước ta là 62,9%.

Chọn B.

Câu 6: Hiệu quả kinh tế của việc phát triển cây dược liệu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng lên chủ yếu do

- A. lập vùng chuyên canh, tăng năng suất, ứng dụng khoa học kỹ thuật.
- B. tăng sự liên kết, mở rộng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh thâm canh.
- C. sản xuất tập trung, gắn với chế biến và dịch vụ, áp dụng kỹ thuật mới.
- D. đẩy mạnh chuyên môn hóa, nâng cao sản lượng, tăng cường chế biến.

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khai thác các thế mạnh và hướng phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ, liên hệ với sự phát triển cây dược liệu.

Lưu ý: việc tăng giá trị của cây dược liệu chủ yếu do tăng cường chế biến.

Cách giải:

Hiệu quả kinh tế của việc phát triển cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng lên chủ yếu do sản xuất tập trung, gắn với chế biến và dịch vụ, áp dụng kỹ thuật mới.

- Sản xuất tập trung:

- + Giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản lý chất lượng và giảm chi phí.
- + Tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiêu chuẩn và chứng nhận chất lượng.

- Gắn với chế biến và dịch vụ:

- + Tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm dược liệu thông qua việc chế biến thành các dạng sản phẩm khác nhau (ví dụ: thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm).
- + Phát triển các dịch vụ liên quan (ví dụ: du lịch dược liệu, tư vấn sức khỏe) để tăng thêm nguồn thu.

- Áp dụng kỹ thuật mới:

- + Cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm thông qua việc sử dụng giống cây tốt, phương pháp canh tác hiện đại và công nghệ chế biến tiên tiến.
- + Nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm dược liệu trên thị trường.

Chọn C.

Câu 7: Điểm du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

A. Phố cổ Hội An.

B. Phong Nha - Kẻ Bàng.

C. Di tích Mỹ Sơn.

D. Cố đô Huế.

Câu 7 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào ngành du lịch của nước ta.

Gạch chân từ khóa: thiên nhiên.

Cách giải:

Phong Nha - Kẻ Bàng là điểm du lịch được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới

A, C, D sai vì đó là các điểm di sản văn hóa.

Chọn B.**Câu 8:** Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hoá lớn nhất?

A. Đường bộ.

B. Đường biển.

C. Đường sắt.

D. Đường thủy nội địa.

Câu 8 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào ngành giao thông vận tải của nước ta.

Cách giải:

Ngành đường bộ có khối lượng vận chuyển hàng hoá lớn nhất. Năm 2021, ngành đường bộ có khối lượng vận chuyển lên đến 1 303 328 nghìn tấn.

Chọn A.**Câu 9:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về

A. diện tích cây chè.

B. diện tích cây dừa.

C. trữ lượng dầu khí.

D. trữ lượng than đá.

Câu 9 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào khai thác các thế mạnh và hướng phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích cây chè.

Chọn A.**Câu 10:** Cây ăn quả được trồng với diện tích lớn ở Bắc Trung Bộ là

A. cây vải.

B. cây mận.

C. cây mơ.

D. cây cam.

Câu 10 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Cây ăn quả được trồng với diện tích lớn ở Bắc Trung Bộ là cây cam.

A, B, C sai vì các loại cây đó được trồng nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn D.

Câu 11: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A.** phát triển nhanh theo hướng hiện đại.
- B.** quy trình nghiệp vụ mang tính thủ công.
- C.** là ngành có tốc độ phát triển còn chậm.
- D.** chủ yếu sử dụng lao động trình độ thấp.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành bưu chính viễn thông.

Cách giải:

Ngành viễn thông nước ta hiện nay phát triển nhanh theo hướng hiện đại.⁹

B, C, D sai vì ngành viễn thông cần nguồn lao động có chuyên môn kĩ thuật, có tốc độ phát triển nhanh và đang phát triển theo hướng chuyển đổi số, không còn thủ công.

Chọn A.

Câu 12: Sự thất thường của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ gây ra các khó khăn chủ yếu về

- A.** cơ cấu mùa vụ, phòng chống thiên tai, đẩy mạnh thâm canh.
- B.** kế hoạch mùa vụ, hoạt động canh tác, phòng chống thiên tai.
- C.** các loại dịch bệnh, bảo quản nông sản, hoạt động giao thông.
- D.** mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm các miền địa lí tự nhiên và ảnh hưởng của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp nước ta.

Cách giải:

Sự thất thường của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ gây ra các khó khăn chủ yếu về kế hoạch mùa vụ, hoạt động canh tác, phòng chống thiên tai.

- Kế hoạch mùa vụ:

+ Khí hậu thất thường (mưa lớn, rét đậm, sương muối...) gây khó khăn trong việc xác định thời điểm gieo trồng, thu hoạch.

+ Làm đảo lộn lịch thời vụ truyền thống, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

- Hoạt động canh tác:

+ Các hiện tượng thời tiết cực đoan gây thiệt hại cho cây trồng (ngập úng, chết rét...).

+ Ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

- Phòng chống thiên tai:

+ Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ thường xuyên phải đối mặt với các loại hình thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, rét đậm, sương muối...

+ Khí hậu thất thường làm tăng tính cực đoan của các hiện tượng thiên tai, gây khó khăn cho công tác phòng chống.

Chọn B.

Câu 13: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta những năm gần đây, tỉ trọng của năng lượng tái tạo

A. ngày càng giảm. **B.** không thay đổi. **C.** có xu hướng tăng. **D.** luôn lớn nhất.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta những năm gần đây, tỉ trọng của năng lượng tái tạo có xu hướng tăng. Năm 2010, tỉ trọng sản lượng điện từ nguồn năng lượng tái tạo là 0% thì đến năm 2021 tăng lên 12,3%.

Chọn C.

Câu 14: Điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. mùa mưa kéo dài. **B.** nhiều bãi biển đẹp. **C.** có các quần đảo. **D.** có nhiều vũng vịnh.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào điều kiện thuận lợi để xây dựng cảng biển, kết hợp với thế mạnh về vùng biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có nhiều vũng vịnh.

A sai vì mùa mưa không liên quan đến việc xây dựng cảng nước sâu.

B, C sai vì đó là các điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch biển, đảo.

Chọn D.

Câu 15: Lãnh thổ nước ta hẹp ngang, kéo dài theo chiều Bắc - Nam nên

- A. khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm.
- B. sông ngắn và dốc, lượng phù sa lớn.
- C. địa hình núi chiếm phần lớn diện tích.
- D. thiên nhiên có sự phân hoá theo vĩ độ.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.

Cách giải:

Lãnh thổ nước ta hẹp ngang, kéo dài theo chiều Bắc - Nam nên thiên nhiên có sự phân hoá theo vĩ độ.

A sai vì khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.

B sai vì sông ngắn và dốc là do địa hình và đặc điểm lãnh thổ, lượng phù sa lớn là do địa hình cắt xẻ mạnh, mưa lớn tập trung và đất bị phong hóa mạnh.

C sai vì đó là đặc điểm địa hình của nước ta, không phải do đặc điểm lãnh thổ quy định.

Chọn D.

Câu 16: Thế mạnh chủ yếu để phát triển cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất.
- B. khí hậu nhiệt đới gió mùa, có các hệ thống sông.
- C. diện tích đất phù sa lớn, nguồn nhiệt ẩm dồi dào.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm, đất fe-ra-lít có diện tích lớn.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; kết hợp với đặc điểm sinh thái cây công nghiệp hàng năm.

Lưu ý: cây trồng phụ thuộc chủ yếu vào đất đai và khí hậu.

Cách giải:

Cây công nghiệp hàng năm thích hợp trồng trên đất cát pha và đất phù sa.

Thế mạnh chủ yếu để phát triển cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ là diện tích đất phù sa lớn, nguồn nhiệt ẩm dồi dào.

A sai vì các điều kiện kinh tế - xã hội không phải là thế mạnh chủ yếu để phát triển cây công nghiệp hàng năm, việc phát triển cây trồng này dựa vào đặc điểm tự nhiên.

B sai vì có các hệ thống sông không phải là thế mạnh chủ yếu.

D sai vì đất fe-ra-lít thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm.

Chọn C.

Câu 17: Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A.** Thái Lan. **B.** Trung Quốc. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Xin-ga-po.

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Phần đất liền nước ta giáp với Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia.

=> Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với Trung Quốc.1

Chọn B.

Câu 18: Những năm gần đây, tỉ lệ dân thành thị nước ta

- A.** liên tục tăng lên. **B.** có xu hướng giảm. **C.** có sự biến động. **D.** ở mức rất cao.

Câu 18 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa.

Cách giải:

Những năm gần đây, tỉ lệ dân thành thị nước ta liên tục tăng lên.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSSĐ	ĐSDS	ĐSDS	ĐSSS

Câu 1: Cho thông tin sau:

Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Hằng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn, tổng số giờ nắng trong năm tùy từng nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm. Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều vượt 20°C (trừ vùng núi cao). Lượng mưa trung bình năm ở nước ta từ 1500 đến 2000 mm; độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương. Khí hậu nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với hai mùa gió chính là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

- a)** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện ở nhiệt độ trung bình năm và số giờ nắng.
b) Nước ta có lượng mưa lớn chủ yếu do vị trí giáp biển, có gió Mậu dịch thổi theo hướng đông bắc.

c) Cân bằng ẩm ở nước ta luôn dương do nhiệt độ cao, khí hậu phân thành hai mùa mưa khô rõ rệt.

d) Khối khí gây mưa lớn vào mùa hạ ở nước ta xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

a, b, d) Dựa vào đoạn thông tin và nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

c) Dựa vào công thức:

Cân bằng ẩm = Lượng mưa – lượng bốc hơi.

Cách giải:

a) Đúng. Đoạn thông tin cho thấy nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều vượt 20°C (trừ vùng núi cao) và số giờ nắng trong năm dao động từ 1400 đến 3000 giờ/năm. Đây là những đặc điểm điển hình của khí hậu nhiệt đới.

b) Sai. Nước ta có lượng mưa lớn chủ yếu do nước ta tiếp giáp Biển Đông rộng lớn với nguồn dự trữ nhiệt ẩm dồi dào, các khối khí di chuyển từ biển vào mang theo hơi ẩm lớn đem lại lượng mưa và độ ẩm lớn cho lãnh thổ nước ta.

c) Sai. Cân bằng ẩm dương do lượng mưa lớn hơn lượng bốc hơi.

d) Đúng. Gió thổi từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam chính là gió mùa Tây Nam thổi vào giữa và cuối mùa hạ.

Câu 2: Cho thông tin:

Nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải, trong đó đường bộ là loại hình phổ biến nhất và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng. Giao thông đường sắt đang được nâng cấp và mở rộng, đặc biệt là đường sắt đô thị. Giao thông đường biển không ngừng phát triển với các tuyến vận tải nội địa và quốc tế cùng hệ thống cảng biển. Giao thông đường hàng không cũng đang phát triển mạnh mẽ, với sự gia tăng của các hãng hàng không nội địa và quốc tế, cùng việc mở rộng và nâng cấp các sân bay. Giao thông đường thủy nội địa phát triển mạnh ở các vùng đồng bằng châu thổ.

a) Mạng lưới đường bộ được mở rộng phủ kín các vùng.

b) Ngành vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng cao trong tổng số lượng hành khách vận chuyển.

c) Vận tải đường biển có khối lượng vận chuyển hàng hoá nhỏ hơn đường thủy nội địa.

d) Giao thông vận tải hàng không phát triển nhanh, khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn, phù hợp với xu thế toàn cầu hoá.

Câu 2 (TH):

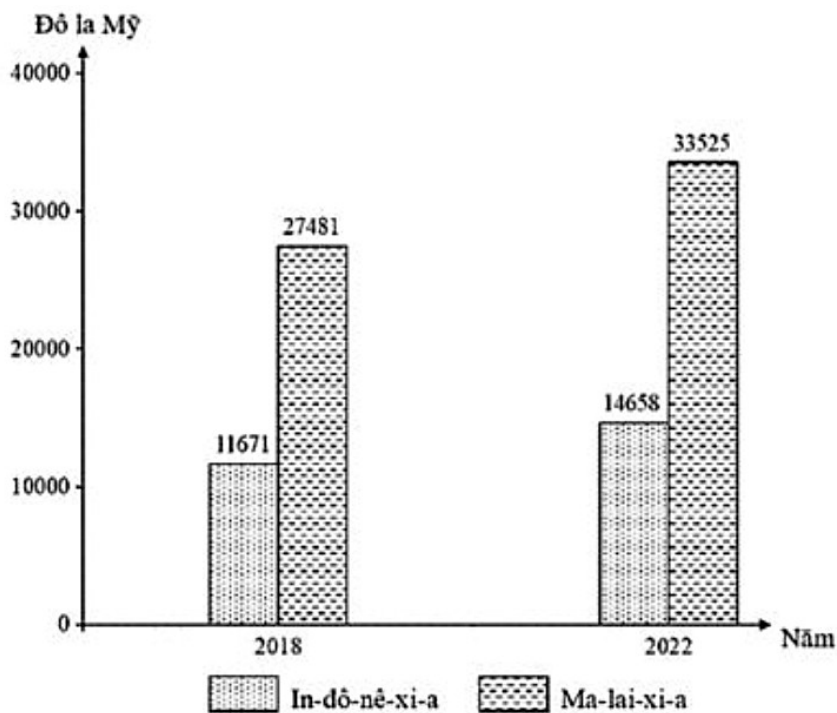
Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành giao thông vận tải.

Cách giải:

- a) Đúng.
- b) Sai. Đường bộ mới là ngành vận tải chiếm tỉ trọng cao trong tổng số lượng hành khách vận chuyển.
- c) Đúng. Năm 2021, khối lượng vận chuyển hàng hóa đường biển và đường thủy nội địa lần lượt là 69 961 nghìn tấn và 242 366 nghìn tấn.
- d) Sai. Khối lượng vận chuyển hàng hóa đường hàng không nhỏ, thấp nhất so với các ngành vận tải khác (năm 2021, khối lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không là 284 nghìn tấn).

Câu 3: Cho biểu đồ:



GDP/NGƯỜI CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2018 VÀ NĂM 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

- a) GDP/người của In-đô-nê-xi-a thấp hơn Ma-lai-xi-a.
- b) GDP/người của In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.
- c) GDP/người của Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a 3057 đô la Mỹ.
- d) GDP/người của Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a do quy mô nền kinh tế của Ma-lai-xi-a lớn hơn.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

- a) Dựa vào biểu đồ.
- b) Tăng nhanh/chậm dùng phép chia.
- c) Tính GDP/người của Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a tăng bao nhiêu đô la Mỹ rồi lấy số liệu vừa tính của Malai-xi-a trừ cho In-đô-nê-xi-a.

d) Dựa vào các yếu tố ảnh hưởng đến GDP/người.

Cách giải:

a) Đúng. Năm 2015 và năm 2022, GDP/người của In-đô-nê-xi-a đều thấp hơn Ma-lai-xi-a.

b) Sai. GDP/người của In-đô-nê-xi-a tăng: $14658/11671 = 1,26$ lần; Ma-lai-xi-a tăng: $33525/27481 = 1,22$ lần.

=> GDP/người của In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.

c) Đúng. GDP/người của In-đô-nê-xi-a tăng: $14658 - 11671 = 2987$ đô la Mỹ; Ma-lai-xi-a tăng: $33525 - 27481 = 6044$ đô la Mỹ.

=> GDP/người của Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a: $6044 - 2987 = 3057$ đô la Mỹ.

d) Sai. GDP/người cao hay thấp không chỉ do quy mô nền kinh tế mà còn phụ thuộc cả số dân.

Câu 4: Cho thông tin:

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh và phân hoá rõ rệt theo độ cao. Các đặc điểm đó tạo thuận lợi cho các cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như: chè, rau, đậu, cây dược liệu, cây ăn quả.

a) Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có khí hậu lạnh nhất nước ta.

b) Đây là vùng có diện tích cây ăn quả lớn nhất nước ta, cây ăn quả được trồng chủ yếu trên các cao nguyên, sơn nguyên.

c) Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có mùa đông lạnh do địa hình chủ yếu là núi cao, gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.

d) Giải pháp chủ yếu để tăng tính hàng hoá cho cây ăn quả là mở rộng diện tích, đưa giống năng suất cao vào sản xuất, ứng dụng kỹ thuật mới.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và khai thác thể mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

a) Đúng. Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và đặc điểm địa hình, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có mùa đông lạnh nhất cả nước.

b) Sai. Đồng bằng sông Cửu Long mới là vùng có diện tích cây ăn quả lớn nhất nước ta.

c) Sai. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có mùa đông lạnh do gió mùa Đông Bắc hoạt động kết hợp với các dãy núi hướng vòng cung phía đông bắc.

d) Sai. Mở rộng diện tích không phải là giải pháp chủ yếu, nên hình thành vùng chuyên canh, phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường, đưa giống năng suất cao vào sản xuất, ứng dụng kỹ thuật mới để nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	6,3	35,4	9,9	11,9	70	24,5

Câu 1: Năm 2022, dân số của vùng Đông Nam Bộ là 18,8 triệu người, tỉ lệ dân thành thị của vùng là 66,5%. Hãy cho biết dân số nông thôn của vùng là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần * Tổng giá trị) / 100

Cách giải:

Tỉ lệ dân nông thôn vùng Đông Nam Bộ là: $100 - 66,5 = 33,5\%$

=> Dân số nông thôn của vùng là: $(33,5 * 18,8) / 100 = 6,3$ triệu người.

Câu 2: Năm 2015, sản lượng thủy sản của nước ta là 6727,2 nghìn tấn; năm 2022 sản lượng thủy sản nước ta là 9108,1 nghìn tấn. Hãy cho biết từ năm 2015 đến năm 2022 sản lượng thủy sản của nước ta tăng thêm bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm sau / Giá trị năm gốc) * 100

Lấy tốc độ tăng trưởng năm 2022 - 100

Cách giải:

Coi sản lượng thủy sản năm 2015 là 100%

=> Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản năm 2022 là: $(9108,1 / 6727,2) * 100 = 135,4$

=> Từ năm 2015 đến năm 2022 sản lượng thủy sản của nước ta tăng thêm: $135,4 - 100 = 35,4\%$

Câu 3: Năm 2023, Đồng bằng sông Hồng có diện tích là 21278,6 km² và dân số là 23732,4 nghìn người; Tây Nguyên có diện tích là 54548,3 km² và dân số là 6163,6 nghìn người. Hãy cho biết mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng gấp mấy lần Tây Nguyên (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Đổi: 23732,4 nghìn người = 23732400 người

6163,6 nghìn người = 6163600 người

Mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng gấp:

$(23732400/21278,6) / (6163600/54548,3) = 9,9$ lần so với Tây Nguyên

Câu 4: Năm 2022, tổng mức lưu chuyển hàng hoá xuất, nhập khẩu của nước ta là 731,5 tỉ USD, trong đó nhập khẩu là 359,8 tỉ USD. Hãy cho biết năm 2022 nước ta xuất siêu bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tổng giá trị xuất nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu + Giá trị nhập khẩu.

Muốn biết xuất siêu bao nhiêu ta lấy: Giá trị xuất khẩu - Giá trị nhập khẩu.

Cách giải:

Giá trị xuất khẩu của nước ta là: $731,5 - 359,8 = 371,7$ tỉ USD

=> Năm 2022 nước ta xuất siêu: $371,7 - 359,8 = 11,9$ tỉ USD

Câu 5: Năm 2021, khối lượng hàng hóa luân chuyển của ngành vận tải đường biển nước ta là 70,1 tỉ tấn.km và cự ly vận chuyển trung bình đạt 1002 km. Hãy cho biết khối lượng hàng hóa vận chuyển của ngành vận tải đường biển nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Khối lượng vận chuyển = Khối lượng luân chuyển/Cự ly vận chuyển trung bình

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 70,1 tỉ tấn.km = 70100 triệu tấn.km

Khối lượng hàng hóa vận chuyển của ngành vận tải đường biển nước ta năm 2021 là:

$70100/1002 = 70$ triệu tấn

Câu 6: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2023 TẠI TRẠM QUAN TRẮC BÃI CHÁY
(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,4	19,6	21,5	24,3	27,7	29,1	30,1	28,5	27,9	26,6	23,3	19,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Bãi Cháy là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Nhiệt độ trung bình = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ không khí trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Bãi Cháy là:

$(16,4 + 19,6 + 21,5 + \dots + 19,2)/12 = 24,5^{\circ}\text{C}$

----- HẾT -----

ĐỀ 9	ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian làm bài: 50 phút</i>
-------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm. (4,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	A	A	A	D	C	C	D	C	B	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18		
Chọn	D	D	C	A	A	D	A	A		

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm. (4,0 điểm)

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	a) S b) Đ c) Đ	a) Đ b) Đ c) S	a) Đ b) Đ c) S	a) Đ b) S c) Đ

	d) S	d) Đ	d) Đ	d) S
--	------	------	------	------

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm. (1,5 điểm)

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án	25,8	673	1,9	326	47	8,2

ĐỀ 10

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	11	B
2	B	12	A
3	B	13	A
4	A	14	B
5	B	15	C
6	A	16	A
7	A	17	A
8	B	18	A
9	A		
10	A		

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được **1,0 điểm**.

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	a) Đúng b) Đúng c) Sai d) Đúng	a) Sai b) Sai c) Đúng d) Đúng	a) Sai b) Đúng c) Sai d) Sai	a) Sai b) Đúng c) Sai d) Đúng

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	Đáp án
1	13,2

2	5
3	49,8
4	4,1
5	2187
6	9,6